CÔNG TY TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN

ĐẾN | ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
Số
Ngày 18 / 12 / 2025

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
KHU KINH TẾ TỈNH ĐỒNG NAI
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 18 -12- 2025
Ngày:
Chuyển:

KẾ HOẠCH
ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI CỦA CÔNG TY TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN

ĐỊA ĐIỂM: LÔ SỐ 9, KCN GIANG ĐIỀN, XÃ AN VIỄN, TỈNH ĐỒNG NAI

UBND XÃ AN VIỄN
ĐẾN Số:
Ngày: 19/12/2025
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI - PHÒNG PC03
ĐẾN Số:
Ngày: 18/12/25
Chuyển:
Số và ký hiệu HS:

ĐỒNG NAI, NĂM 2025

CÔNG TY TNHH GREAT KINGDOM
GIANG ĐIỀN

KẾ HOẠCH
ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI CỦA CÔNG TY TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN

ĐỊA ĐIỂM: LÔ SỐ 9, KCN GIANG ĐIỀN, XÃ AN VIỄN, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỦ CƠ SỞ
TỔNG GIÁM ĐỐC

TSAI YU MING

ĐỒNG NAI, NĂM 2025

CÔNG TY TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
-------	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/KH-KD	*Đồng Nai, ngày 18 tháng 12 năm 2025*

KẾ HOẠCH
PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ CHẤT THẢI CỦA CÔNG TY TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN

I. MỞ ĐẦU

1.1. Sự cần thiết phải lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải

Việc xây dựng Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải là hết sức cần thiết nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất, kinh doanh diễn ra an toàn, bền vững và tuân thủ pháp luật. Trong quá trình hoạt động sản xuất, các sự cố có thể xảy ra như rò rỉ hóa chất, tràn đổ dầu, phát tán khí độc, cháy nổ, sự cố nước thải hoặc chất thải nguy hại… hoàn toàn có thể xảy ra, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường đất, nước, không khí, hệ sinh thái cũng như sức khỏe cộng đồng và uy tín của doanh nghiệp. Nếu không có kế hoạch phòng ngừa và ứng phó kịp thời, các sự cố này có thể lan rộng, khó kiểm soát, gây thiệt hại lớn về kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hình ảnh doanh nghiệp.

Kế hoạch này đóng vai trò như một công cụ quản lý rủi ro, giúp nhận diện trước các nguy cơ, xây dựng biện pháp phòng ngừa, bố trí nguồn lực, trang thiết bị, nhân sự và quy trình hành động khi sự cố xảy ra. Đồng thời, việc lập kế hoạch còn đáp ứng yêu cầu của pháp luật về bảo vệ môi trường, góp phần nâng cao năng lực sẵn sàng ứng phó, giảm thiểu tối đa tác động xấu và nhanh chóng khắc phục hậu quả sau sự cố. Qua đó, doanh nghiệp không chỉ bảo đảm an toàn trong sản xuất mà còn thể hiện trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường sống và hướng tới phát triển bền vững.

Nhằm tuân thủ các quy định của pháp luật và thực hiện theo Điều 108 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường; Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; Quyết định số 11/2025/QĐ – TTg ngày 23/04/2025 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải; Thông tư số 41/2025/TT – BTNMT ngày 14/07/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Hướng dẫn kỹ

thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường. Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền đã triển khai thực hiện lập Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải.

1.2. Các căn cứ pháp lý lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải

1.2.1. Các văn bản cấp Trung ương

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 của Quốc Hội thông qua ngày 18/01/2024. Luật số 43/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

- Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 ngày 29/11/2024 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy số 40/2013/QH13 ban hành ngày 01/01/2013 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 21/11/2013;

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, ngày 17/11/2020 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020;

- Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường.

- Nghị định 05/2025/NĐ – CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải.

- Quyết định số 1251/QĐ – TTg ngày 26/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình tăng cường phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường cấp Quốc gia đến năm 2030.

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ tài nguyên môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.

- Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 08/2018/TT-BCA ngày 05/03/2018 của Bộ Công An quy định chi tiết một số điều của Nghị định 83/2017/NĐ-CP ngày 18/07/2017 quy định về cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy.

- Thông tư số 41/2025/TT – BTNMT ngày 14/07/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.

- Thông tư số 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 của Bộ Công An quy định về quản lý, bảo quản, bảo dưỡng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

1.2.2. Các văn bản cấp Tỉnh

- Quyết định số 238/QĐ-PCTT ngày 15/11/2021 của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Tỉnh Đồng Nai;

- Quyết định số 867/QĐ-PCTT ngày 07/04/2022 của UBND Tỉnh Đồng Nai về việc kiện toàn Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Tỉnh Đồng Nai.

1.2.3. Cơ sở pháp lý của Cơ sở

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603357615 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 02 năm 2016, thay đổi lần thứ 10 ngày 29 tháng 07 năm 2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số cơ sở: 9876303670 do Ban Quản lý các KCN Tỉnh Đồng Nai cấp; chứng nhận lần đầu ngày 01/02/2016; chứng

nhận thay đổi lần thứ bảy ngày 15/03/2024.

- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 11/QĐ-KCNĐN ngày 09/01/2018 của Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp cho dự án "Nhà máy sản xuất các sản phẩm bằng gỗ: Giường, tủ, bàn, ghế, kệ, móc treo, xe đẩy với công suất 2.500.000 sản phẩm/năm, diện tích cơ sở 315.302 m^2" của Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền tại KCN Giang Điền, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.

- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại do Chi cục Bảo vệ Môi trường Tỉnh Đồng Nai cấp số 40/SĐK-CCBVMT ngày 11/06/2020, mã số QLCTNH: 75.002863.T (cấp lần 1).

- Hợp đồng thuê lại đất số 15/HĐTĐ/GĐ ngày 04/03/2016 của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển KCN (Tổng công ty Sonadezi) và Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền.

- Giấy phép xây dựng số 99/GPXD-KCNĐN ngày 13/06/2018 do Ban quản lý các KCN Tỉnh Đồng Nai cấp.

- Giấy phép xây dựng số 184/GPXD-KCNĐN ngày 12/09/2019 do Ban quản lý các KCN Tỉnh Đồng Nai cấp.

- Giấy phép xây dựng số 151/GPXD-KCNĐN ngày 31/07/2020 do Ban quản lý các KCN Tỉnh Đồng Nai cấp.

- Văn bản số 698/KCNĐN-QHXD ngày 13/03/2020 của Ban quản lý các KCN Tỉnh Đồng Nai về việc thông báo chấp nhận kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng công trình của Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền.

- Văn bản số 2416/KCNĐN-QHXD ngày 11/08/2020 của Ban quản lý các KCN Tỉnh Đồng Nai về việc thông báo chấp nhận kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành nhà máy sản xuất các sản phẩm gỗ của Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền.

- Văn bản số 2997/KCNĐN-QHXD ngày 01/10/2020 của Ban quản lý các KCN Tỉnh Đồng Nai về việc thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng của Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt phòng cháy và chữa cháy số 226/CNTD-PCCC ngày 14/04/2018.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt phòng cháy và chữa cháy số 154/CNTD-PCCC ngày 15/03/2021.

- Văn bản nghiệm thu hệ thống PCCC số 376/PC07-PC ngày 09/12/2019.

- Văn bản nghiệm thu hệ thống PCCC số 94/PC07-PC ngày 11/03/2020.

- Văn bản nghiệm thu hệ thống PCCC số 245/PCCC-NT ngày 18/08/2020.

- Hợp đồng số V013/2025/HĐKT/TTN-GK ngày 01/01/2025 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền với Công ty Cổ phần Môi trường Tân Thiên Nhiên.

- Hợp đồng số 05.2025/HĐCT/VX-KD ngày 02/05/2025 về việc thu gom, vận chuyển, và chuyển giao rác sinh hoạt thông thường giữa Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền với Công ty TNHH TMDV Môi trường Việt Xanh Vũng Tàu.

- Hợp đồng số 05.2025/HĐCT/VX-KD ngày 02/05/2025 về việc thu gom, vận chuyển, và chuyển giao rác thải công nghiệp thông thường giữa Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền với Công ty TNHH TMDV Môi trường Việt Xanh Vũng Tàu.

- Hợp đồng xử lý nước thải tại KCN Giang Điền số 40/HĐNT/GĐ ngày 31/03/2020 giữa Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền và Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền.

- *Các văn bản pháp lý liên quan khác.*

II. THÔNG TIN CHUNG

2.1. Thông tin chung về địa hình, địa lý tại khu vực cơ sở hoạt động

❖ Vị trí địa lý

Cơ sở được thực hiện trên khu đất có diện tích 315.320 m^2 tại Lô số 9, KCN Giang Điền, xã An Viễn, Tỉnh Đồng Nai.

Các hạng mục công trình cơ sở như sau:

Bảng 1. Các hạng mục công trình của cơ sở

STT	Hạng mục xây dựng	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
I	**Công trình chính**			
1	Nhà xưởng 1 (Khu A)	13.984,36	4,43	Hiện hữu

STT	Hạng mục xây dựng	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
2	Nhà xưởng 2 (Khu A)	18.810	5,97	Hiện hữu
3	Nhà xưởng 7 (Khu B)	11.340	3,60	Hiện hữu
4	Nhà xưởng 8A (Khu B)	8.064	2,56	Hiện hữu
5	Nhà xưởng 8B (Khu B)	8.064	2,56	Hiện hữu
6	Nhà xưởng 8C (Khu B)	8.064	2,56	Hiện hữu
7	Nhà xưởng 9A (Khu B)	8.160	2,59	Hiện hữu
8	Nhà xưởng 9B (Khu B)	8.160	2,59	Hiện hữu
9	Nhà xưởng 9C (Khu B)	8.160	2,59	Hiện hữu
10	Nhà xưởng 10 (Khu B)	18.720	5,94	Hiện hữu
11	Nhà xưởng 11 (Khu A)	5.053,09	1,60	Hiện hữu
II	**Công trình phụ trợ**			
12	Kho sơn (Xưởng 8)	616,2	0,20	Hiện hữu
13	Nhà điều hành	1.826,7	0,58	Hiện hữu
14	Nhà ăn	1.754,26	0,56	Hiện hữu
15	Nhà ăn	1.261,61	0,38	Hiện hữu
16	Nhà nghỉ giữa ca cán bộ	1.211,64	0,38	Hiện hữu
	Nhà xưởng 1			
17	Mái nối nhà xưởng 1 và nhà xưởng 2	132	0,04	Hiện hữu
18	Nhà vệ sinh 1	87,45	0,03	Hiện hữu
19	Nhà vệ sinh 2	91,20	0,03	Hiện hữu
	Nhà xưởng 2			
20	Phòng cấp điện	360	0,11	Hiện hữu
21	Phòng máy nén khí	280,6	0,09	Hiện hữu
22	Phòng máy phát điện	192	0,06	Hiện hữu
23	Nhà vệ sinh 1	91,35	0,03	Hiện hữu
24	Nhà vệ sinh 2	86,65	0,03	Hiện hữu
25	Nhà vệ sinh 3	61,92	0,02	Hiện hữu
	Nhà xưởng 7			
26	Nhà vệ sinh	84,10	0,03	Hiện hữu
	Nhà xưởng 8			
27	Mái nối nhà xưởng 8 và nhà xưởng 9	141,48	0,04	Hiện hữu
28	Phòng máy nén khí	390	0,12	Hiện hữu
29	Nhà cấp điện	391,56	0,12	Hiện hữu
30	Phòng đóng gói	160,76	0,05	Hiện hữu

STT	Hạng mục xây dựng	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
31	Nhà vệ sinh 6 (kho sơn)	87,45	0,03	Hiện hữu
32	Nhà vệ sinh 8 (kho sơn)	38,90	0,01	Hiện hữu
	Nhà xưởng 9			
33	Nhà vệ sinh 1	72,9	0,02	Hiện hữu
34	Nhà vệ sinh 2	60,48	0,02	Hiện hữu
35	Nhà vệ sinh 3	60,48	0,02	Hiện hữu
36	Nhà vệ sinh 4	72,9	0,02	Hiện hữu
37	Nhà vệ sinh 5	60,48	0,02	Hiện hữu
38	Nhà vệ sinh 6	84,89	0,03	Hiện hữu
39	Nhà vệ sinh 7	87,45	0,03	Hiện hữu
	Nhà xưởng 10			
40	Nhà vệ sinh	78,3	0,02	Hiện hữu
41	Nhà xe 02 bánh (giai đoạn 1)	1.826,7	0,58	Hiện hữu
42	Nhà bảo vệ cổng 3	51,1	0,02	Hiện hữu
43	Nhà bảo vệ cổng 1,2,3A	26,42	0,01	Hiện hữu
44	Trạm điện	196	0,06	Hiện hữu
III	**Công trình môi trường**			
45	Khu xử lý nước thải khu A + nhà điều hành	88,40	0,02	Hiện hữu
46	Khu xử lý nước thải khu B	175	0,05	Hiện hữu
47	Kho chứa mạt cưa 1	70,25	0,02	Hiện hữu
48	Kho chứa mạt cưa 2	139,25	0,04	Hiện hữu
49	Khu lưu giữ rác thải sinh hoạt, công nghiệp khu A	54	0,02	Hiện hữu
50	Khu lưu giữ rác thải nguy hại khu A	54	0,02	Hiện hữu
51	Khu lưu giữ rác thải sinh hoạt khu B (xưởng 9)	15	0,01	Hiện hữu
52	Khu lưu giữ rác thải công nghiệp khu B (xưởng 9)	82,5	0,03	Hiện hữu
53	Khu lưu giữ rác thải nguy hại khu B (xưởng 8)	60,5	0,02	Hiện hữu
54	Bể chứa nước PCCC	500 m^3	-	Hiện hữu
IV	**Sân đường**	**122.863**	39,0	
V	**Cây xanh**	**63.100**	20,0	
	Tổng diện tích	**315.320**	**100**	

(Nguồn: Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền)

❖ **Các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội**

a. Vị trí thực hiện

Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền: Lô số 9, KCN Giang Điền, xã An Viễn, Tỉnh Đồng Nai.

Vị trí tiếp giáp như sau:

+ Phía Bắc: giáp đường số 5 và đường số 9 KCN

+ Phía Tây Nam: giáp đường nội bộ KCN

+ Phía Đông: giáp đường nội bộ KCN

+ Phía Tây: giáp Công Ty TNHH Men-Chuen Việt Nam (Giang Điền)

b. Các đối tượng khác xung quanh khu vực cơ sở có khả năng bị tác động bởi Cơ sở

Cơ sở nằm trong KCN Giang Điền đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép môi trường số 404/GPMT – BTNMT ngày 7/10/2024, không có dân cư sinh sống nên đối tượng có nguy cơ chịu tác động bởi Cơ sở chủ yếu là các Công ty lân cận, ngoài ra quy hoạch tại Khu công nghiệp có khoảng cách ly cần thiết nên khả năng ảnh hưởng đến các đối tượng này là không cao.

2.2. Thông tin chung về cơ sở:

a) Thông tin chung về cơ sở

- Tên chủ cơ sở: **CÔNG TY TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN**

- Địa chỉ văn phòng: Lô số 9, KCN Giang Điền, xã An Viễn, Tỉnh Đồng Nai.

- Địa điểm thực hiện cơ sở: Lô số 9, KCN Giang Điền, xã An Viễn, Tỉnh Đồng Nai.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: Ông **TSAI YU MING**

- Chức vụ: Tổng Giám Đốc;

- Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan);

- Điện thoại: 0251.3931311;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603357615 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 02 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 29 tháng 07 năm 2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

- Giấy chứng nhận đầu tư số 9896303670 do Ban quản lý các Khu công

nghiệp Đồng Nai, chứng nhận lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2016, chứng nhận thay đổi lần thứ 7 ngày 15 tháng 03 năm 2024.

b) Thủ tục môi trường đã được cấp

- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 11/QĐ-KCNĐN ngày 09/01/2018 của Ban quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai cấp cho cơ sở "Nhà máy sản xuất các sản phẩm bằng gỗ: Giường, tủ, bàn, ghế, kệ, móc treo, xe đẩy với công suất 2.500.000 sản phẩm/năm, diện tích cơ sở 315.302 m^2" của Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền tại KCN Giang Điền, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

c) Quy mô công suất loại hình sản xuất

- Quy mô/công suất: Nhà máy sản xuất các sản phẩm bằng gỗ: Giường, tủ, bàn, ghế, kệ, móc treo, xe đẩy với công suất 2.500.000 sản phẩm/năm.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất các sản phẩm bằng gỗ: Giường, tủ, bàn, ghế, kệ, móc treo, xe đẩy.

**** Công nghệ sản xuất của cơ sở:***

Quy trình sản xuất sản phẩm

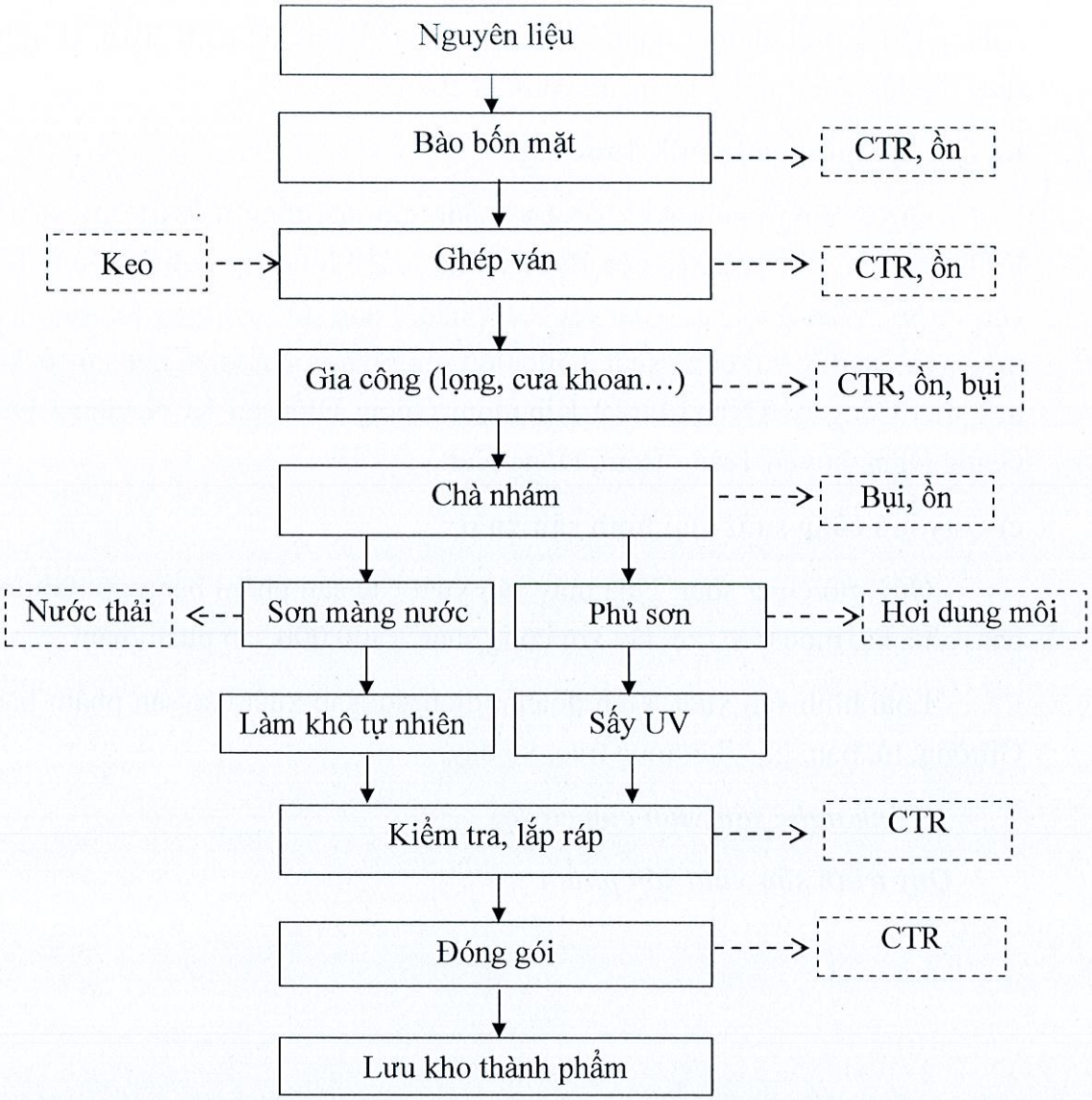

Hình 1. Quy trình sản xuất tại Công ty

Thuyết minh quy trình sản xuất:

Nguyên liệu: Nguyên liệu là các bán thành phẩm gỗ đã qua xử lý được nhập trong nước (đối với gỗ cao su) và từ nước ngoài (các loại ván MDF, Oval…) toàn bộ gỗ đã được tẩm sấy sơ bộ và xử lý, do đó khi nhập về Công ty sẽ được nhập ngay vào kho và chờ chuyển qua các khâu gia công sản xuất.

Bào: công đoạn này nhằm tạo điều kiện cho các quá trình gia công tiếp theo, khi bào bề mặt gỗ sẽ mịn hơn, mang tính thẩm mỹ và kích thước theo yêu cầu của sản phẩm. Lượng dặm bào sẽ được thu vào thùng, hàng ngày công nhân sẽ vận chuyển về kho chứa. Cuối công đoạn, công nhân kiểm tra sản phẩm bào, đối với các sản phẩm bị lỗi bề mặt như có lỗi nhỏ, vết nứt sẽ được dùng mùn cưa và keo 502 để trám trét lại. Tại các máy bào bố trí máng thi dăm bào và dẫn vào thùng

chứa, không để rơi vãi phát sinh lên bề mặt nhà xưởng.

Ghép: đối với một số sản phẩm cần có ván ép MDF sẽ được ghép dán vào tại công đoạn ghép, quá trình này sử dụng keo sữa để tiến hành dán ghép nên không làm phát sinh hơi dung môi. Hơi keo sữa trong quá trình này không độc, nên chủ cơ sở sử dụng thông gió tự nhiên để khuếch tán lượng hơi này.

Gia công (khoan, cắt, lọng…): nhằm tạo tính thẩm mỹ và tạo điều kiện cho quá trình lắp ráp sau này, công nhân sẽ tiến hành sử dụng các máy chuyên dụng để tiến hành gia công khoan, cắt… các bán thành phẩm. Quá trình này phát sinh lượng bụi gỗ, gỗ vụn,… sẽ được công nhân thu vào thùng và chuyển về kho chứa để tận dụng làm nhiên liệu cho lò hơi.

Sau khi hoàn thiện các bước cơ bản, các bán thành phẩm được chuyển toàn bộ qua quá trình chà nhám.

Chà nhám: quá trình chà nhám được phân thành 2 loại: chà nhám thùng và chà nhám tay.

+ Chà nhám thùng: được thực hiện bằng máy chà thùng và thường sử dụng cho các chi tiết lớn, máy này được thiết kế kín hoàn toàn, chỉ có 2 cửa vào và ra cho sản phẩm bằng màng chắn cao su nhằm hạn chế bụi phát ra ngoài. Chổi chà được lắp đặt trong thùng và trang bị kèm theo các ống hút bụi ngay tại điểm phát sinh. Lượng bụi được thu và dẫn về filer lọc bụi lắp đặt bên ngoài nhà xưởng.

+ Chà nhám tay: được thực hiện bằng các máy cầm tay, thường áp dụng khi chà các chi tiết nhỏ và có bề mặt không đồng đều. Công đoạn chà nhám tay được thực hiện trên các máy chà nhám chuyên dụng, có trang bị hệ thống hút bụi ngay trên máy chà, lượng bụi này được thu về túi chứa của máy mà không thải trực tiếp ra ngoài.

Sau khi chà nhám, bề mặt gỗ đã đạt yêu cầu sẽ được chuyển qua công đoạn sơn nhằm hoàn thiện tính thẩm mỹ cho sản phẩm.

Công ty sử dụng 02 công nghệ sơn: 01 dây chuyền sơn màng nước, 01 dây chuyền sơn – sấy UV, chi tiết như sau:

1. Dây chuyền sơn sử dụng buồng sơn màng nước (bán tự động):

Áp dụng cho các sản phẩm có nhiều chi tiết, hình dạng phức tạp như ghế, chi tiết giường,...Các chi tiết được treo lên giá, hệ thống giá sẽ di chuyển liên tục dọc theo dây chuyền. Công nhân sử dụng súng phun sơn cầm tay (kết nối máy nén khí) để thực hiện thao tác sơn. Bụi sơn phát sinh trong quá trình phun được màng nước

hấp thụ và lắng xuống bồn chứa.

Nước trong buồng sơn được tuần hoàn trong thời gian trung bình khoảng 7 ngày, có thể ngắn hơn tùy điều kiện sản xuất (ngắn nhất 1 ngày). Khi hết vòng tuần hoàn, nước thải sẽ được thu gom, xử lý tại hệ thống xử lý nước thải của nhà máy trước khi đấu nối xả ra hệ thống thoát nước chung của KCN. Váng sơn phát sinh được vớt định kỳ hàng ngày và lưu trữ tại kho chất thải nguy hại.

Sau khi sơn hoàn tất, các chi tiết được đưa lên cao trên giá để làm khô tự nhiên.

2. Dây chuyền sơn – sấy UV (bán tự động):

Áp dụng cho các sản phẩm yêu cầu độ hoàn thiện cao. Quy trình này được thiết kế theo hướng bán tự động, kết hợp giữa hệ thống băng tải – phun sơn tự động và thao tác thủ công.

Sản phẩm được treo lên giá, di chuyển vào buồng sơn. Công nhân sử dụng súng phun cầm tay để sơn trực tiếp lên sản phẩm, trong khi hệ thống hút và xử lý bụi sơn (màng nước/quạt hút) giúp kiểm soát phát tán sơn ra môi trường.

Sau khi sơn, sản phẩm được đưa vào buồng sấy UV. Tại đây, công nhân đặt sản phẩm vào vị trí cố định, sau đó hệ thống đèn chiếu tia cực tím (UV) sẽ hoạt động tự động để làm khô lớp sơn. Nhờ nhiệt độ cao từ đèn UV, lớp sơn khô nhanh trong thời gian ngắn, đảm bảo độ bền, độ bóng và tính thẩm mỹ cho sản phẩm. Thời gian sấy có thể điều chỉnh tùy thuộc vào loại sản phẩm và lớp sơn sử dụng.

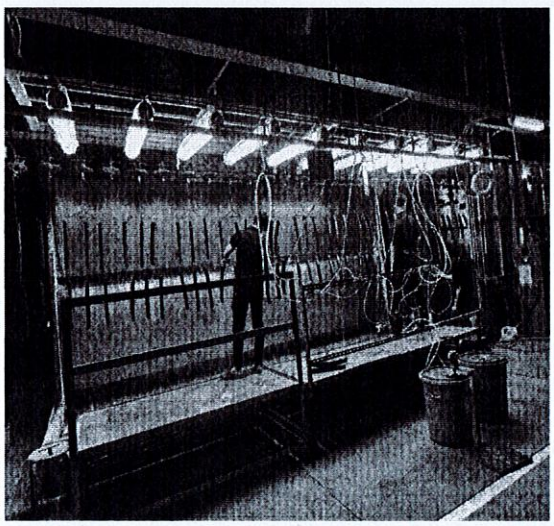

Sơn màng nước

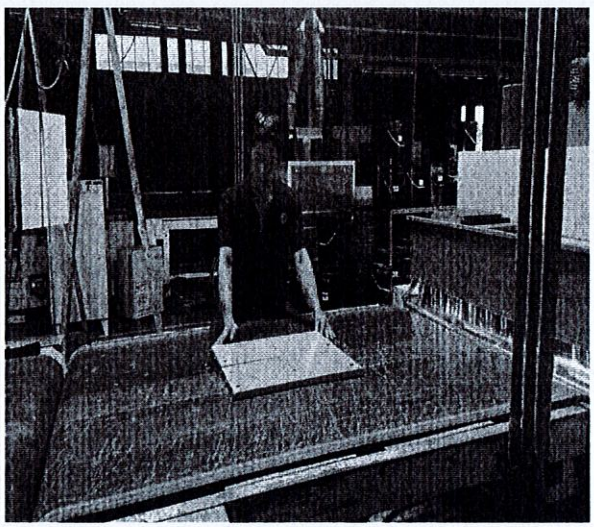

Sấy UV

Kiểm tra, lắp ráp: sau khi công đoạn sơn hoàn thiện, các bán thành phẩm

được kiểm tra chất lượng bề mặt sơn, nếu chưa đạt yêu cầu sẽ được chuyền sơn lại. Tiếp đó các chi tiết sẽ được lắp ráp lại với nhau tạo thành sản phẩm hoàn thiện.

Đóng gói: các sản phẩm tương ứng theo từng dòng như bàn, ghế, tủ, móc treo… được băng túi nylon, màng co…sau đó xếp vào thùng carton và dùng dây đai, băng keo để cố định thùng chứa. Sau khi hoàn thành, các sản phẩm được chuyển qua kho thành phẩm trước khi xuất cho khách hàng.

Một số hình ảnh sản xuất của Công ty:

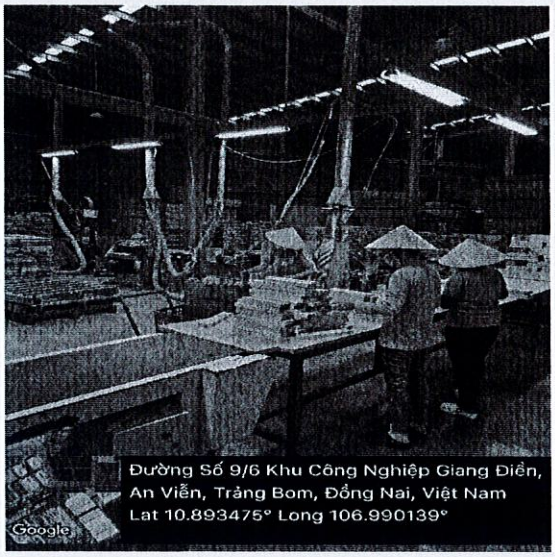

Khu vực bào

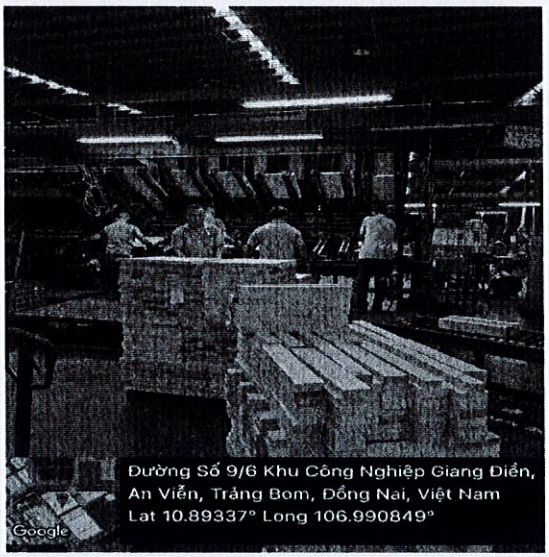

Khu vực cào

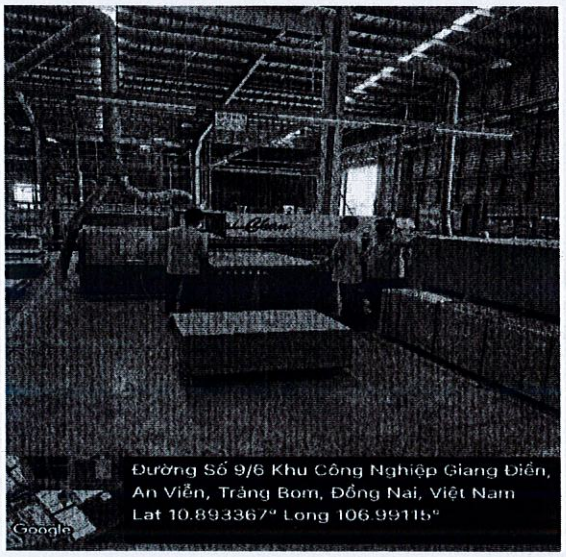

Khu vực cắt phôi

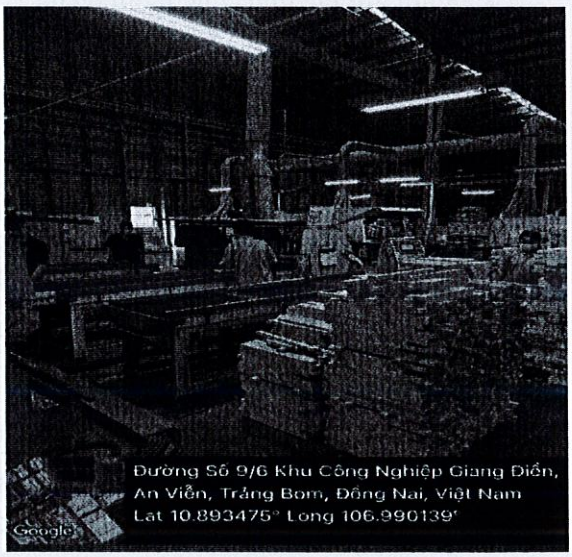

Khu vực Finger

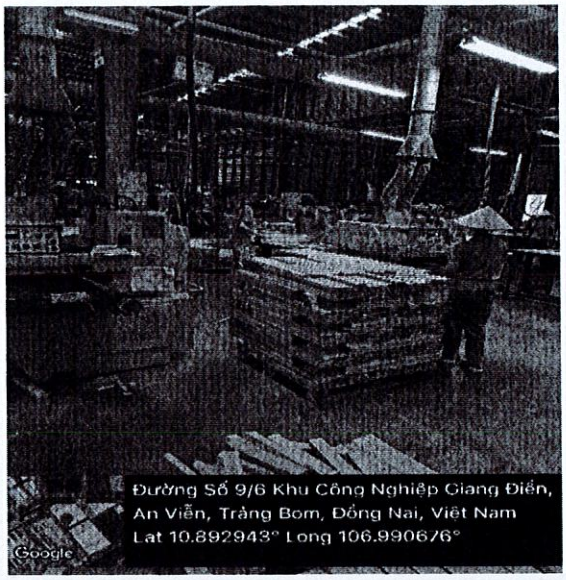

Khu vực lipsaw

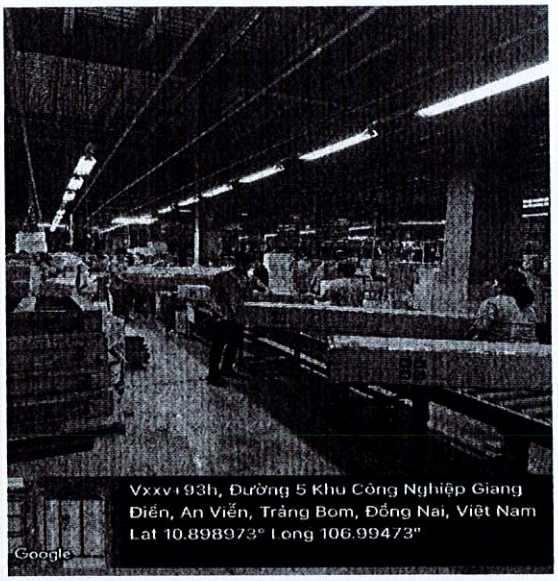

Khu vực lắp ráp, đóng gói, thành phẩm

d) Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh của cơ sở

Bảng 2.Thông tin công trình lưu giữ chất thải

Khu lưu chứa	Diện tích	Kết cấu
Khu vực lưu giữ chất thải sinh hoạt, công nghiệp khu A	54 m^2	Mái tôn, nền Bê tông
Khu lưu giữ rác thải sinh hoạt khu B (xưởng 9)	15 m^2	Mái tôn, nền Bê tông
Khu lưu giữ rác thải công nghiệp khu B (xưởng 9)	82,5 m^2	Mái tôn, nền Bê tông
Chất thải nguy hại khu A	54 m^2	Mái tôn, nền Bê tông, tường gạch trát xi măng cao 1,5m
Chất thải nguy hại khu B	60,5 m^2	Mái tôn, nền Bê tông, tường gạch trát xi măng cao 1,5m

- Chất thải rắn sinh hoạt: khối lượng chất thải rắn sinh hoạt của Công ty là 136 tấn/năm (*Theo báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024*) được lưu chứa tại các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 40-60 lít, 240 lít và 660 lít đặt tại các khu vực nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng làm việc và khu vực lưu giữ. Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Thùng rác lớn 660 lít được tập trung ở khu tập kết rác sinh hoạt cạnh khu lưu giữ chất thải công nghiệp không nguy hại, định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: tổng lượng phát sinh khoảng

179.920 kg/năm. (*Theo báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024).* Toàn bộ lượng chất thải này sẽ được thu gom và lưu giữ trong các thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy và được lưu giữ trong kho lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường theo đúng quy định

- Chất thải nguy hại: phát sinh trong quá trình sản xuất khoảng 108.840 kg/năm (*Theo báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024*) được lưu trong khu lưu giữ chất thải nguy hại. Sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

III. Nhận diện, xác định phương tiện vận chuyển, hạng mục, công trình có nguy cơ xảy ra sự cố chất thải; dự báo nguyên nhân gây ra sự cố; biện pháp phòng ngừa sự cố chất thải

3.1. Xác định phương tiện vận chuyển, hạng mục, công trình có nguy cơ xảy ra sự cố chất thải.

Bảng 3. Nhận diện phương tiện vận chuyển, hạng mục, công trình có nguy cơ sự cố chất thải

STT	Nhóm chất thải	Phương tiện/hạng mục/công trình	Các nguy cơ, sự cố	Nguyên nhân, điều kiện phát sinh nguy cơ, sự cố
1	Nhóm chất thải rắn	Khu vực sản xuất	Mùn cưa, phế liệu gỗ rơi vãi, phát tán	Thu gom không kịp thời; mùn cưa khô, nhẹ; gặp gió lớn
		Khu vực sơn, hoàn thiện sản phẩm	Bao bì sơn, giẻ lau dính sơn phát tán	Phân loại chưa đúng; lưu giữ tạm thời không đảm bảo
		Khu lắp ráp – đóng gói	Bao bì hỏng, gỗ vụn	Quá trình lắp ráp, đóng gói phát sinh phế liệu
		Khu vực lưu chứa chất thải rắn	Rơi vãi, phát tán chất thải	Không che chắn; sắp xếp không gọn gàng
		Khu làm vệ sinh	Cháy nổ, CTNH	Giẻ lau dính dung môi để lẫn chất thải rắn khác
2	Nhóm chất thải lỏng	Khu vực sơn màng nước	Tràn đổ nước thải sơn	Vận hành, thao tác bất cẩn; không có khay hứng
		Khu lưu chứa sơn, keo, dung môi	Rò rỉ, đổ tràn hóa chất	Thùng chứa bị thủng, nứt, sàn không chống thấm, không có khay chống tràn, không lưu trữ đúng quy định.
			Hóa chất, dầu nhớt tràn	- Sự cố rò rỉ tại khu vực chứa hóa chất, dầu mỡ

		Hệ thống thu gom nước mưa	xuống hệ thống thoát nước mưa	- Mưa lớn kéo theo chất ô nhiễm từ khu vực sản xuất - Vận hành, bảo quản không đúng quy trình
			Tắc cống/đường ống do lá cây, rác, dị vật	-Không thường xuyên vệ sinh, nạo vét. - Mưa lớn cuốn trôi rác, đất cát vào hệ thống - Thiết kế cống không phù hợp, dễ bị bít tắc
		Khu lưu chứa chất thải lỏng nguy hại	Tràn đổ rò rỉ	- Thùng/phuy chứa bị hư hỏng, nắp đậy không kín, thiếu khay chống tràn. - Sắp xếp, vận chuyển sai cách, thao tác bất cẩn của công nhân. - Yếu tố thời tiết

3.2. Dự báo về sự cố chất thải

Bảng 4.Các nguy cơ xảy ra sự cố chất thải và môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở

STT	Nhóm chất thải	Phương tiện vận chuyển, hạng mục, công trình có nguy cơ xảy ra sự cố chất thải	Dự báo chất ô nhiễm phán tán	Nguyên nhân, điều kiện phát sinh nguy cơ, sự cố	Phạm vi có thể ảnh hưởng	Đối tượng bị ảnh hưởng
1	Nhóm chất thải rắn	Khu vực sản xuất	Rác công nghiệp; Chất thải nguy hại	Thu gom không kịp thời; sắp xếp không gọn gàng	Trong khu vực nhà xưởng	Ảnh hưởng sức khỏe công nhân, môi trường làm việc
		Khu vực sơn, hoàn thiện sản phẩm		Phân loại chưa đúng; lưu giữ tạm thời không đảm bảo	Khu vực sơn và xung quanh	Công nhân khu vực sơn
		Khu lắp ráp – đóng gói		Quá trình lắp ráp, đóng gói phát sinh phế liệu	Trong xưởng sản xuất	Công nhân sản xuất
		Khu vực lưu chứa chất thải rắn		Không che chắn; sắp xếp không gọn gàng	Khu lưu chứa và lân cận	Ảnh hưởng đến công nhân, ô nhiễm nguồn nước

		Khu làm vệ sinh		Không thu gom kịp thời; thùng rác không có nắp	Khu sinh hoạt	Ảnh hưởng đến công nhân
	Nhóm chất thải lỏng	Khu vực sơn màng nước	Nước thải chứa sơn, chất màu	Thao tác vận hành bất cẩn; không có khay hứng	Khu vực sơn	Công nhân, sàn nhà xưởng
		Khu lưu chứa sơn, keo, dung môi	Sơn, keo, dung môi rò rỉ	Thùng chứa hư hỏng; nắp đậy không kín	Khu lưu chứa và xung quanh	Công nhân, môi trường đất
		Hệ thống thu gom nước mưa	Hóa chất, dầu nhớt tràn xuống hệ thống thoát nước mưa	- Sự cố rò rỉ tại khu vực chứa hóa chất, dầu mỡ - Mưa lớn kéo theo chất ô nhiễm từ khu vực sản xuất - Vận hành, bảo quản không đúng quy trình	Hệ thống thoát nước mưa chung từ vài trăm đến vài km.	Ô nhiễm nguồn nước
			Tắc cống/đường ống do lá cây, rác, dị vật	Không thường xuyên vệ sinh, nạo vét - Mưa lớn cuốn trôi rác, đất cát vào hệ thống - Thiết kế cống không phù hợp, dễ bị bít tắc	Trong khuôn viên KCN và lan theo hệ thống thoát nước chung từ vài trăm đến vài km.	Ngập úng, ô nhiễm cục bộ
		Khu lưu chứa chất thải lỏng nguy hại	Tràn đổ, rò rỉ chất thải lỏng	Chất thải chứa quá tải, thùng bị rách, đổ ra nền, thấm rỉ khi trời mưa hoặc đọng nước, không có khay chống tràn	Lan theo hệ thống thoát nước chung từ vài trăm mét đến vài km	Ảnh hưởng sức khỏe của công nhân, ô nhiễm môi trường nước

3.3. Biện pháp phòng ngừa sự cố chất thải

Bảng 5. Biện pháp phòng ngừa sự cố chất thải và sự cố môi trường

STT	Nhóm chất thải	Phương tiện/hạng mục/công trình	Biện pháp phòng ngừa
1	Nhóm chất thải rắn	Khu vực sản xuất	- Thu gom rác, mùn cưa hàng ngày vào thùng chứa có nắp - Sử dụng hệ thống hút bụi tại chỗ - Che chắn khu vực chứa rác tránh gió - Đào tạo công nhân về vệ sinh, an toàn lao động
		Khu vực sơn, hoàn thiện sản phẩm	- Lưu giữ giẻ lau, bao bì sơn đúng thùng - Sử dụng khay hứng tràn và thùng chứa có nắp - Đặt biển cảnh báo khu vực sơn - Huấn luyện công nhân về thao tác an toàn khi xử lý sơn
		Khu lắp ráp – đóng gói	- Thu gom rác và gỗ vụn kịp thời - Phân loại CTR và chuyển về khu lưu chứa - Giữ lối đi gọn gàng, tránh vướng vật liệu
		Khu vực lưu chứa chất thải rắn	- Sắp xếp thùng chứa gọn gàng, tránh rơi vãi - Kiểm tra định kỳ thùng chứa, kịp thời thay thùng hỏng - Che chắn bằng bạt hoặc mái tôn nếu ở ngoài trời
		Khu làm vệ sinh	- Đặt thùng rác có nắp và phân loại theo loại rác - Đào tạo ý thức công nhân về phân loại rác - Trang bị khẩu trang lọc bụi cho công nhân, kính mắt, găng tay bảo hộ - Giẻ lau dính dung môi thu riêng trong thùng kim loại nắp kín, dán nhãn CTNH;
2	Nhóm chất thải lỏng	Khu vực sơn màng nước	- Sử dụng khay hứng tràn, thùng chứa chống rò rỉ - Kiểm tra và bảo dưỡng thường xuyên hệ thống phun sơn - Đào tạo công nhân thao tác đúng quy định
		Khu lưu chứa sơn, keo, dung môi	- Sử dụng thùng/phuy đạt chuẩn CTNH, có nắp kín - Bố trí khay chống tràn dưới thùng - Kiểm tra thùng chứa định kỳ, thay khi hư hỏng - Lập sơ đồ lưu chứa rõ ràng, hạn chế tiếp xúc khu vực khác
		Hệ thống thu gom nước mưa	- Hệ thống thoát nước mưa tách biệt với hệ thống thoát nước thải - Định kỳ nạo vét hố ga tránh tình trạng tắt ngẽn; - Không xả rác xuống hệ thống thu gom nước mưa.

		Khu lưu chứa chất thải lỏng nguy hại	- Sử dụng thùng/phuy đạt chuẩn, kê trên pallet -Có khay chống tràn. - Dán nhãn cảnh báo, lưu chứa tách biệt theo tính chất - Bố trí hệ thống thông gió, báo cháy, chữa cháy

IV. Tổ chức ứng phó sự cố chất thải

4.1. Xác định phương tiện vận chuyển (vị trí xảy ra sự cố), hạng mục, công trình xảy ra sự cố chất thải; nguyên nhân xảy ra sự cố chất thải

Bảng 6.Nhận diện phương tiện vận chuyển, hạng mục, công trình có nguy cơ sự cố

STT	Nhóm chất thải	Phương tiện/hạng mục/công trình	Vị trí có thể xảy ra sự cố	Nguyên nhân, điều kiện phát sinh nguy cơ, sự cố
1	Nhóm chất thải rắn	Khu vực sản xuất	Nhà xưởng sản xuất	Mùn cưa, dăm gỗ rơi vãi do thu gom không kịp thời; mùn khô, nhẹ, gặp gió lớn
		Khu vực sơn, hoàn thiện sản phẩm	Khu vực sơn và xung quanh	Bao bì sơn, giẻ lau dính sơn phát tán; phân loại chưa đúng, lưu giữ tạm thời không đảm bảo
		Khu lắp ráp – đóng gói	Trong xưởng sản xuất	Bao bì hỏng, gỗ vụn phát sinh; rác chưa được thu gom kịp thời
		Khu vực lưu chứa chất thải rắn	Kho lưu chứa chất thải rắn	Rác rơi vãi, phát tán; không che chắn; sắp xếp lộn xộn
		Khu làm vệ sinh	Khu vệ sinh, kiểm tra	Rác sinh hoạt gây mùi; thu gom không kịp thời; thùng rác không có nắp
2	Nhóm chất thải lỏng	Khu vực sơn màng nước	Bồn sơn màng nước, khu phun sơn	Nước thải, sơn tràn đổ; thao tác bất cẩn, không có khay hứng
		Khu lưu chứa sơn, keo, dung môi	Kho hóa chất	Rò rỉ, đổ tràn hóa chất; thùng chứa hư hỏng, nắp đậy không kín
		Hệ thống thu gom nước mưa	Mương, cống thu gom mưa	-Sự cố rò rỉ tại khu vực chứa hóa chất, dầu mỡ - Mưa lớn kéo theo chất ô nhiễm từ khu vực sản xuất - Vận hành, bảo quản không đúng quy trình
		Hệ thống thu gom nước mưa	Cống, hố ga trong khuôn viên	Không thường xuyên vệ sinh, nạo vét - Mưa lớn cuốn trôi rác, đất cát vào hệ thống

				- Thiết kế cống không phù hợp, dễ bị bít tắc
		Khu lưu chứa chất thải lỏng nguy hại	Kho chứa chất thải dạng lỏng	Chất thải chứa quá tải, thùng bị rách, đổ ra nền, thấm rỉ khi trời mưa hoặc đọng nước, không có khay chống tràn

4.2. Thực hiện khẩn cấp các biện pháp bảo đảm an toàn cho con người, tài sản, sinh vật và môi trường

Khi xảy ra sự cố (tràn đổ hóa chất, rò rỉ chất thải, cháy nổ, v.v...), cơ sở phải khẩn trương thực hiện các biện pháp khẩn cấp nhằm giảm thiểu thiệt hại, ngăn chặn lan rộng và bảo vệ sức khỏe, tài sản, môi trường sống, bao gồm:

Bảng 7. Các biện pháp khẩn cấp bảo đảm an toàn khi xảy ra sự cố chất thải

STT	Khu vực xảy ra sự cố	Biện pháp khẩn cấp thực hiện
1	Con người (công nhân, cán bộ, người lao động)	- Kích hoạt chuông báo động, hướng dẫn sơ tán khẩn cấp theo lối thoát hiểm. - Phong tỏa khu vực xảy ra sự cố bằng rào chắn, biển cảnh báo nguy hiểm (khí độc, cháy nổ, hóa chất rò rỉ…). - Trang bị và phân phát phương tiện bảo hộ cá nhân: mặt nạ phòng độc, bình oxy, áo chống hóa chất, găng tay cao su… - Huy động lực lượng y tế tại chỗ và gọi cấp cứu nếu có người bị thương hoặc nhiễm độc.
2	Tài sản, máy móc thiết bị trong nhà xưởng	- Ngắt hệ thống điện, khí nén, nước hoặc nhiên liệu tại khu vực xảy ra sự cố (nếu điều kiện an toàn cho phép). - Che phủ, cách ly máy móc dễ bị ăn mòn, cháy nổ hoặc thiết bị điều khiển điện tử. - Di chuyển vật tư, hàng hóa dễ cháy, dễ phản ứng hóa học ra khỏi khu vực có nguy cơ lan sự cố. - Thực hiện hút khẩn, thấm hút hóa chất tràn đổ bằng vật liệu chuyên dụng.
3	Sinh vật và khu vực cây xanh trong nhà xưởng	- Dùng đê bao, đất cát, tấm chắn để ngăn dòng chất thải rò rỉ ra mương thoát nước, khu cây xanh cảnh quan. - Nếu sự cố lớn, cần thông báo ngay cơ quan chuyên môn để xử lý lan nhiễm.
4	Môi trường (đất, nước, không khí)	-Cô lập khu vực xảy ra sự cố bằng rào chắn, biển cảnh báo, ngăn chất thải lan vào hệ thống thoát nước mưa chung của KCN. - Dừng hoạt động hệ thống xả thải tại khu vực liên quan để tránh ô nhiễm lan rộng.

4.3. Xác định loại, số lượng, khối lượng chất ô nhiễm bị phát tán, thải ra môi trường

Bảng 8. Bảng xác định loại, số lượng, khối lượng chất ô nhiễm bị phát tán, thải ra môi trường khi xảy ra sự cố

STT	Nhóm chất thải	Phương tiện vận chuyển, hạng mục, công trình có nguy cơ xảy ra sự cố chất thải	Loại chất ô nhiễm bị phát tán thải ra môi trường	Số lượng, khối lượng dự kiến
1	Nhóm chất thải rắn	Khu vực sản xuất	Rác công nghiệp; Chất thải nguy hại	Chất thải sinh hoạt: 136 tấn/năm - Chất thải thông thường: 179.920 kg/năm - Chất thải nguy hại: 108.840 kg/năm *(Theo báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024)*
		Khu vực sơn, hoàn thiện sản phẩm		
		Khu lắp ráp – đóng gói		
		Khu vực lưu chứa chất thải rắn		
		Khu làm vệ sinh		
2	Nhóm chất thải lỏng	Khu vực sơn màng nước	Nước thải chứa dầu, mỡ, dung môi, axit, hoá chất	- Nước thải sinh hoạt: 93,7 m^3/ngày. - Nước thải sản xuất *(Theo báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024)*
		Khu lưu chứa sơn, keo, dung môi	Nước thải chứa dầu, mỡ, dung môi	
		Hệ thống thu gom nước mưa	Axit, dung môi, hóa chất xử lý bề mặt	
		Hệ thống thu gom nước mưa	Nước mưa cuốn theo dầu, bụi, hóa chất	
		Khu lưu chứa chất thải lỏng nguy hại	Chất thải nguy hại dạng lỏng	

Bảng 9. Các tình huống xảy ra sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở

STT	Nhóm chất thải	Phương tiện/hạng mục/công trình	Tình huống	Kịch bản	Phương án ứng phó	Vật tư,dụng cụ phương tiện
1	Nhóm chất thải rắn	Khu vực sản xuất	Mùn cưa, gỗ vụn rơi vãi	Lan rộng trong khu vực sản xuất, ảnh hưởng công nhân	- Khoanh vùng khu vực sự cố, cảnh báo nguy hiểm. - Thu gom ngay bằng dụng cụ chuyên dụng, chứa trong bao/túi	Chổi, xẻng, thùng chứa có nắp, xe rác.

					chuyên dụng có nhãn dán phân loại.	
		Khu vực sơn, hoàn thiện sản phẩm	Giẻ lau, bao bì sơn rơi vãi	Phát tán ra sàn xung quanh, gây nguy cơ cháy, ô nhiễm	Thu gom bằng thùng chứa CTNH; che chắn, phân loại đúng loại	Thùng CTNH, găng tay, tấm lót chống tràn
		Khu lắp ráp – đóng gói	Gỗ vụn, bao bì hỏng phát sinh	Tập trung quanh bàn lắp ráp, có thể vướng lối đi	Thu gom ngay sau phát sinh; làm sạch khu vực	Thùng CTR, chổi, xẻng
		Khu vực lưu chứa chất thải rắn	Rác rơi vãi, phát tán	Lan ra đường đi hoặc khu vực xung quanh	Sắp xếp thùng chứa gọn gàng; che chắn; thu gom ngay	Thùng rác, bạt che, chổi, xẻng
		Khu làm vệ sinh	Rác, giẻ lau dính dầu/mỡ	Rác lan ra sàn, gây mùi và mất vệ sinh	Thu gom ngay vào thùng rác; vệ sinh sàn; đảm bảo thùng rác có nắp	Xẻng, chổi, thùng chứa, biển cảnh báo, ủng, găng tay
2	Nhóm chất thải lỏng	Khu vực sơn màng nước	Nước thải, sơn tràn	Lan ra sàn xưởng, có nguy cơ trơn trượt	Dùng vật liệu thấm hút; chuyển sơn/dung môi về thùng chứa CTNH	Vật liệu thấm hút, thùng CTNH, găng tay, ủng, chổi
		Khu lưu chứa sơn, keo, dung môi	Rò rỉ, đổ tràn hóa chất	Chất lỏng lan ra khu lưu chứa và sàn xung quanh	Thu gom bằng khay hứng, vật liệu thấm hút; chuyển về thùng/phuy CTNH	Khay chống tràn, vật liệu thấm hút, găng tay, ủng, thùng CTNH
		Hệ thống thu gom nước mưa	Tắc nghẽn, cuốn trôi rác, dầu mỡ	Nước mưa mang theo dầu mỡ, rác ra môi trường	Vớt rác, dùng phao thấm dầu, vệ sinh mương	Phao thấm dầu, lưới chắn rác, găng tay

		Hệ thống thu gom nước mưa	Tắc nghẽn, rò rỉ	Nước thải tràn ngược ra ngoài	Khơi thông, hút tạm, chuyển hướng dòng thải	Máy bơm hút, gậy thông, bao cát
		Khu lưu chứa chất thải lỏng nguy hại	Rò rỉ, đổ vỡ thùng chứa Nắp đậy không kín, không có khay chống tràn	Chất thải lỏng (dầu, dung môi, nước thải nguy hại…) tràn ra nền, có nguy cơ thấm xuống đất hoặc chảy vào hệ thống thoát nước. Bốc mùi khó chịu, gây nguy hiểm cho sức khỏe công nhân. Nguy cơ cháy nổ	Khoanh vùng, cảnh báo khu vực sự cố. Dùng bao cát, giẻ thấm, phao thấm chặn xung quanh. Trung hòa hoặc hút, thu gom lượng chất thải tràn ra bằng bơm hút chuyên dụng. Chuyển chất thải đã hút thu gom vào thùng/phuy chuyên dụng có dán nhãn. Báo cáo ngay cho quản lý và đơn vị xử lý chất thải nguy hại để thu gom, xử lý đúng quy định.	Cát, vật liệu hút thấm (giẻ chuyên dụng, bột thấm Thùng/phuy chứa dự phòng, bơm hút. Biển cảnh báo, băng rào chắn. Bảo hộ lao động: găng tay chống hóa chất, mặt nạ phòng độc, ủng cao su.

4.4. Đánh giá sơ bộ về phạm vi, đối tượng và mức độ tác động đối với môi trường đất, nước, không khí, con người và sinh vật.

Bảng 10. Bảng đánh giá sơ bộ về phạm vi, đối tượng và mức độ tác động đối với môi trường đất, nước, không khí, con người và sinh vật

STT	Yếu tố môi	Phạm vi bị ảnh hưởng	Đối tượng chịu ảnh	Mức độ tác động	Ghi chú

	trường		hưởng		
1	Môi trường đất	Khu vực xung quanh nhà xưởng. Khu lưu chứa chất thải. Đường nội bộ.	Đất nền khuôn viên nhà máy, bãi tập kết chất thải.	Trung bình	Nước rỉ rác, hóa chất, dầu mỡ rò rỉ có thể thấm vào đất, làm ô nhiễm đất
2	Môi trường nước	Hệ thống thoát nước mưa, rãnh thu gom quanh nền bê tông	Hệ thống thoát nước mưa chung của nhà xưởng	Trung bình – cao	Gây ô nhiễm nghiêm trọng, ảnh hưởng đến nguồn nước.
3	Không khí	Khuôn viên nhà máy và vùng lân cận	Công nhân, khu vực xung quanh	Trung bình	Gây ô nhiễm, giảm chất lượng không khí.
4	Con người	Công nhân viên làm việc trong Nhà máy	Tiếp xúc trực tiếp với bụi, hơi dung môi hóa chất.	Thấp – trung bình	Ảnh hưởng lâu dài đến sức khỏe.
5	Sinh vật	Khu vực cây xanh trong và ngoài nhà xưởng	Cây xanh	Thấp – trung bình	Ảnh hưởng đến hệ sinh thái xung quanh nhà xưởng.

4.5. Thực hiện các biện pháp cô lập, giới hạn phạm vi, đối tượng và mức độ tác động.

Để giảm thiểu ảnh hưởng của sự cố đến môi trường và sức khỏe con người, các biện pháp cô lập và khoanh vùng phải được triển khai ngay lập tức theo từng nhóm chất thải như sau:

4.5.1. Đối với sự cố chất thải rắn:

- **Sự cố tràn đổ nhỏ tự Công ty ứng phó tại chỗ:**

- Tình huống:

+ Sự cố đổ vỡ, rò rỉ do thùng bị vỡ nứt, chiết rót dẫn đến chất thải phát tán ra nền nhà kho chứa.

+ Chất thải lan ra diện tích khoảng 2 m², có nguy cơ ăn mòn sàn và phát tán hơi độc nhẹ.

+ Không có người bị thương, nhưng cần xử lý nhanh để tránh lan rộng và ảnh hưởng đến môi trường.

+ Lượng chảy tràn ra đất trong phạm vi khu lưu giữ chất thải, nguy cơ cháy nổ thấp.

- Quy trình ứng phó tại chỗ:

+ Kích hoạt cảnh báo nội bộ: Nhân viên báo cáo ngay cho Tổ Môi trường. Cô lập khu vực bằng biển cảnh báo và dây chắn.

+ Trang bị bảo hộ: Nhân viên xử lý phải mang đầy đủ PPE gồm khẩu trang, kính bảo hộ, găng tay chống hóa chất, ủng cao su.

+ Xử lý tràn đổ: Rắc chất thấm (cát, đất sét khô, hoặc vật liệu hấp thụ chuyên dụng). Gom chất thải đã thấm vào bao chứa chất thải nguy hại có dán nhãn. Lau sạch khu vực bằng khăn thấm hóa chất, không xả nước rửa xuống cống.

+ Thu gom và lưu giữ: Chất thải thu gom được đưa về kho lưu chứa đúng quy định. Ghi nhận vào sổ theo dõi chất thải nguy hại.

+ Báo cáo và đánh giá: Đào tạo định kỳ nhân viên về thao tác an toàn. Kiểm tra định kỳ thùng chứa, xe đẩy, sàn kho. Bố trí vật liệu thấm (cát) và dụng cụ xử lý tại các điểm nguy cơ cao.

- *Biện pháp xử lý:*

+ Với các phương tiện được công ty chuẩn bị sẵn cho các trường hợp ứng cứu sự cố, thì nhân viên đã được huấn luyện ứng phó sự cố sẽ trực tiếp ứng cứu kịp thời, để tránh trường hợp cháy nổ xảy ra.

+ Người phát hiện sự cố sẽ thông báo cho đội ứng phó sự cố môi trường để có biện pháp phù hợp khắc phục sự cố.

+ Sử dụng đất khô hoặc cát khô để hấp thụ các hóa chất tràn đổ. Hoặc dùng các thiết bị xúc đổ để thu hồi hóa chất dạng rắn bị tràn đổ;

+ Nước rửa làm sạch khu vực tràn đổ, rò rỉ không được xả ra hệ thống thoát nước chung.

+ Sử dụng các bình bội chữa cháy xách tay hiện có để dập tắt đám cháy (trường hợp cháy hóa chất ở quy mô nhỏ)

+ Yêu cầu mở các van nước cần thiết, sử dụng hệ thống nước cứu hỏa nếu cần;

+ Di dời các vật dụng dễ bắt lửa, các hóa chất có nguy cơ phản ứng trong khu vực xảy ra sự cố;

+ Sử dụng các đê bao bằng cát và đê bao bằng phao thấm hóa chất để ngăn chặn hóa chất chảy vào cống rãnh;

➧ Sự cố tràn đổ, rò rỉ chất thải, cháy nổ nằm ngoài khả năng ứng phó

của Công ty, cần sự hỗ trợ của đơn vị ngoài

- Khi xảy ra sự cố thì người phát hiện ra sự cố phải cảnh báo ngay cho trưởng bộ phận, cán bộ phụ trách môi trường. Đồng thời, sơ tán những người không phận sự ra khỏi khu vực xảy ra sự cố, nếu có người bị nạn thì phải di chuyển ngay lập tức nạn nhân ra khỏi nguy hiểm và tiến hành sơ cấp cứu trước khi chuyển đến cơ sở y tế.

- Tập hợp những người được phân công nhiệm vụ và đã được đào tạo về xử lý sự cố môi trường tại hiện trường, nắm tình hình chung và triển khai hoạt động xử lý.

- Trang bị bảo hộ đầy đủ cho công nhân trước khi tiến hành xử lý sự cố. Huy động phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố đã được trang bị vào quá trình thực hiện xử lý.

- Kích hoạt báo động cấp phường, Tỉnh:

- Công ty báo cáo ngay cho UBND phường, Cảnh sát PCCC,…

- Ban Chỉ huy ứng phó sự cố môi trường cấp Tỉnh được huy động.

Sơ đồ tổ chức điều hành ứng phó sự cố chất thải:

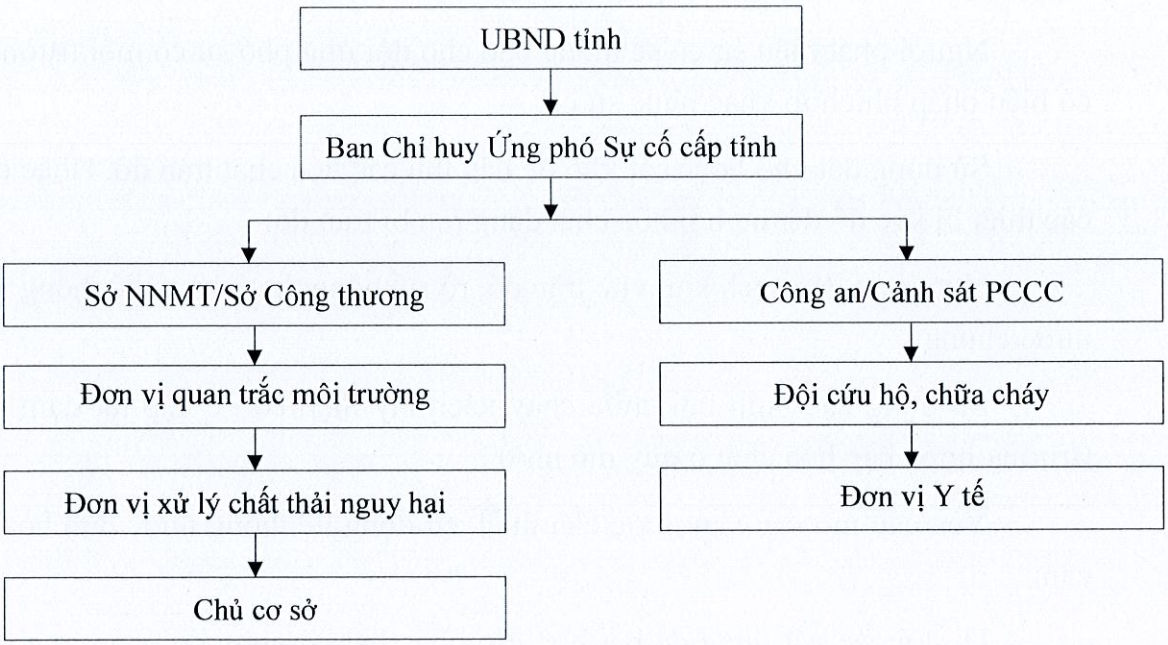

**** Biện pháp khắc phục:***

- Thu gom toàn bộ chất thải rắn nguy hại bị phát tán, đóng gói đúng quy cách và chuyển giao cho đơn vị có chức năng xử lý.

- Rà soát lại toàn bộ hệ thống lưu chứa, cập nhật kế hoạch ứng phó và tổ chức diễn tập định kỳ.

**** Biện pháp phòng cháy.***

- Phương pháp lập và thực tập phương án chữa cháy, biện pháp, chiến thuật, kỹ thuật chữa cháy.

- Phương pháp bảo quản, sử dụng các phương tiện phòng cháy và chữa cháy.

- Phương pháp kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy.

- Khi xảy ra sự cố cháy nổ, người phát hiện thấy cháy phải bằng mọi cách báo cháy ngay cho người xung quanh biết.

**** Trang bị các phương tiện PCCC phải đảm bảo các điều sau:***

- Bảo đảm về các thông số kỹ thuật theo thiết kế phục vụ cho phòng cháy và chữa cháy.

- Phù hợp với tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế được phép áp dụng tại Việt Nam.

- Phương tiện phòng cháy và chữa cháy phải được phép sử dụng của cơ quan

- Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy Tỉnh Đồng Nai có thẩm quyền và phải được kiểm định về chất lượng, chủng loại, mẫu mã theo quy định của Công an Tỉnh Đồng Nai.

- Thường xuyên kiểm tra, thay thế các bóng đèn cũ bị hư hỏng để đảm bảo ánh sáng. Công nhân được hướng dẫn đầy đủ các biện pháp an toàn trong sử dụng điện, máy móc thiết bị, được khám sức khỏe định kỳ phát hiện sớm nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp để có biện pháp khắc phục.

- Kiểm tra định kỳ các phương tiện vận chuyển và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định an toàn trong vận chuyển.

- Các máy móc thiết bị được sắp xếp bố trí trật tự, gọn và có khoảng cách an toàn cho công nhân khi có sự cố cháy nổ xảy ra. Toàn bộ máy móc thiết bị được kiểm tra và bảo dưỡng, duy tu theo kế hoạch để đảm bảo luôn ở tình trạng tốt. Các máy móc thiết bị có nội quy vận hành sử dụng an toàn, được gắn tại vị trí hoạt động. Chủ Cơ sở thường xuyên huấn luyện cho công nhân thực thi đầy đủ và kiểm tra không để xảy ra tai nạn lao động do không thực hiện đúng nội quy vận hành sử dụng an toàn thiết bị.

4.5.2. Sự cố đối với khu lưu chứa hóa chất

Phương án nhân lực ứng phó sự cố hóa chất

(1) Sơ đồ tổ chức Nhà máy

Sơ đồ tổ chức Nhà máy được trình bày như sau:

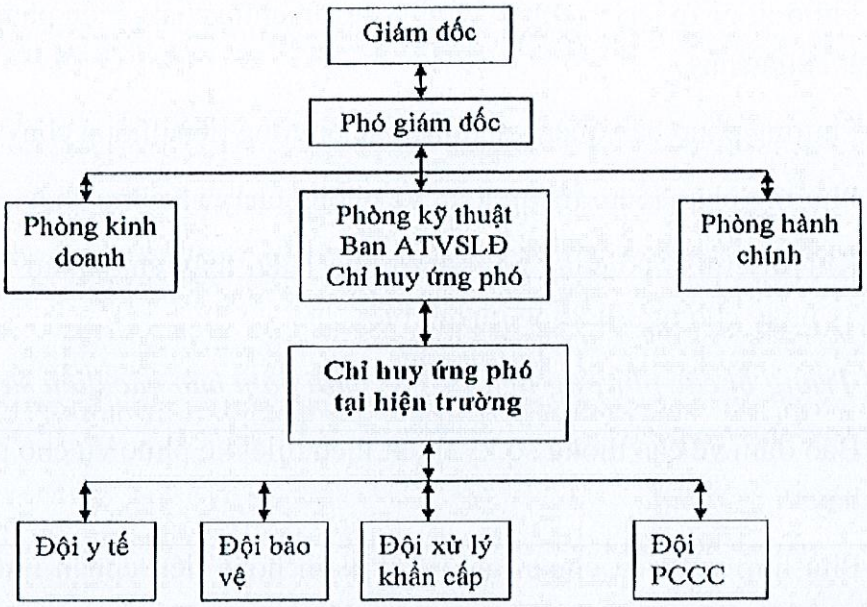

Hình 2. Sơ đồ tổ chức Nhà máy điều hành, xử lý sự cố hóa chất

(2) Nhân lực ứng phó sự cố

- Khi xảy ra sự cố thiết bị phát hiện ra sự cố sẽ phát tín hiệu báo động cho toàn Nhà máy được biết để rời khỏi vị trí làm việc và nhanh chóng di chuyển đến điểm tập trung của Nhà máy (nếu người phát hiện, thì sẽ nhấn chuông báo động cho mọi người trong nhà máy được biết để rời khỏi vị trí làm việc và nhanh chóng di chuyển đến điểm tập trung của nhà máy). Đồng thời ngay lập tức phải báo cáo cho giám đốc và người chịu trách nhiệm an toàn ở Nhà máy và báo động toàn đơn vị ứng phó với sự cố.

- Giám đốc hoặc người có trách nhiệm được phân công phải trực tiếp chỉ huy xử lý sự cố tràn đổ hóa chất.

- Phụ trách kho phải báo động sơ tán những người không phận sự ra khỏi khu vực xảy ra sự cố, nếu có người bị nạn thì phải di chuyển ngay lập tức nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm và tiến hành sơ cấp cứu trước khi chuyển tới cơ sở y tế.

- Tập hợp những người được phân công nhiệm vụ và đã được đào tạo về xử lý sự cố hóa chất được hiện trường tràn đổ, nắm tình hình chung và triển khai hoạt động xử lý.

- Trang bị bảo hộ đầy đủ cho công nhân trước khi tiến hành xử lý sự cố. Huy động phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố đã được trang bị vào quá trình thực hiện xử lý.

(3) Phân công trách nhiệm khi xảy ra sự cố

Trách nhiệm của trưởng ca, của Đội nghiệp vụ xử lý sự cố và các nhân viên khác được trưởng ca chỉ định bổ sung hỗ trợ và các đội nghiệp vụ được xác định như sau:

❖ **Trưởng ca**

- Khi xảy ra tình huống khẩn cấp, trưởng ca chịu trách nhiệm nhận đình tình huống, tổ chức điều động nhân sự, phân công trách nhiệm hợp lý để đối phó ngay tình huống khẩn cấp có hiệu quả cao.

- Kiểm tra, điểm danh nhân sự theo danh sách báo cáo của Đội bảo vệ để xác định số người còn kẹt lại do sự cố và có biện pháp ứng cứu kịp thời.

- Tổ chức bảo vệ tài sản, con người và cấp cứu người bị tai nạn. Tổ chức di tản những người không có phận sự đến nơi an toàn.

- Báo cáo cho Trưởng bộ phận vận hành và Ban giám đốc để được hỗ trợ.

- Thông báo đến các cơ quan chức năng như Công an PCCC (khi có tình huống cháy) để được hỗ trợ nếu xét thấy cần thiết.

- Tổ chức bảo vệ hiện trường, phục vụ cho công tác điều tra và lập báo cáo khắc phục tình huống khẩn cấp.

❖ **Bộ phận vận hành**

- Có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng các phương tiện PCCC, thiết bị ứng phó sự cố luôn ở tình trạng sẵn sàng sử dụng.

- Trưởng bộ phận vận hành phải để điện thoại mở ở chế độ 24/24.

- Trưởng bộ phận vận hành có mặt tại hiện trường ngay khi có thể và hỗ trợ Trưởng ca trong mọi hoạt động ứng phó tình huống.

- Nếu diễn biến tình huống xấu đi, có khả năng ảnh hưởng đến cộng đồng xung quanh, Trưởng bộ phận vận hành phải thông báo tình hình đến các cơ sở lân cận và chính quyền địa phương để nhận được sự hỗ trợ và tránh ảnh hưởng liên quan.

❖ **Các đội viên nghiệp vụ**

- Các cá nhân có mặt tại hiện trường là Đội viên của các đội nghiệp vụ hoặc là nhân viên được Trưởng ca bổ sung vào các Đội nghiệp vụ phải tham gia tích cực trong nhiệm vụ đối phó với tình huống theo nghiệp vụ của mình, chấp hành sự chỉ huy điều động của Đội trưởng hoặc trưởng nhóm.

- Nắm vững phương án đáp ứng tình huống khẩn cấp, nắm vững các thao tác nghiệp vụ đã được huấn luyện.

Trách nhiệm của Đội bảo vệ

+ Nhân viên Bảo vệ kiểm tra số người ra vào Nhà máy qua "Sổ ghi chép hoạt động ra vào cổng", thông báo cho Trưởng ca danh sách khách có mặt trong Nhà máy khi xảy ra tình huống khẩn cấp, đảm bảo không có người sót lại trong khu vực xảy ra sự cố.

+ Trong tình huống khẩn cấp thì 01 nhân viên Bảo vệ được phân công duy trì hệ thống kiểm soát tại cổng ra vào để mở cổng đón và hướng dẫn xe nghiệp vụ chữa cháy, xe cấp cứu vào hiện trường.

+ Các nhân viên bảo vệ trực đảm trách công tác bảo vệ hiện trường, hỗ trợ việc cứu người, tài sản và hỗ trợ công tác chữa cháy.

Trách nhiệm của Đội phòng cháy chữa cháy

+ Đội PCCC thực hiện kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng phương tiện và thiết bị PCCC theo đúng quy định. Các đơn vị (cấp tổ) có trách nhiệm bảo quản, kiểm tra thường xuyên phương tiện và thiết bị chữa cháy do mình quản lý. Thông báo ngay cho Đội PCCC cơ sở khi phát hiện có phương tiện không đạt yêu cầu hoặc hư hỏng.

+ Đội viên PCCC sẽ triển khai thực hiện phương án chữa cháy tại chỗ, hạn chế đám cháy lan rộng dưới sự điều động của Trưởng ca.

+ Đội viên PCCC thực hiện chữa cháy, hướng dẫn thao tác chữa cháy cho người khác cùng tham gia đáp ứng tình huống theo sự chỉ huy của Trưởng ca.

+ Tham gia công tác cứu hộ, cứu tài sản, hỗ trợ đội chữa cháy chuyên nghiệp theo phân công của Đội trưởng và theo sự chỉ đạo của lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp khi có sự cố xảy ra.

Trách nhiệm của Đội xử lý sự cố

+ Đội xử lý có trách nhiệm bảo quản dụng cụ, thiết bị xử lý.

+ Đội viên của Đội xử lý sự cố hóa chất chuẩn bị phương tiện, dụng cụ xử

lý, phương tiện bảo hộ lao động để sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của Đội trưởng đội ứng phó sự cố.

Cán bộ y tế, đội viên cấp cứu

+ Trưởng bộ phận y tế có trách nhiệm chuẩn bị túi thuốc sơ cấp cứu, đảm bảo túi có đầy đủ thuốc và dụng cụ để sẵn sàng sử dụng khi có tình huống khẩn cấp. Túi thuốc này được để tại phòng y tế.

+ Cán bộ y tế có trách nhiệm phân công, điều động nhân viên hỗ trợ khi cấp cứu người bị nạn.

+ Đội viên cấp cứu do Đội trưởng đội xử lý sự cố chỉ định thực hiện ứng cứu, di chuyển người bị tai nạn đến nơi an toàn (điểm tập trung) theo hướng dẫn, phân công của cán bộ y tế.

+ Thông báo với cơ quan y tế bên ngoài để được hỗ trợ khi cần thiết.

Sự cố	Vị trí	Các bước thực hiện	Đối tượng thực hiện
Tình huống tràn đổ, rò rỉ	Khu vực kho chứa hoá chất	Sự cố được phát hiện (báo cáo quản lý hoặc bấm còi báo động). Thông báo cho đội xử lý sự cố (sử dụng các bảo hộ lao động, phương tiện bảo vệ, trợ thở,..) Xác định vị trí sự cố Xác định mức độ sự cố Sử dụng dụng cụ, phương tiện để ngăn rò rỉ tràn đổ Tìm cách cô lập hóa chất thoát ra Không cho hóa chất chảy xuống các mương thoát nước. Vệ sinh khu vực bị sự cố và các cá nhân phải vệ sinh thân thể và để các dụng cụ xử lý sự cố đúng nơi quy định. Họp báo cáo sự cố, phân tích các nguyên nhân, điều kiện xảy ra và các biện pháp khắc phục.	Người phát hiện ra sự cố (báo cáo quản lý hoặc bấm còi báo động). Quản lý, thành viên đội xử lý (sử dụng các trang thiết bị bảo hộ cá nhân thích hợp) Người phát hiện hay thành viên đội xử lý báo cáo (thiết bị cảnh báo,…) Đội xử lý hay người chỉ huy chỉ đạo. Đội xử lý ngắt van, bịt lỗ rò rỉ. Sử dụng chất thấm dầu, hóa chất tràn đổ trên sàn. + Sự cố rò rỉ: sử dụng các chất thấm hóa chất, chất lỏng như cát, vật liệu thấm hút. + Sự cố tràn đổ: thực hiện cô lập. sử dụng bơm màng chân không để hút chất lỏng, sử dụng nước để vệ sinh và thu gom vào thiết bị chứa để xử lý như chất thải. Đội xử lý sự cố thực hiện (không để phát sinh tia lửa, sử dụng phương tiện, thiết bị không phát sinh nguồn nhiệt không an toàn). Đội xử lý thu gom các loại hóa chất này và cho vào vật chứa thích hợp để bảo quản và đưa đi xử lý an toàn. Đội xử lý sự cố/người quản lý, người chỉ huy sự cố, đội ứng phó sự cố, các đối tượng làm việc tại khu vực có sự cố, các nhân viên bảo trì làm các báo cáo độc lập

			về sự cố.
Sự cố cháy	Khu vực kho chứa hoá chất	Sự cố được phát hiện (báo cáo quản lý hoặc bấm còi báo động). Thông báo cho đội xử lý sự cố (sử dụng các bảo hộ lao động, phương tiện bảo vệ, trợ thở,..) Xác định vị trí sự cố cháy (do con người phát hiện hay thiết bị báo). Sử dụng dụng cụ, phương tiện để ngăn cáy Tìm cách cô lập hóa chất thoát ra + Sự cố cháy do rò rỉ, tràn đổ + Cô lập, ngắn nguồn cháy Nếu sự cố cháy lớn, thông báo bên ngoài hỗ trợ và di tản khẩn cấp. Thực hiện các bước như phương án PCCC: đã được cơ quan chức năng phê duyệt. Không cho hóa chất chảy xuống các mương thoát nước, mạch nước ngầm. Vệ sinh khu vực bị sự cố và các cá nhân phải vệ sinh thân thể và để các dụng cụ xử lý sự cố đúng nơi quy định. Họp báo cáo sự cố, phân tích các nguyên nhân, điều kiện xảy ra và các biện pháp khắc phục.	Người phát hiện ra sự cố (báo cáo quản lý hoặc bấm còi báo động). Quản lý, thành viên đội xử lý (sử dụng các trang thiết bị bảo hộ cá nhân thích hợp) Người phát hiện hay thành viên đội xử lý báo cáo (thiết bị cảnh báo,…) Đội xử lý hay người chỉ huy chỉ đạo. Đội xử lý ngắt van, bịt lỗ rò rỉ. Sử dụng chất thấm dầu, hóa chất tràn đổ trên sàn. Sự cố cháy do rò rỉ, tràn đổ: sử dụng foam chữa cháy, bình bột. Đội xử lý sự cố thực hiện (nếu được). Chỉ huy PCCC, người chỉ huy thông báo di tản khẩn cấp, thông báo bên ngoài hỗ trợ. Đội PCCC cơ sở: nhanh chóng triển khai các phương án đã được phê duyệt, diễn tập. Đội xử lý thu gom các loại háo chất này và cho vào vật chứa thích hợp để bảo quản và đưa đi xử lý an toàn. Đội xử lý sự cố/người quản lý, người chỉ huy sự cố, đội ứng phó sự cố, các đối tượng làm việc tại khu vực có sự cố, các nhân viên bảo trì làm các báo cáo độc lập về sự cố.

4.5.3. Sự cố đối với cháy nổ

❖ ***Biện pháp phòng ngừa cháy nổ:***

Nhà máy đã được cấp:

Giấy chứng nhận thẩm duyệt phòng cháy và chữa cháy số 226/CNTD-PCCC ngày 14/04/2018.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt phòng cháy và chữa cháy số 154/CNTD-PCCC ngày 15/03/2021.

- Văn bản nghiệm thu hệ thống PCCC số 376/PC07-PC ngày 09/12/2019.

- Văn bản nghiệm thu hệ thống PCCC số 94/PC07-PC ngày 11/03/2020.

- Văn bản nghiệm thu hệ thống PCCC số 245/PCCC-NT ngày 18/08/2020

Hệ thống phòng cháy chữa cháy của Nhà máy gồm:

- Các máy móc, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động được quản lý thông qua các hồ sơ lý lịch được kiểm tra, kiểm định, định kỳ tại các cơ quan chức năng nhà nước;

- Hệ thống PCCC được lắp đặt đủ điều kiện cho người và phương tiện di chuyển khi có cháy, giữ khoảng rộng cần thiết ngăn cách đám cháy lan rộng. Các họng lấy nước cứu hỏa bố trí đều khắp phạm vi của Nhà máy, kết hợp các phương tiện chữa cháy như bình CO_2, bình bột, …. Trong từng bộ phận sản xuất và đặt ở những địa điểm thao tác thuận tiện;

- Trong các vị trí sản xuất đã thực hiện nghiêm ngặt quy phạm an toàn đối với từng công nhân trong suốt thời gian làm việc;

- Các loại dung môi và nhiên liệu dễ cháy được lưu trữ trong các kho cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện, các bồn chứa dung môi được lắp đặt các van an toàn, các thiết bị theo dõi nhiệt độ, các thiết bị báo cháy, chữa cháy tự động; các biển cảnh báo, cấm lửa, cấm hút thuốc theo quy định;

- Trong các khu sản xuất, kho nguyên liệu và thành phẩm được lắp đặt hệ thống báo cháy, hệ thống thông tin, báo động. Các phương tiện PCCC được kiểm tra thường xuyên và ở trong tình trạng sẵn sàng hoạt động;

- Nhà máy đã ban hành nội quy về PCCC như cấm công nhân không được hoạt động, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa do ma sát, tia lửa điện …trong khu vực có thể gây cháy;

- Công nhân làm việc trực tiếp trong các nhà xưởng sản xuất, kho chứa nhiên liệu được tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ;

- Đầu tư các thiết bị chống cháy nổ tại các khu vực kho chứa hàng hóa nhiên liệu;

- Nhà máy có các trang thiết bị phòng chống cháy nổ nhằm cứu chữa kịp thời khi sự cố xảy ra;

Hệ thống tổ chức nhân lực ứng phó sự cố cháy nổ Nhà máy gồm:

❖ *Trường hợp xảy ra sự cố cháy nổ*

- Người phát hiện sự cố lập tức báo cho Đội trưởng đội PCCC để ngăn chặn kịp thời.

- Đội trưởng đội PCCC sẽ khoanh vùng nơi xảy ra sự cố cháy nổ, sau đó chỉ huy cho các thành viên trong đội sử dụng những dụng cụ, trang thiết bị PCCC sẵn có tại nhà máy để khắc phục sự cố.

- Trong trường hợp sự cố lớn mà trong Công ty không khắc phục được sẽ dời công nhân viên ra ngoài và ngưng toàn bộ hoạt động để khắc phục sự cố, khi khắc phục xong sẽ tiến hành xử lý theo quy định.

Bước 1: Chủ cơ sở phải thông báo ngay đồng thời cung cấp chi tiết các thông tin liên quan đến sự cố cho UBND xã An Viễn (nơi xảy ra sự cố), Công an xã An Viễn (nơi xảy ra sự cố) UBND cấp Tỉnh, Công an Tỉnh Đồng Nai, ...

Bước 2: Khi tiếp nhận thông tin thì cơ quan nêu trên tiếp nhận và xác nhận thông tin về sự cố môi trường, cử đoàn công tác xuống ngay hiện trường, làm công tác tham mưu, tư vấn về chuyên môn để giảm thiểu các thiệt hại về người, tài sản và môi trường do sự cố gây ra.

Bước 3: Trưởng Ban Chỉ huy ứng phó sự cố chất thải có trách nhiệm tổ chức việc xây dựng kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế tại hiện trường; phân công giao trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ cho các thành viên ban Chỉ huy; điều động lực lượng tham gia ứng phó; tổng hợp đánh giá tình hình báo cáo cấp trên theo quy định.

Các đơn vị chức năng cần liên lạc khi xảy ra trường hợp khẩn cấp

STT	Cá nhân/ bộ phận/ cơ quan chịu trách nhiệm	Điện thoại	Chịu trách nhiệm liên lạc
1	Sở Công Thương Đồng Nai	0251.3823.317	Trợ lý đội ứng phó sự cố
2	Sở Nông nghiệp và Môi trường Tỉnh Đồng Nai	0251 3822 970	
3	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Tỉnh Đồng Nai	0251.3892378	
4	Đội Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an Tỉnh Đồng Nai	0251 3991 666	
5	Công an xã An Viễn	0946 344 838	
6	Sở Nội vụ	0251 3821420	
7	Cấp cứu	115	

4.5.6. Sự cố đối với tai nạn lao động

a) Tình huống

- Công nhân va chạm vào các đường dây điện.

- Công nhân viên hít phải hóa chất, khí độc hại.

- Các phương tiện, thiết bị di chuyển bị va chạm gây ảnh hưởng đến con người.

- Phương tiện vận chuyển ra vào thường xuyên.

b) Biện pháp

- Gặp sự cố chập điện hoặc các phương tiện thiết bị người phát hiện tai nạn phải ngắt điện ngay và báo lên cấp trên.

- Người gặp sự cố về khí độc, hóa chất, các tai nạn khác cần được sơ cứu và đưa đi bệnh viện.

4.6. Thu hồi, xử lý, loại bỏ chất ô nhiễm hoặc nguyên nhân gây ô nhiễm.

Sau khi đã thực hiện các biện pháp cô lập và khoanh vùng phạm vi sự cố, việc thu hồi và xử lý triệt để chất ô nhiễm hoặc nguyên nhân gây ô nhiễm cần được triển khai theo các bước cụ thể như sau:

4.6.1. Đối với chất thải rắn:

Đánh giá và xác định loại chất thải rắn

- Xác định thành phần, tính chất (thông thường hay nguy hại), khối lượng và phạm vi phát tán.

- Phân loại theo quy định: chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, hoặc chất thải nguy hại.

Thu gom và đóng gói

- Sử dụng dụng cụ chuyên dụng như xẻng, chổi, xe gom, bao tải, thùng chứa có nắp kín để thu gom.

- Đối với chất thải rắn nguy hại: phải thu gom bằng bao bì chuyên dụng, có ký hiệu cảnh báo và chống rò rỉ.

- Tránh làm phát tán bụi hoặc mảnh vụn ra xung quanh; có thể phun sương nhẹ để giảm bụi trong quá trình thu gom.

Lưu giữ tạm thời

- Chuyển chất thải đã thu gom đến khu vực lưu giữ tạm thời an toàn, có mái che, nền chống thấm và tường bao ngăn nước mưa.

- Ghi nhãn, đánh dấu rõ ràng thông tin: loại chất thải, ngày thu gom, đơn vị chịu trách nhiệm.

Xử lý tại chỗ

- Chất thải rắn thông thường: có thể tái sử dụng, tái chế hoặc xử lý cơ học (nghiền, ép, phân loại).

- Chất thải hữu cơ: có thể ủ compost hoặc xử lý sinh học nếu bảo đảm an toàn.

- Chất thải rắn nguy hại: tuyệt đối không xử lý thủ công; chỉ tiến hành các bước cô lập, không để phát tán.

Vận chuyển và xử lý bên ngoài

- Bàn giao cho đơn vị có giấy phép xử lý chất thải phù hợp; kèm hồ sơ chứng từ theo quy định.

- Đảm bảo phương tiện vận chuyển có che chắn, chống rơi vãi và rò rỉ.

Làm sạch và khử trùng khu vực

- Quét dọn, vệ sinh và khử trùng khu vực thu gom để loại bỏ bụi bẩn, vi sinh vật hoặc tồn dư chất độc hại.

- Đối với nền đất bị nhiễm bẩn: đào bóc và thay thế bằng đất sạch, sau đó cải tạo lại.

Giám sát và báo cáo

- Kiểm tra lại khu vực để đảm bảo không còn tồn dư chất thải.

- Lập báo cáo ghi nhận thời gian, địa điểm, loại chất thải, khối lượng thu gom, biện pháp xử lý, và đơn vị tiếp nhận.

4.6.2. Đối với chất thải lỏng (nước thải nhiễm hóa chất, nước rỉ rác):

Sau khi đã thực hiện cô lập khu vực, dừng các nguồn phát sinh và khoanh vùng phạm vi sự cố, công tác thu hồi và xử lý hóa chất cần triển khai theo các bước sau:

Đánh giá nhanh hiện trường

- Xác định loại hóa chất bị rò rỉ/tràn (tên thương mại, công thức, tính chất: axit, bazơ, dung môi hữu cơ, dầu mỡ, khí hóa lỏng…).

- Đánh giá mức độ nguy hại: độc tính, khả năng cháy nổ, khả năng ăn mòn, bay hơi hoặc phản ứng với nước.

- Xác định khối lượng hóa chất đã phát tán và phạm vi ảnh hưởng (nền nhà, hệ thống thoát nước, môi trường xung quanh).

Thu gom và cô lập hóa chất tràn

- Đối với hóa chất lỏng: sử dụng phao quây, cát khô hoặc vật liệu hấp thụ chuyên dụng để ngăn lan rộng và hút thấm.

- Đối với hóa chất rắn: thu gom thủ công bằng xẻng, chổi, hoặc thiết bị hút bụi công nghiệp; tránh để phát tán bụi ra không khí.

- Đóng gói hóa chất đã thu gom trong bao bì kín, chống rò rỉ, ghi rõ nhãn cảnh báo.

Xử lý tại chỗ

- Hóa chất axit: trung hòa bằng dung dịch kiềm nhẹ (Na_2CO_3, $NaHCO_3$) với lượng phù hợp, khuấy đều, kiểm tra pH trước khi xả bỏ.

- Hóa chất kiềm: trung hòa bằng dung dịch axit yếu (axit citric, H_3PO_4 loãng).

- Dung môi hữu cơ dễ bay hơi: thu hồi bằng khăn thấm, bơm hút; tăng cường thông gió và tránh nguồn nhiệt.

- Dầu, mỡ: dùng vật liệu thấm dầu, sau đó thu gom và chứa trong thùng kín.

Vận chuyển và xử lý bên ngoài

- Trường hợp hóa chất nguy hại hoặc không thể xử lý tại chỗ: bàn giao cho đơn vị có giấy phép xử lý chất thải nguy hại.

- Đảm bảo phương tiện vận chuyển chuyên dụng, có biện pháp chống tràn và ghi rõ thông tin hàng hóa nguy hiểm theo quy định.

Làm sạch và khử trùng

- Vệ sinh khu vực bằng nước sạch hoặc dung dịch tẩy rửa thích hợp, sau đó thu gom nước rửa và xử lý như nước thải nguy hại.

- Khử trùng nếu hóa chất có khả năng gây nhiễm vi sinh hoặc độc tố tồn dư.

Giám sát và phục hồi môi trường

- Lấy mẫu không khí, nước, đất trong khu vực để phân tích sau xử lý.

- Nếu phát hiện tồn dư vượt quy chuẩn, tiếp tục áp dụng biện pháp xử lý bổ sung.

- Lập báo cáo sự cố, ghi rõ nguyên nhân, khối lượng hóa chất phát tán, biện

pháp ứng phó và đề xuất cải thiện công tác lưu trữ an toàn.

4.6.3. Đối với sự cố cháy nổ

Sau khi khống chế đám cháy/nổ, khoanh vùng và bảo đảm an toàn hiện trường, triển khai các bước sau:

Đánh giá nhanh hiện trường

- Xác định nguồn cháy/nổ (xăng dầu, dung môi, hóa chất oxy hóa, khí gas, điện, bụi cháy…) và vật liệu cháy (nhựa, gỗ, cao su, kim loại, bao bì…).

- Ghi nhận loại chất ô nhiễm có thể phát sinh: khói – bụi muội than, tro xỉ, dung dịch bọt/chất chữa cháy, nước dập lửa nhiễm bẩn, dầu tràn, hóa chất phân hủy, amiăng (nếu công trình cũ), kim loại nặng…

- Đánh giá mức độ ảnh hưởng: không khí trong/ngoài nhà xưởng, nền – đất, rãnh thoát nước, sông mương lân cận.

Cô lập và kiểm soát

- Dựng đê bao tạm, phao quây/đệm thấm để chặn nước dập lửa chảy vào hệ thống thoát nước chung.

- Tắt/bịt nguồn rò rỉ nhiên liệu/khí; thông gió cưỡng bức khu vực kín (không phát sinh tia lửa).

- Thiết lập đường đi riêng cho đội xử lý; biển cảnh báo, vùng cấm lửa/cấm hút thuốc.

Thu gom chất ô nhiễm rắn

- Tro xỉ, muội than, vật liệu cháy dở: làm ẩm nhẹ để giảm bụi, xúc gom vào bao/tôn chứa có nắp.

- Vật tư, bao bì/hóa chất cháy hỏng: phân loại riêng; nếu dính dầu/dung môi hoặc hóa chất nguy hại → xếp nhóm CTNH.

Thu gom chất ô nhiễm lỏng

- Nước chữa cháy/bọt chữa cháy đọng trên nền: bơm hút vào bồn; coi là nước thải nhiễm bẩn (có thể chứa dầu, dung môi, chất hoạt động bề mặt).

- Dầu nhiên liệu/dung môi tràn: dùng tấm thấm dầu, phao quây; phần thu hồi cho vào phuy kín, chống cháy nổ; tuyệt đối không xả thẳng ra hệ thống thoát nước.

- Dung dịch ăn mòn (axit/kiềm) rò rỉ do cháy: trung hòa có kiểm soát (kiềm nhẹ cho axit, axit yếu cho kiềm), kiểm tra pH 6–9 trước khi chuyển xử lý tiếp.

Xử lý tại chỗ

- Không khí trong nhà xưởng: chỉ vận hành khi đã triệt tiêu nguồn cháy.

- Nền sàn/đất nhiễm dầu – dung môi: cào bóc lớp nhiễm bẩn; rải chất thấm, thu gom.

- Thiết bị, bề mặt bám muội: làm sạch ướt/tẩy rửa chuyên dụng; thu gom nước rửa đưa về hệ thống xử lý.

Lưu giữ tạm thời và vận chuyển

- Lập khu lưu giữ tạm có mái che, nền chống thấm; phân làn rắn – lỏng – CTNH; dán nhãn, niêm phong.

- Sắp xếp chứng từ giao nhận (khối lượng, mã chất thải nếu có, ngày giờ, đơn vị tiếp nhận).

- Vận chuyển bằng phương tiện chuyên dụng, có che chắn, chống rò rỉ – đổ tràn.

Làm sạch – khử nhiễm khu vực

- Chà rửa nền/sàn bằng dung dịch phù hợp; hút toàn bộ nước rửa về bồn chứa tạm.

- Đất nền thấm sâu: đào bóc, thay thế đất sạch; khu vực ngoài trời có thể phủ bạt tránh mưa cuốn trôi trong khi chờ xử lý.

Loại bỏ nguyên nhân - biện pháp phòng ngừa

-Rà soát và thay thế thiết bị điện cháy xém, đường dây quá tải, thiết bị an toàn.

- Kiểm tra – sửa chữa đường ống, bồn chứa, van (nhiên liệu/khí/hoá chất); bổ sung khay hứng tràn.

- Chuẩn hóa khoảng cách an toàn, biển báo PCCC, tiếp địa thiết bị, kiểm soát nguồn phát tia lửa, vệ sinh bụi cháy (đặc biệt với bụi gỗ/bột).

- Huấn luyện lại quy trình PCCC, diễn tập;

Hồ sơ và báo cáo

- Thống kê khối lượng: tro xỉ, phế liệu cháy hỏng, CTNH rắn/lỏng, nước chữa cháy thu gom.

- Lưu kết quả quan trắc sau xử lý; đề xuất cải tiến thiết kế – vận hành và kế hoạch đầu tư bổ sung.

4.6.6. Khắc phục môi trường

- Sau khi xử lý, phải tiến hành rửa sạch khu vực sự cố bằng nước sạch/dung dịch trung tính, đồng thời thu gom nước rửa để xử lý.

- Phục hồi hiện trạng ban đầu: sửa chữa, gia cố công trình, kho chứa, hệ thống thoát nước, thiết bị sản xuất.

- Ghi nhận toàn bộ quá trình thu hồi, xử lý, khối lượng chất thải phát sinh và lập báo cáo sự cố để làm cơ sở cải thiện công tác quản lý.

4.7. Thông báo, cung cấp thông tin về sự cố chất thải cho cộng đồng để phòng, tránh các tác động xấu từ sự cố chất thải.

Công ty hoạt động trong Khu công nghiệp, khi xảy ra sự cố có nguy cơ phát tán ra môi trường, Công ty thực hiện nghiêm túc việc thông báo, cảnh báo và cung cấp thông tin đến các đối tượng liên quan trong và ngoài Khu công nghiệp để đảm bảo an toàn và giảm thiểu các tác động. Cụ thể như sau:

- Chủ cơ sở sẽ phải bố trí nhân lực, vật lực, phương tiện và chỉ đạo lực lượng ứng phó tại chỗ thực hiện ngay các biện pháp khắc phục sự cố, đảm bảo hạn chế đa thiệt hại về người, tài sản và môi trường.

Đối với sự cố tự ứng phó được tại Công ty như sau:

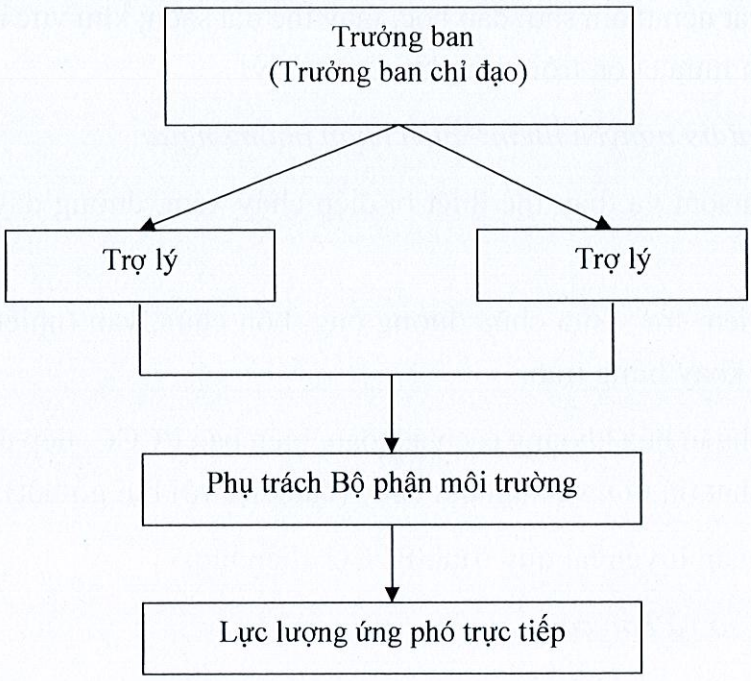

Mô hình cơ chế phối hợp giữa các bên

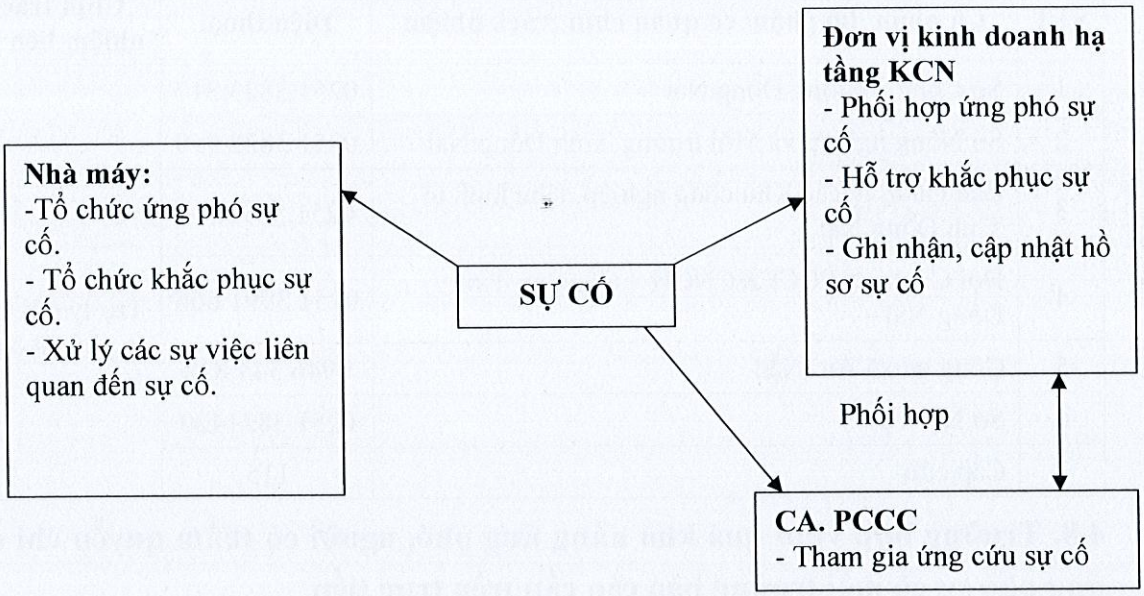

Sơ đồ thông tin liên lạc khi xảy ra sự cố lớn tại Công ty:

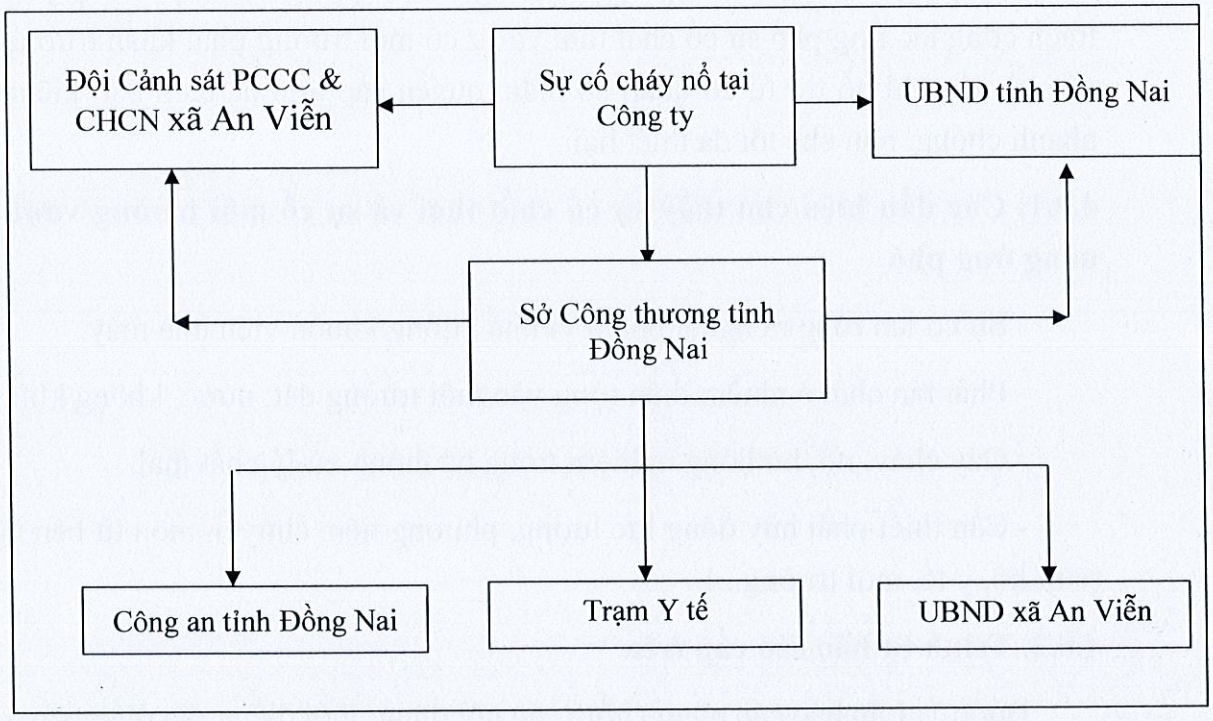

Hệ thống thông báo ra bên ngoài khi xảy ra trường hợp khẩn cấp.

Công ty đã thiết lập quy trình liên lạc với bên ngoài khi có sự cố ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường và con người vượt quá khả năng kiểm soát của đội ứng cứu khẩn cấp và cần sự hỗ trợ ứng cứu từ các tổ chức, cơ quan chuyên nghiệp bên ngoài và cần phải thông báo cho các đơn vị/cộng đồng xung quanh như sau:

STT	Cá nhân/ bộ phận/ cơ quan chịu trách nhiệm	Điện thoại	Chịu trách nhiệm liên lạc
1	Sở Công Thương Đồng Nai	0251.3823.317	Trợ lý đội ứng phó sự cố
2	Sở Nông nghiệp và Môi trường Tỉnh Đồng Nai	0251 3822 970	
3	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Tỉnh Đồng Nai	0251.3892378	
4	Đội Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an Tỉnh Đồng Nai	0251 3991 666	
5	Công an xã An Viễn	0946 344 838	
6	Sở Nội vụ	0251 3821420	
7	Cấp cứu	115	

4.8. Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, người có thẩm quyền chỉ đạo ứng phó sự cố môi trường báo cáo cấp trên trực tiếp

Khi sự cố chất thải và sự cố môi trường phát sinh vượt quá khả năng kiểm soát, xử lý tại chỗ của đơn vị, người đứng đầu hoặc người được ủy quyền phụ trách công tác ứng phó sự cố chất thải và sự cố môi trường phải khẩn trương báo cáo và đề nghị hỗ trợ từ cơ quan có thẩm quyền cấp trên để đảm bảo kiểm soát nhanh chóng, hạn chế tối đa thiệt hại.

4.8.1. Các dấu hiệu cho thấy sự cố chất thải và sự cố môi trường vượt khả năng ứng phó

- Sự cố lan rộng ra ngoài phạm vi nhà xưởng/khuôn viên nhà máy.

- Phát tán chất ô nhiễm diện rộng vào môi trường đất, nước, không khí.

- Gây cháy, nổ, hư hỏng nghiêm trọng hệ thống xử lý chất thải.

- Cần thiết phải huy động lực lượng, phương tiện, chuyên môn từ bên ngoài (cứu hộ, y tế, môi trường...).

4.8.2. Trình tự báo cáo cấp trên

Bước 1: Lập báo cáo nhanh gồm các nội dung: thời điểm, địa điểm xảy ra sự cố; loại chất thải; nguyên nhân; quy mô ảnh hưởng; biện pháp đã thực hiện; nhu cầu hỗ trợ.

Bước 2: Gửi báo cáo bằng văn bản hoặc điện thoại (nếu khẩn cấp) tới:

+ UBND xã An Viễn;

+ Công an xã An Viễn;

+ Các cơ quan chuyên môi về môi trường liên quan khác

Bước 3: Tiếp nhận chỉ đạo, phối hợp triển khai các biện pháp ứng phó cấp Tỉnh/huyện hoặc liên ngành.

4.8.3. Trách nhiệm của người chỉ huy tại cơ sở

- Giữ liên lạc thường xuyên với cơ quan chức năng.

- Cung cấp trung thực, đầy đủ thông tin về diễn biến sự cố.

- Phối hợp trực tiếp để hỗ trợ các lực lượng ứng cứu.

- Duy trì hiện trường, ghi nhận số liệu, hình ảnh phục vụ điều tra nguyên nhân và truy xuất trách nhiệm sau sự cố.

4.9. Trường hợp phạm vi ô nhiễm, suy thoái môi trường của sự cố môi trường vượt ra ngoài phạm vi cơ sở, đơn vị hành chính thì người có thẩm quyền chỉ đạo ứng phó sự cố báo cáo cấp trên trực tiếp để chỉ đạo ứng phó sự cố.

Khi sự cố chất thải và sự cố môi trường gây ra ô nhiễm, suy thoái môi trường lan rộng vượt ra khỏi ranh giới cơ sở hoặc ra ngoài địa bàn cấp xã/phường nơi cơ sở đặt trụ sở, người có thẩm quyền chỉ đạo ứng phó của công ty (ví dụ: Giám đốc, Trưởng ban ứng phó sự cố) có trách nhiệm thực hiện các hành động sau:

4.9.1. Đánh giá nhanh phạm vi ảnh hưởng

- Ghi nhận các khu vực lân cận cơ sở đã bị ảnh hưởng bởi chất ô nhiễm (đất, nước, không khí).

- Xác định nguy cơ ảnh hưởng đến đơn vị hành chính khác (xã/phường giáp ranh) hoặc khu dân cư, kênh rạch, sông suối công cộng.

4.9.2. Lập báo cáo khẩn cấp gửi đến các cơ quan cấp trên có thẩm quyền:

- UBND cấp phường, cấp Tỉnh (nơi đặt nhà máy hoặc nơi xảy ra ảnh hưởng).

- Sở Công thương Tỉnh Đồng Nai

- Công an Tỉnh Đồng Nai

- Trạm y tế phường (nơi đặt nhà máy hoặc nơi xảy ra ảnh hưởng).

4.9.3. Nội dung báo cáo khẩn cấp cần nêu rõ:

- Vị trí, thời điểm, nguyên nhân sự cố.

- Loại chất thải, chất ô nhiễm phát tán.

- Phạm vi vượt ra ngoài cơ sở hoặc địa phương.

- Các tác động cụ thể tới đất, nước, không khí, hoạt động sản xuất của các

nhà máy lân cận.

- Các biện pháp đã triển khai và lý do không đủ khả năng kiểm soát.

- Kiến nghị chỉ đạo, hỗ trợ từ cấp trên để khoanh vùng, xử lý sự cố.

4.9.4. Phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng

- Cung cấp hồ sơ, thông tin và cử người phối hợp xử lý.

- Hỗ trợ tiếp cận hiện trường, điều tra nguyên nhân, thu thập mẫu phân tích.

- Tuân thủ hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật của cơ quan cấp trên để hạn chế tối đa thiệt hại môi trường và cộng đồng.

4.10. Báo cáo và lưu giữ hồ sơ, tài liệu về sự cố chất thải theo quy định.

Sau khi khống chế, xử lý sự cố, cơ sở có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo đầy đủ và lưu giữ hồ sơ sự cố nhằm phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra, đánh giá và rút kinh nghiệm về sau.

4.10.1. Lập báo cáo sự cố

Nội dung chính của báo cáo gồm:

- Thời gian, địa điểm xảy ra sự cố;

- Loại chất thải liên quan (rắn, lỏng, khí, nguy hại, thông thường...);

- Khối lượng, thành phần, mức độ phát tán ra môi trường;

- Nguyên nhân xảy ra sự cố (do thiết bị, vận hành, thiên tai, con người...);

- Các biện pháp ứng phó đã thực hiện (cô lập, thu gom, xử lý, thông báo...);

- Tình hình khắc phục hậu quả, hiện trạng môi trường sau khi xử lý;

- Đánh giá tác động đến môi trường đất, nước, không khí, sức khỏe;

- Kiến nghị, đề xuất cải tiến công tác phòng ngừa và ứng phó sau sự cố;

- Các hình ảnh, tài liệu chứng minh quá trình xử lý (hình ảnh hiện trường, phiếu đo đạc, biên bản hiện trạng, hợp đồng xử lý chất thải…).

4.10.2. Nơi tiếp nhận báo cáo

- UBND cấp xã An Viễn(nơi xảy ra sự cố);

- Công an xã An Viễn;

- Sở Công thương Tỉnh Đồng Nai;

- Trạm y tế xã An Viễn;

4.10.3. Lưu giữ hồ sơ

Cơ sở phải lưu giữ hồ sơ sự cố bao gồm:

- Báo cáo sự cố;
- Hình ảnh hiện trường trước/sau xử lý;
- Kết quả quan trắc môi trường (nếu có);
- Biên bản làm việc với cơ quan chức năng;
- Biên nhận, hợp đồng xử lý chất thải (nếu phát sinh);
- Các tài liệu liên quan khác.

4.10.4. Mục đích lưu hồ sơ

- Làm căn cứ chứng minh việc thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường;
- Phục vụ công tác thanh, kiểm tra của cơ quan quản lý;
- Đánh giá hiệu quả công tác ứng phó, phục vụ đào tạo, huấn luyện nội bộ;
- Phòng ngừa và nâng cao năng lực ứng phó các sự cố tương tự.

4.11. Các thông tin khác (nếu có): không có

V. Lực lượng, phương tiện ứng phó sự cố chất thải

5.1. Danh sách lực lượng tham gia ứng phó sự cố của dự án đầu tư, cơ sở và các đơn vị bên ngoài hỗ trợ ứng phó khi sự cố xảy ra

Danh sách lực lượng tham gia ứng phó sự cố chất thải và sự cố môi trường của cơ sở:

Bảng 11. Danh sách Đội ứng phó sự cố chất thải và sự cố môi trường

STT	Họ và tên	Chức danh trong cơ sở	Chức danh trong Ban	Nhiệm vụ	Số điện thoại
1	Nguyễn Như Chung	Giám Đốc điều hành chính nhân sự	Trưởng ban chỉ huy	Chỉ đạo	0968354242
2	Hứa Lệ mạnh	TB HSSE	Phó trưởng ban	Kiểm tra, giám sát	0918509257
3	Võ Văn Hưng	Cán bộ HSE	Tổng phụ trách	Kiểm tra, giám sát	0918422245
4	Phạm Thanh An	Cán bộ HSE	Ủy viên thường trực	Kiểm tra, giám sát	0347733944

Nguồn: Theo Quyết định 08/QĐ – UPSC ngày 16/12/2025 về việc thành lập đội ứng phó sự cố môi trường

Danh sách lực lượng bên ngoài tham gia hỗ trợ ứng phó khi xảy ra sự cố.

Bảng 12. Danh sách lực lượng bên ngoài tham gia hỗ trợ ứng phó khi xảy ra sự cố chất thải

STT	Cá nhân/ bộ phận/ cơ quan chịu trách nhiệm	Điện thoại	Chịu trách nhiệm liên lạc
1	Sở Công Thương Đồng Nai	0251.3823.317	Trợ lý đội ứng phó sự cố
2	Sở Nông nghiệp và Môi trường Tỉnh Đồng Nai	0251 3822 970	
3	Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế Tỉnh Đồng Nai	0251.3892378	
4	Đội Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an Tỉnh Đồng Nai	0251 3991 666	
5	Công an xã An Viễn	0946 344 838	
6	Sở Nội vụ	0251 3821420	
7	Cấp cứu	115	

5.2. Phương tiện ứng phó sự cố chất thải

Bảng 13. Danh sách trang thiết bị bảo hộ lao động

STT	Thiết bị, phương tiện	Số lượng	Đơn vị	Đặc trưng kỹ thuật/Công dụng	Tình trạng sử dụng	Nơi bố trí
1	Mặt nạ phòng độc	500	Bộ	Sử dụng làm việc khi tiếp xúc với hóa chất	Tốt	Khu vực lưu chứa hóa chất. Khu vực sản xuất.
2	Găng tay bảo hộ lao động	500	Đôi	Bảo vệ tay dính hóa chất	Tốt	
3	Ủng cao su	500	Đôi	Bảo vệ chân dính hóa chất	Tốt	
4	Quần áo chống cháy	500	Bộ	Chịu nhiệt	Tốt	
5	Găng tay cao su	500	Đôi	Chịu acid	Tốt	
6	Mũ nhựa bảo hộ lao động	500	Cái	Bảo vệ đầu	Tốt	
7	Kính trắng bảo hộ lao động	500	Cái	Bảo vệ hóa chất bắn lên mắt	Tốt	

(Nguồn: Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền)

Bảng 14. Danh sách các thiết bị, phương tiện sử dụng ứng phó sự cố

Thiết bị, phương tiện	Đơn vị	Số lượng	Vị trí bố trí	Tình trạng sử dụng
Bình chữa cháy MFZ8	Bình	250	Toàn bộ khu vực nhà xưởng	Tốt
Bình chữa cháy MFZ4	Bình	30	Toàn bộ khu vực nhà xưởng	Tốt
Bình chữa cháy MT30	Bình	50	Toàn bộ khu vực nhà xưởng	Tốt
Bình chữa cháy MT5	Bình	50	Toàn bộ khu vực nhà xưởng	Tốt
Bình cầu chữa cháy tự động	Bình	43	Khu vực kho nguyên liệu và kho đóng gói	Tốt
Tủ trung tâm báo cháy	Tủ	2	Bảo vệ cổng chính và bảo vệ cổng A4	Tốt
Đầu báo khói, nhiệt	Cặp	25	Văn phòng và đóng gói	Tốt
Chuông, còi báo cháy	Cái	20	Toàn bộ khu vực nhà xưởng	Tốt
Nút nhấn khẩn cấp	Cái	20	Toàn bộ khu vực nhà xưởng	Tốt
Đầu báo Beam tia hồng ngoại	Cặp	15	Toàn bộ khu vực nhà xưởng	Tốt
Hệ thống dây tín hiệu	HT	1	Toàn bộ khu vực nhà xưởng	Tốt
Máy bơm điện	Cái	6	Khu vực cổng chính và khu vực tạp vụ	Tốt
Tủ chữa cháy	Cái	30	Toàn bộ khu vực nhà xưởng	Tốt
Đèn Exit và đèn chiếu sáng sự cố	Cái	45	Toàn bộ khu vực nhà xưởng	Tốt
Túi sơ cấp cứu	Túi	15	Toàn bộ khu vực nhà xưởng	Tốt
Bể nước chữa cháy	Bể	2	Khu vực cổng chính và khu vực tạp vụ	Tốt
Bao chứa cát loại 5 ký	Bao	150	Tất cả khu vực đặt bình cứu hỏa và khu hóa chất	Tốt
Thùng chứa cát	Thùng	20	Khu chứa hóa chất và khác	Tốt

Khi xảy ra sự cố nhỏ Công ty sẽ tự khắc phục và tìm hiểu nguyên nhân sau khi khắc phục hậu quả.

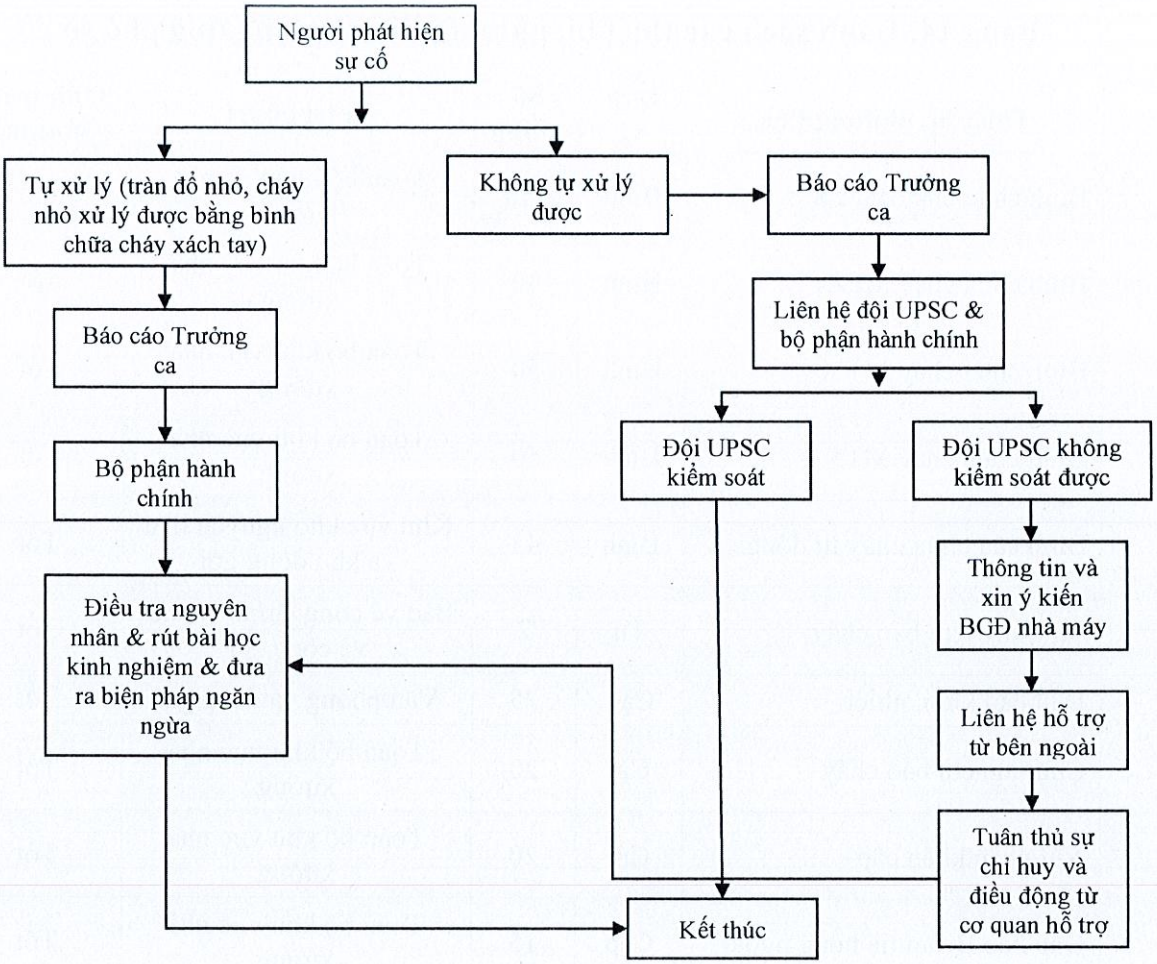
Người phát hiện sự cố
Tự xử lý (tràn đổ nhỏ, cháy nhỏ xử lý được bằng bình chữa cháy xách tay)
Không tự xử lý được
Báo cáo Trưởng ca
Liên hệ đội UPSC & bộ phận hành chính
Báo cáo Trưởng ca
Đội UPSC kiểm soát
Đội UPSC không kiểm soát được
Bộ phận hành chính
Thông tin và xin ý kiến BGĐ nhà máy
Điều tra nguyên nhân & rút bài học kinh nghiệm & đưa ra biện pháp ngăn ngừa
Liên hệ hỗ trợ từ bên ngoài
Tuân thủ sự chỉ huy và điều động từ cơ quan hỗ trợ
Kết thúc

Kế hoạch phối hợp lực lượng bên ngoài khi có sự cố cháy:

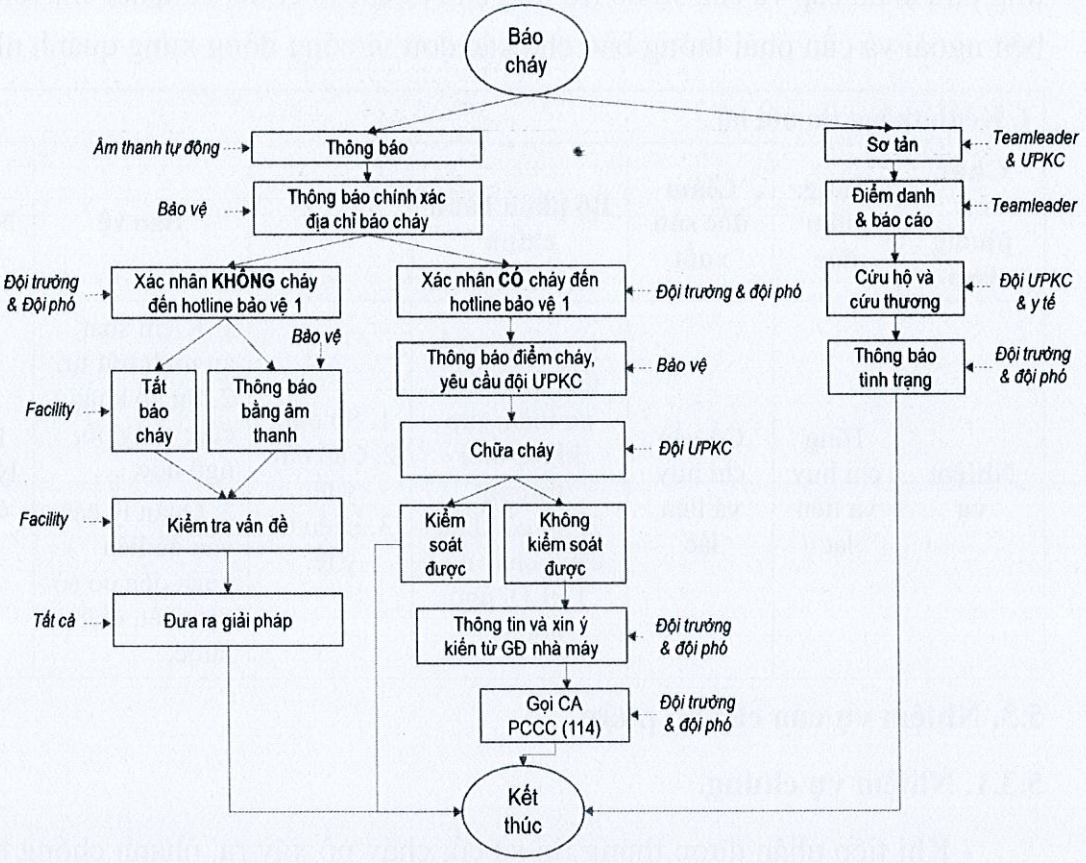

Sau khi Công an PCCC tiếp cận hiện trường, Công ty tuân thủ tuyệt đối mệnh lệnh chỉ huy và sự phân công từ Công an PCCC.

Sơ đồ thông tin liên lạc khi xảy ra sự cố lớn tại Công ty:

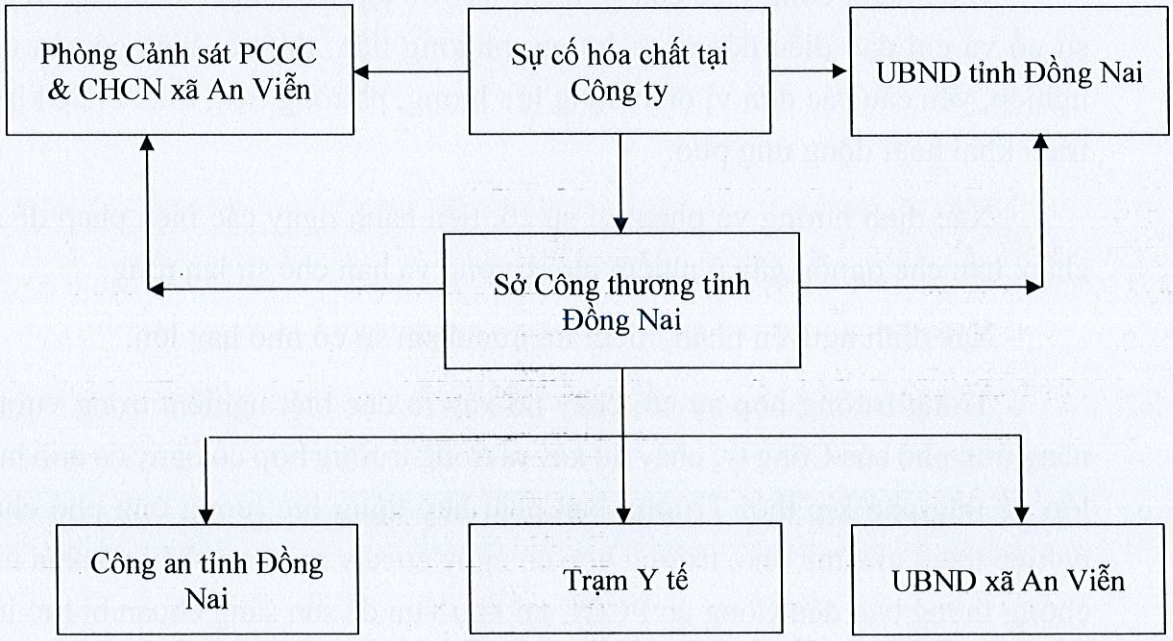

Công ty đã thiết lập quy trình liên lạc với bên ngoài khi có sự cố ảnh hưởng

nghiêm trọng đến môi trường và con người vượt quá khả năng kiểm soát của đội ứng cứu khẩn cấp và cần sự hỗ trợ ứng cứu từ các tổ chức, cơ quan chuyên nghiệp bên ngoài và cần phải thông báo cho các đơn vị/cộng đồng xung quanh như sau:

I. Kênh thông tin nội bộ						
Chức vụ/ phòng ban	**Tổng giám đốc**	**Giám đốc sản xuất**	**Bộ phận hành chính**	**Y tế**	**Bảo vệ**	**Nhân sự**
Nhiệm vụ	Tổng chỉ huy và liên lạc	Cố vấn chỉ huy và liên lạc	1. Các vấn đề liên quan đến an toàn, sức khỏe, môi trường. 2. Sự cố khẩn cấp: cháy nổ, TNLĐ, ngộ độc, …	1. Sơ cứu. 2. Cấp cứu y tế. 3. Điều trị y tế.	1. Kiểm soát an ninh trật tự. 2. Sự cố khẩn cấp: cháy nổ, ngộ độc, … 3. Quản lý các vấn đề liên quan đến cơ sở vật chất, điện, nước,	1. Quản lý về vấn đề nhân sự

5.3. Nhiệm vụ của các bộ phận

5.3.1. Nhiệm vụ chung.

- Khi tiếp nhận được thông tin sự cố, cháy nổ xảy ra, nhanh chóng triệu tập các thành viên trong Ban chỉ huy, đồng thời khẩn trương đến hiện trường và triển khai phân công nhiệm vụ các thành viên trong Ban chỉ huy triển khai ngay các công việc để ứng phó. Thực hiện báo cáo theo quy định của kế hoạch này.

- Điều hành công việc của Ban chỉ huy để lập Kế hoạch khẩn cấp ứng phó sự cố và chỉ đạo điều động lực lượng, phương tiện, thiết bị hiện có của doanh nghiệp, yêu cầu các đơn vị điều động lực lượng, phương tiện, thiết bị để kịp thời triển khai hoạt động ứng phó.

- Xác định hướng và phạm vi sự cố, tiến hành ngay các biện pháp để ngăn chặn, hạn chế nguồn gây ô nhiễm môi trường và hạn chế sự lan rộng.

- Xác định nguyên nhân, kiểm tra ước đoán sự cố nhỏ hay lớn.

- Trong trường hợp sự cố, cháy nổ xảy ra đặc biệt nghiêm trọng vượt khả năng ứng phó của Công ty, cháy nổ xảy ra trong trường hợp có nguy cơ ảnh hưởng lớn để ứng phó kịp thời Trưởng ban phải huy động lực lượng ứng phó chuyên nghiệp tham gia ứng phó, trường hợp có nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ phải nhanh chóng thông báo đến Công an PCCC tại khu vực để sẵn sàng chuẩn bị lực lượng ứng phó kịp thời và Sở Y tế để cứu người bị thương. Tiếp đến thông báo đến

UBND phường, công an phường, UBND Tỉnh, ….. để huy động lực lượng bên ngoài phối hợp, hỗ trợ cho công tác ứng phó.

- Có trách nhiệm phát ngôn về sự cố, cháy nổ cung cấp những thông tin, dữ liệu về sự cố, cháy nổ cho cơ quan thông tấn báo chí biết (nếu có yêu cầu).

- Thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường trong quá trình điều tra, xác định phạm vi, giới hạn, mức độ, biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường.

- Tổ chức họp rút kinh nghiệm việc giải quyết sự cố.

5.3.2. Nhiệm vụ cụ thể.

Bảng 15. Phân công nhiệm vụ ứng phó sự cố

TT	Chức vụ	Công việc	Vị trí
1	Trưởng ban chỉ đạo	Trưởng ban chỉ đạo ứng phó tình huống khẩn cấp + Trực tiếp chỉ huy khi xảy ra sự cố hóa chất, cháy nổ, tình huống khẩn cấp.	Tại hiện trường
2	Trợ lý	+ Giám sát, hỗ trợ về kỹ thuật cho lực lượng ứng phó trực tiếp + Thực hiện chỉ huy ứng phó khi các chủ quản cấp trên vắng mặt + Thông báo cho cơ quan chức năng + Báo cáo tình hình khi sự cố xảy ra tại khu vực của mình phụ trách + Xử lý sau sự cố + Lập báo cáo sự cố	Tại hiện trường
3	Thành viên	+ Hỗ trợ lực lượng ứng phó trực tiếp khi xảy ra sự cố. + Liên lạc, hướng dẫn các đơn vị tham gia ứng phó sự cố + Thông báo liên lạc đến các đơn vị phối hợp, hỗ trợ ứng phó sự cố.	Tại hiện trường
4	Lực lượng ứng phó trực tiếp	+ Chuẩn bị các tài liệu, bản vẽ thiết kế, bản vẽ thoát hiểm, mặt bằng lưu trữ hóa chất…., cung cấp cho các đơn vị. + Thực hiện thông báo các bộ phận liên quan thực hiện cúp điện, lưu thể công dụng…. + Tiến hành xử lý, khắc phục sự cố. + Tổ chức di dời vật phẩm dễ cháy và cách ly đám cháy. + Tổ chức cấp cứu và đưa người bị nạn tới các cơ sở y tế gần nhất + Tổ chức cứu người bị nạn ra khỏi hiện trường + Tổ chức di tản những người không có liên quan ra khỏi hiện trường	Tại hiện trường

Nhiệm vụ của từng người trong Ban chỉ huy ứng phó sự cố chất thải như sau:

- Trưởng ban:

+ Chỉ huy trực tiếp toàn bộ công tác ứng phó sự cố.

+ Quyết định các biện pháp xử lý khẩn cấp và huy động nguồn lực cần thiết.

+ Liên hệ, báo cáo kịp thời với cơ quan chức năng và Ban Giám đốc Công ty.

- Phó ban:

+ Phối hợp với Trưởng ban để đánh giá nguyên nhân, mức độ sự cố.

+ Chỉ đạo kỹ thuật, hướng dẫn quy trình an toàn khi xử lý.

+ Bố trí nhân sự, thiết bị kỹ thuật hỗ trợ công tác khắc phục.

+ Huy động nhân lực, phương tiện, vật tư phục vụ ứng phó.

+ Ghi chép, tổng hợp diễn biến, kết quả xử lý sự cố.

+ Tham mưu các phương án hậu cần và thông tin liên lạc.

- Thành Viên:

Giám sát an toàn lao động và môi trường tại hiện trường.

+ Hướng dẫn các biện pháp bảo hộ cá nhân, phòng tránh rủi ro lan rộng.

+ Báo cáo nhanh tình hình thực tế cho Trưởng ban và Phó ban.

+ Tổ chức sơ tán an toàn người lao động trong khu vực phân xưởng.

+ Kiểm soát nguồn gây sự cố tại phân xưởng, cô lập thiết bị liên quan.

+ Hỗ trợ lực lượng ứng cứu trong thu gom và xử lý chất ô nhiễm.

+ Chỉ đạo công nhân dừng hoạt động máy móc, hệ thống liên quan.

+ Tổ chức bảo vệ khu vực khoanh vùng, tránh người không phận sự vào.

+ Tham gia trực tiếp khắc phục sự cố theo phân công.

+ Đảm bảo cung cấp nguồn điện, nước hoặc ngắt kịp thời khi cần thiết.

+ Kiểm tra, sửa chữa sự cố kỹ thuật phát sinh trong quá trình ứng cứu.

+ Tổ chức sơ cứu, cấp cứu người bị nạn và phối hợp đưa đi bệnh viện.

+ Theo dõi tình trạng sức khỏe của người lao động sau sự cố.

5.4. Tổ chức chỉ huy *(địa điểm, thành phần, nhiệm vụ...).*

Để đảm bảo việc ứng phó sự cố diễn ra kịp thời, hiệu quả và đúng quy trình, công ty đã thành lập Đội ứng phó sự cố khẩn cấp gồm các thành viên là đại diện của các bộ phận chuyên môn. Cơ cấu tổ chức chỉ huy bao gồm:

5.4.1. Trưởng ban chỉ huy

+ Là người chỉ đạo toàn bộ công tác ứng phó sự cố.

+ Chịu trách nhiệm đưa ra quyết định xử lý, phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ Chịu trách nhiệm báo cáo với Ban giám đốc và cơ quan chức năng khi sự cố vượt quá khả năng kiểm soát.

5.4.2. Phó Ban

+ Thay mặt Trưởng ban khi được ủy quyền.

+ Phụ trách điều phối công tác kỹ thuật và hậu cần.

+ Giám sát, đánh giá mức độ sự cố để điều chỉnh phương án.

5.4.3. Các thành viên

+ Theo dõi, giám sát an toàn, vệ sinh lao động và môi trường.

+ Đảm bảo các biện pháp bảo hộ lao động được triển khai đúng quy định.

+ Phụ trách giám sát khu vực phụ trách.

+ Trực tiếp kiểm tra, khoanh vùng, cô lập nguồn phát thải.

+ Hỗ trợ công tác sơ tán, di dời vật tư và máy móc

+ Tổ chức sơ cứu, cấp cứu người bị nạn.

+ Phối hợp với cơ sở y tế bên ngoài khi cần thiết.

5.4.4. Đội ứng phó sự cố chất thải

Thực hiện trực tiếp các biện pháp ứng phó theo lệnh của Ban chỉ huy, gồm:

- Quan sát – Thông báo – Báo động.

- Phát hiện sự cố, lập tức thông báo cho Ban chỉ huy và phát tín hiệu báo động.

- Cung cấp thông tin vị trí, quy mô và mức độ nguy hiểm.

- Khoanh vùng và cô lập sự cố

- Dùng rào chắn, biển cảnh báo, ngăn chặn người không có nhiệm vụ tiếp cận.

- Khóa van, ngắt điện, ngừng thiết bị liên quan đến khu vực sự cố.

- Sơ tán người và tài sản

- Hướng dẫn nhân viên, công nhân di chuyển theo lối thoát hiểm an toàn.

- Vận chuyển, bảo vệ tài sản quan trọng ra khỏi vùng nguy hiểm.

- Ứng cứu và xử lý chất thải

- Sử dụng dụng cụ, hóa chất, thiết bị để thu gom, trung hòa hoặc khống chế chất thải.

- Thực hiện đúng quy trình an toàn hóa chất, PCCC và xử lý môi trường.

- Đảm bảo an ninh, trật tự

- Ngăn chặn người lạ hoặc phương tiện không liên quan xâm nhập khu vực sự cố.

- Phối hợp bảo vệ hiện trường để phục vụ điều tra nguyên nhân.

- Hậu cần và y tế

- Cung cấp trang thiết bị bảo hộ, phương tiện ứng cứu và nước uống, thực phẩm nếu cần ứng cứu dài giờ.

- Thực hiện sơ cứu, chăm sóc y tế ban đầu cho người bị ảnh hưởng.

5.5. Kế hoạch tập huấn và diễn tập định kỳ của dự án đầu tư, cơ sở về ứng phó sự cố

Công ty sẽ triển khai các chương trình đào tạo/tập huấn, diễn tập ứng phó sự cố. Định kỳ hàng năm, Công ty sẽ tổ chức tập huấn, diễn tập kỹ thuật nhằm kiểm tra, điều chỉnh và nâng cao khả năng ứng phó về kỹ thuật, trang thiết bị, vật liệu, nhân lực của các lực lượng phù hợp với hoàn cảnh thực tế.

Mục đích

- Nhằm nâng cao nhận thức về tác hại của sự cố chất thải.

- Sẵn sàng ứng phó nhanh khi có sự cố diễn ra.

- Đưa ra các phương án ứng phó và bảo vệ hiệu quả.

- Nâng cao sự phối hợp trong công tác ứng phó.

Đối tượng

Chương trình huấn luyện phải phục vụ cho cả ba đối tượng chính sau:

- Các nhân viên làm nhiệm vụ ứng cứu

- Các thành viên của Ban Chỉ huy ứng cứu của các đơn vị (các Chỉ huy khu vực, các Chỉ huy tại hiện trường…).

- Các thành viên của Ban Chỉ đạo ứng cứu của Công ty

Các khoá đào tạo/tập huấn được tổ chức như sau:

Đối tượng 1: Khoá huấn luyện cho các nhân viên làm nhiệm vụ ứng cứu và các thành viên của Ban chỉ huy ứng cứu: Các hướng dẫn viên này là các Đội trưởng các Đội ứng cứu, người liên lạc trong tổ chức ứng cứu và các cán bộ chủ chốt vận hành thiết bị ứng cứu…

Thời gian huấn luyện: tối thiểu 6 tháng/lần.

Đối tượng 2 và 3: Khoá huấn luyện các thành viên Ban Chỉ đạo ứng cứu của doanh nghiệp, Tổng chỉ huy, Chỉ huy khu vực, Chỉ huy tại hiện trường.

Nội dung tập trung vào chiến lược và nguồn lực ứng cứu để thực hiện các hoạt động ứng cứu tuỳ thuộc vào điều kiện thời tiết, tính chất và tác động của dầu tràn. Riêng Ban chỉ đạo ứng cứu của doanh nghiệp cần huấn luyện thêm về quản lý và chỉ đạo công tác ứng cứu, quản lý khủng hoảng và đánh giá chiến lược ứng cứu, các vấn đề môi trường và khả năng làm giảm tác động, các khía cạnh pháp lý, hợp tác quốc tế, thông tin đại chúng.

Thời gian huấn luyện: tối thiểu 6 tháng/lần.

5.5.1. Diễn tập

5.5.1.1.Diễn tập báo động

Diễn tập báo động về nguyên tắc không được báo trước và có thể liên quan

đến tất cả các tổ chức ứng phó hoặc một bộ phận của nó nhằm thực hiện quy trình thông báo/báo động. Sau diễn tập sẽ có tổng kết và đánh giá về thời gian, phương thức của các thông báo và báo động để hoàn thiện hệ thống quy trình thông báo và báo động cũng như các biểu mẫu liên quan.

5.5.1.2. Diễn tập thực tế

Định kỳ hàng năm, Công ty đều tổ chức diễn tập thực tế ứng phó sự cố bao gồm các diễn tập liên quan đến:

- Bố trí nguồn lực sẵn có;

- Vận hành và điều khiển các thiết bị ứng phó;

- Đường dây thông tin giữa các bên tham gia;

- Năng lực quản lý điều hành các nguồn lực ứng phó của chỉ huy tại hiện trường.

Các bước diễn tập được tiến hành như sau:

- Báo động khẩn cấp, thông báo thực tập ứng phó sự cố bằng chuông báo động chung và loa công cộng.

- Lực lượng UPSC nhanh chóng tập trung về vị trí tập trung theo quy định

- Tổ trưởng các bộ phận kiểm tra quân số bộ phận mình và báo cáo cho ban chỉ huy hiện trường.

- Kiểm tra tình trạng hoạt động của các thiết bị thông tin liên lạc giữa các bộ phận.

- Kiểm tra cách sử dụng các dụng cụ ứng phó như: cát, giẻ lau, phao quây, bông thấm dầu, hóa chất phân tán dầu, …

- Kiểm tra tình trạng sẵn sàng phối hợp ứng cứu.

- Kiểm tra năng lực ra quyết định chiến thuật ứng phó và năng lực quản lý điều hành các nguồn lực ứng phó của BCH tại hiện trường

VI. Kết luận và kiến nghị

6.1. Đánh giá về tính khả thi của kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và sự cố môi trường đã được xây dựng.

Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và sự cố môi trường của Công ty được xây dựng trên cơ sở tuân thủ đúng các quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường, đồng thời căn cứ vào điều kiện thực tế hoạt động sản xuất, vị trí địa lý và đặc điểm kỹ thuật của Công ty. Nội dung kế hoạch được xây dựng với các yếu tố sau:

- Phân tích chi tiết các nguồn có nguy cơ gây ra sự cố chất thải và sự cố môi trường.
- Xác định kịch bản sự cố cụ thể, có tính thực tiễn, phù hợp với đặc điểm vận hành của nhà máy.
- Thiết lập tổ chức ứng phó chuyên trách, có phân công cụ thể chức năng, nhiệm vụ cho từng thành viên trong đội ứng phó.
- Trang bị phương tiện, thiết bị ứng phó phù hợp như: vật tư chống tràn, thùng thu gom, thiết bị bảo hộ, biển cảnh báo…
- Đề ra quy trình xử lý theo từng giai đoạn: phát hiện – cảnh báo – cô lập – xử lý – báo cáo – khắc phục – lưu trữ hồ sơ.
- Đảm bảo việc phối hợp liên ngành với Khu công nghiệp, chính quyền địa phương trong trường hợp sự cố vượt quá khả năng kiểm soát.

Với sự chuẩn bị đầy đủ về nhân lực, trang thiết bị, quy trình hành động cũng như kế hoạch truyền thông nội bộ và cộng đồng, kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố chất thải được đánh giá có tính khả thi cao, phù hợp với điều kiện hiện tại của công ty.

6.2. Bài học từ sự cố chất thải đã xảy ra (nếu có) và cam kết của cơ sở trong công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố trong giai đoạn tiếp theo.

Qua quá trình xây dựng và tổ chức triển khai phương án ứng phó sự cố chất thải, cơ sở nhận thức rõ tầm quan trọng của việc chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và xử lý kịp thời các sự cố chất thải nhằm hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến môi trường và sức khỏe con người.

Đến thời điểm hiện tại, cơ sở chưa ghi nhận sự cố chất thải nghiêm trọng nào. Tuy nhiên, cơ sở luôn chủ động thực hiện các biện pháp phòng ngừa và ứng

phó theo phương án đã xây dựng.

Cam kết của cơ sở trong giai đoạn tiếp theo:

- Tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đặc biệt trong công tác quản lý và ứng phó sự cố chất thải.
- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn cho lực lượng ứng phó sự cố.
- Duy trì kiểm tra, bảo trì định kỳ đối với máy móc, thiết bị và các khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố.
- Bổ sung đầy đủ trang thiết bị, vật tư phục vụ cho công tác ứng phó.
- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, cơ quan môi trường và đơn vị trong cụm công nghiệp để chia sẻ thông tin, hỗ trợ lẫn nhau khi cần thiết.

Cơ sở cam kết thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nội dung của phương án đã được xây dựng, đảm bảo khả năng ứng phó hiệu quả trong mọi tình huống, góp phần bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng.

6.3. Kiến nghị của cơ sở (nếu có).

- Đề nghị cơ quan quản lý nhà nước tạo điều kiện hỗ trợ, hướng dẫn chuyên môn trong quá trình xây dựng, cập nhật và tổ chức diễn tập phương án ứng phó sự cố chất thải.

- Đề xuất được tham gia các chương trình tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực ứng phó sự cố môi trường, đặc biệt là ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất, dầu, chất thải nguy hại.

- Kiến nghị có chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong việc đầu tư trang thiết bị, công cụ ứng phó sự cố (bể chứa tạm, vật tư chống tràn, quần áo bảo hộ, hệ thống cảnh báo,…)

Chúng tôi cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

CHỦ CƠ SỞ

TSAI YU MING

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 3603357615

Đăng ký lần đầu: ngày 04 tháng 02 năm 2016

Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 29 tháng 07 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GREAT KINGDOM GIANG DIEN COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GREAT KINGDOM GIANG DIEN CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô số 9, KCN Giang Điền, Xã An Viễn, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: *0251.3931311* Fax: *0251.3836842*

Email: *cerrutiisai@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ : 1.111.670.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một nghìn một trăm mười một tỷ sáu trăm bảy mươi triệu đồng

tương đương 48.000.000 Đô la Mỹ

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: GREAT KINGDOM INT'L CORP. LIMITED

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: *67768584-000-05-17-5*

Ngày cấp: *19/05/2017* Nơi cấp: *Cơ quan quản lý Doanh nghiệp đặc khu Hồng Kông*

Địa chỉ trụ sở chính: *RM 2401, 24/F 101 KING'S RD, FORTRESS HILL, Hồng Kông, Trung Quốc*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TSAI YU MING Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc

Sinh ngày: *10/05/1971* Dân tộc: *Quốc tịch: Trung Quốc*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *350174047*

Ngày cấp: *19/03/2018* Nơi cấp: *Đài Loan*

Địa chỉ thường trú: *Rm 2401, 24/F 101 King's rd, Fortress Hill, Hong Kong, Trung Quốc*

Địa chỉ liên lạc: *Lô số 9, KCN Giang Điền, Xã An Viễn, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Đỗ Quốc Thịnh

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 9876303670

Chứng nhận lần đầu: ngày 01 tháng 02 năm 2016

Chứng nhận thay đổi lần thứ sáu: ngày 02 tháng 01 năm 2024

Chứng nhận thay đổi lần thứ bảy: ngày 15 tháng 3 năm 2024

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 204/TTg ngày 06 tháng 4 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9876303670 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ sáu ngày 02 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do CÔNG TY TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN nộp ngày 23 tháng 02 năm 2024,

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Chứng nhận:

Dự án đầu tư CÔNG TY TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN; mã số dự án 9876303670 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ sáu ngày 02 tháng 01 năm 2024;

Được đăng ký:

- Tăng vốn đầu tư từ 102.000.000 đô la Mỹ lên 112.000.000 đô la Mỹ (tăng 10.000.000 đô la Mỹ).
- Tăng vốn góp từ 38.000.000 đô la Mỹ lên 48.000.000 đô la Mỹ (tăng 10.000.000 đô la Mỹ).

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

GREAT KINGDOM INT'L CORP. LIMITED; Giấy phép thành lập số 67768584-000-05-17-5 cấp ngày 19 tháng 5 năm 2017 tại Hồng Kông (Trung Quốc).

Địa chỉ trụ sở chính: Rm 2401, 24/F 101 King's rd, Fortress Hill, Hong Kong, China.

Người đại diện: Ông TSAI, YU-MING; sinh ngày 10 tháng 5 năm 1971; quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan); hộ chiếu số: 350174047 cấp ngày 19 tháng 3 năm 2018 tại Đài Loan; địa chỉ thường trú: Rm 2401, 24/F 101 King's rd, Fortress Hill, Hong Kong, China; chức vụ: Tổng Giám đốc.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư:

CÔNG TY TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603357615 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 02 năm 2016, thay đổi lần thứ chín ngày 20 tháng 02 năm 2024 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư:

1. Tên dự án đầu tư: **CÔNG TY TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN.**

2. Mục tiêu và quy mô của dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Quy mô	Mã ngành theo VSIC	Mã CPC
01	Sản xuất các sản phẩm bằng gỗ: Giường, tủ, bàn, ghế, kệ, móc treo, xe đẩy,...	2.500.000 sản phẩm/năm	3100 1629	
02	Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu và quyền phân phối bán buôn (không gắn với thành lập cơ sở bán buôn) các mặt hàng không thuộc danh mục cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam và không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.		4690	622

3. Địa điểm thực hiện dự án: Lô số 9, Khu công nghiệp Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

4. Diện tích đất sử dụng: 315.320 m^2.

5. Tổng vốn đầu tư của dự án: 2.554.030.000.000 (hai nghìn năm trăm năm mươi bốn tỷ, không trăm ba mươi triệu) đồng, tương đương 112.000.000 (một trăm mười hai triệu) đô la Mỹ.

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án: 1.111.670.000.000 (một nghìn một trăm mười một tỷ, sáu trăm bảy mươi triệu) đồng, tương đương 48.000.000 (bốn mươi tám triệu) đô la Mỹ, chiếm tỷ lệ 42,86% tổng vốn đầu tư do GREAT KINGDOM INT'L CORP. LIMITED góp; tiến độ góp vốn: Đã góp 38.000.000 (ba mươi tám triệu) đô la Mỹ, còn 10.000.000 (mười triệu) đô la Mỹ đến tháng 3 năm 2025 sẽ góp đủ.

6. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 (năm mươi) năm kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2016.

Thời hạn hoạt động tại Khu công nghiệp Giang Điền đến tháng 8 năm 2058. Sau thời hạn trên, nếu Khu công nghiệp Giang Điền được gia hạn thời gian hoạt động và nhà đầu tư có nhu cầu tiếp tục đầu tư tại địa điểm hiện tại thì phải thỏa thuận về thời hạn và điều kiện thuê đất với Công ty kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Giang Điền để tiếp tục hoạt động.

Trường hợp khu công nghiệp Giang Điền không được gia hạn thêm thời hạn hoạt động, nhà đầu tư phải di dời dự án đến vị trí mới phù hợp để tiếp tục hoạt động hoặc thực hiện thủ tục chấm dứt dự án theo quy định.

7. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: Đi vào hoạt động từ tháng 7 năm 2020.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

1. Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo quy định về Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

2. Thuế nhập khẩu và các loại thuế khác: Theo quy định tại thời điểm nộp thuế.

Điều 3: Các quy định đối với Nhà đầu tư, Tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

1. Thực hiện thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng và báo cáo định kỳ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Triển khai dự án đầu tư theo mục tiêu, nội dung, tiến độ cam kết và tuân thủ các quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, các quy định pháp luật về đất đai, môi trường, lao động và pháp luật liên quan trong quá trình triển khai dự án.

3. Đối với những hàng hóa thuộc diện quản lý chuyên ngành hoặc kinh doanh có điều kiện, Công ty chỉ được triển khai dự án sau khi được cơ quan quản lý chuyên ngành cấp giấy phép kinh doanh, giấy tờ có giá trị tương đương và/hoặc đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9876303670 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai chứng nhận thay đổi lần thứ sáu ngày 02 tháng 01 năm 2024.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; CÔNG TY TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN được cấp 01 (một) bản, 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

TRƯỞNG BAN

Trí Phương

環保許可審核書

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 11 /QĐ-KCNĐN

Đồng Nai, ngày 09 tháng 1 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án "Nhà máy sản xuất các sản phẩm gỗ: giường, tủ, bàn, ghế, kệ, móc treo, xe đẩy với quy mô: 2.500.000 sản phẩm/năm, diện tích dự án 315.302 m^2" của Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền tại khu công nghiệp Giang Điền, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 29/3/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các KCN Đồng Nai tổ chức thực hiện thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất các sản phẩm gỗ: giường, tủ, bàn, ghế, kệ, móc treo, xe đẩy với quy mô: 2.500.000 sản phẩm/năm, diện tích dự án 315.302 m^2" của Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền tại khu công nghiệp (sau đây viết tắt là KCN) Giang Điền, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, họp tại Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai vào ngày 07/12/2017;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất các sản phẩm gỗ: giường, tủ, bàn, ghế, kệ, móc treo, xe đẩy với quy mô: 2.500.000 sản phẩm/năm, diện tích dự án 315.302 m^2" tại KCN Giang Điền, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai đã được chỉnh sửa, bổ sung

Số 26, đường 2A, khu công nghiệp Biên Hòa II, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
ĐT: (0251) 3893699 - 3892378 Fax: (0251) 3892379
Email: bqlkcn@dongnai.gov.vn; diza@diza.vn Website: http://diza.dongnai.gov.vn

kèm theo văn bản giải trình số 08/GT-DTM đề ngày 29/12/2017 của Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các KCN Đồng Nai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án "Nhà máy sản xuất các sản phẩm gỗ: giường, tủ, bàn, ghế, kệ, móc treo, xe đẩy với quy mô: 2.500.000 sản phẩm/năm, diện tích dự án 315.302 m^2" tại KCN Giang Điền, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi tắt là Dự án) được lập bởi Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền (sau đây gọi tắt là Chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

1.1. Vị trí: KCN Giang Điền, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

1.2. Diện tích nhà máy: 315.302 m^2.

1.3. Mục tiêu, sản phẩm:

Sản xuất các sản phẩm gỗ: giường, tủ, bàn, ghế, kệ, móc treo, xe đẩy với quy mô: 2.500.000 sản phẩm/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

Tuân thủ quy hoạch tổng thể của Dự án và địa phương đã được cấp thẩm quyền phê duyệt. Chủ dự án phải thực hiện đầy đủ các biện pháp thu gom và xử lý các loại chất thải phát sinh đạt các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành; thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và các yêu cầu sau đây:

2.1. Trong giai đoạn thi công lắp đặt máy móc, thiết bị của Dự án:

- Có biện pháp đảm bảo không phát tán bụi, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng vượt quá tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật môi trường hiện hành trong quá trình thi công lắp đặt máy móc, thiết bị; đảm bảo an toàn giao thông.

- Thực hiện thu gom, quản lý toàn bộ lượng chất thải phát sinh bao gồm cả chất thải nguy hại (dầu nhớt thải, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại,...) và xử lý theo đúng quy định.

2.2. Trong quá trình hoạt động của Dự án:

- Thực hiện biện pháp thu gom, xử lý nước thải như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án; đảm bảo nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đạt giới hạn tiếp nhận theo thỏa thuận giữa Chủ dự án với đơn vị đầu tư hạ tầng KCN Giang Điền (Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền), trước khi đấu nối vào Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Giang Điền để tiếp tục xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải theo QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) trước khi thải vào nguồn tiếp nhận; không được xả nước thải chưa đạt Quy chuẩn ra môi trường; bố trí vị trí đấu nối nước thải ở vị trí thuận lợi, minh bạch cho việc kiểm tra, giám sát.

- Thực hiện biện pháp thu gom, xử lý bụi, mùi, khí thải, đảm bảo các loại khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B; K_v= 1,0; K_p theo lưu lượng nguồn khí thải), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT.

- Bố trí khu vực lưu giữ các loại chất thải đúng quy định; Thu gom, phân loại, xử lý toàn bộ các loại chất thải đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định; Quản lý chất thải rắn theo quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007, Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ và quản lý chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện báo cáo quan trắc môi trường theo quy định hiện hành (giám sát chất thải với tần suất ít nhất 03 tháng/lần trong quá trình hoạt động của dự án); cập nhật, lưu giữ số liệu phục vụ quá trình kiểm tra, theo dõi.

- Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác: bố trí diện tích đất trồng cây xanh theo quy định; có kế hoạch tổ chức thực hiện về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn hóa chất, phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm, an toàn lao động, quản lý tài nguyên nước.

- Tuân thủ quy định về công khai thông tin, dữ liệu về môi trường theo quy định tại Điều 131 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014 và Điều 16 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Trường hợp các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo Quy chuẩn mới.

3. Các điều kiện kèm theo đối với Chủ dự án: Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, Đồn Công an KCN, Công ty đầu tư hạ tầng KCN trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và hoạt động của dự án để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn giao thông, an toàn lao động.

Điều 2. Chủ dự án có các trách nhiệm sau đây:

1. Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường, các điều kiện nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 4. Ban Quản lý các KCN Đồng Nai tham gia cùng các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Chủ dự án;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Trảng Bom;
- Cty TNHH Great Kingdom Giang Điền;
- Lưu VT, MT (P).

0106

TRƯỞNG BAN

Cao Tiến Sỹ

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40 /SĐK-CCBVMT

Đồng Nai, ngày 11 tháng 6 năm 2020

SỔ ĐĂNG KÝ CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI

Mã số QLCTNH: 75.002863.T

(Cấp lần 01)

I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

Tên: Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền

Địa chỉ văn phòng: Lô số 9, KCN Giang Điền, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 02513.967.801 Fax: 02513.967.802

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3603357615 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 04/02/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 17/01/2020 cấp cho Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền tại lô số 9, KCN Giang Điền, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH tại Phụ lục kèm theo.

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động./.

Nơi nhận:
- Như phần I;
- TT hành chính công tỉnh (phối hợp);
- Lưu: VT, P. NV (3b)

E: T.Ha\CTNH

TUQ. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Đặng Thị Thùy Dương

11

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có mã số QLCTNH 75.002863.T do Chi cục Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai cấp lần 01 ngày 11 tháng 6 năm 2020)

1. Cơ sở phát sinh CTNH :

Tên cơ sở: Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền

Địa chỉ: Lô số 9, KCN Giang Điền, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 02513.967.801

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Cặn sơn thải	Rắn	6.000	08 01 01
2	Hộp mực in thải	Rắn	12	08 02 04
3	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván và gỗ dán vụn thải có các thành phần nguy hại	Rắn	2.000	09 01 01
4	Chất bảo quản gỗ hữu cơ không có hợp chất halogen hữu cơ thải	Lỏng	100	09 02 01
5	Chất bảo quản gỗ vô cơ thải	Lỏng	100	09 02 04
6	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	6.000	12 06 06
7	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	60	16 01 06
8	Bao bì mềm thải	Rắn	1.000	18 01 01
9	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn	2.000	18 01 02
10	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	2.000	18 01 03
11	Giẻ lau dính dầu nhớt thải	Rắn	5.000	18 02 01
	Tổng số lượng	-	**24.272**	-

3. Danh sách CTNH đã đăng ký tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH tại cơ sở: Không

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

752529617000001

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Great KingDom Giang Điền

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên, mã số doanh nghiệp: 3603357615, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 04/02/2016; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 12/12/2016
Địa chỉ: Lô số 9, KCN Giang Điền, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

CG 068518

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 1106 Tờ bản đồ số: 4

b) Địa chỉ: xã An Viễn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

c) Diện tích: 92724,0m² (bằng chữ: chín mươi hai nghìn bảy trăm hai mươi bốn phẩy không mét vuông)

Trong đó: Diện tích được cấp: 92724,0m², Không được cấp: 0,0m²

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp.

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 08/08/2058.

g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền một lần của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp (Tổng Công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp).

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

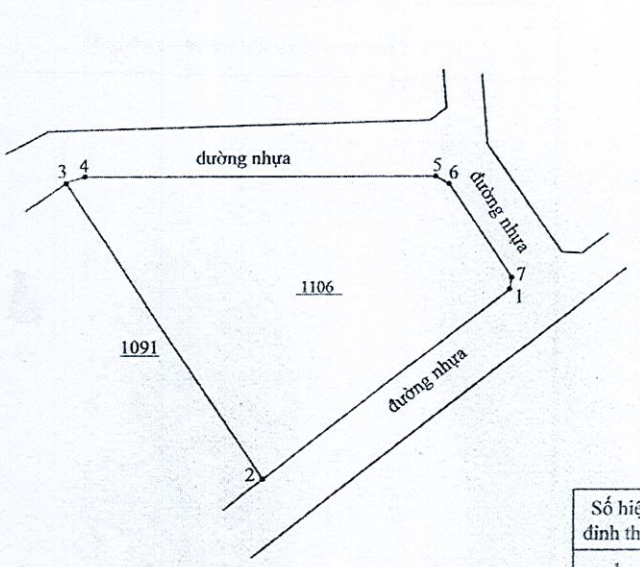

Số hiệu đỉnh thửa	Chiều dài (m)
1	
2	338,67
3	386,33
4	21,78
5	382,27
6	16,63
7	122,22
1	13,02

Đồng Nai, Ngày 17 tháng 02 năm 2017

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

TUQ.CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH ĐỒNG NAI

Đặng Minh Đức

Số vào sổ cấp GCN: CT 34165

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

22

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận, khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

752629616000007

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 3603357615 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp; đăng ký lần đầu ngày 04/02/2016

Địa chỉ: Lô số 9, KCN Giang Điền, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

CD 582647

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: 2970 Tờ bản đồ số: 3

b) Địa chỉ: xã An Viễn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

c) Diện tích: 214898,0m² (bằng chữ: hai trăm mười bốn nghìn tám trăm chín mươi tám phẩy không mét vuông)

Trong đó: Diện tích được cấp: 214898,0m², Không được cấp: 0,0m²

d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng

đ) Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp.

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 08/08/2058.

g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền hàng năm của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp (Tổng Công ty Cổ phần Phát triển khu công nghiệp).

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

Đồng Nai, Ngày 17 tháng 5 năm 2016

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

TUQ.CHỦ TỊCH

KT.GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Đặng Minh Đức

Số vào sổ cấp GCN: CT 29383

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

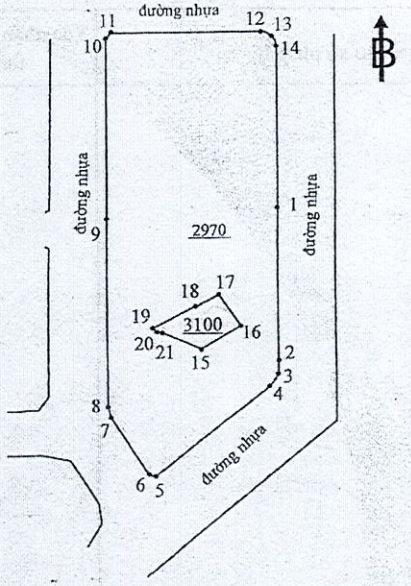

Số hiệu đỉnh thửa	Chiều dài (m)
1	
2	287,30
3	21,80
4	21,80
5	257,35
6	11,94
7	123,72
8	18,55
9	332,98
10	332,98
11	12,49
12	271,98
13	21,43
14	21,43
1	287,30
15	81,48
16	67,54
17	44,90
18	88,51
19	10,67
20	7,29
21	78,22
15	

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Chuyển hình thức sử dụng từ Thuê đất trả tiền hàng năm của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp (Tổng Công ty Cổ phần phát triển khu công nghiệp) sang Thuê đất trả tiền một lần của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp (Tổng Công ty Cổ phần phát triển khu công nghiệp) từ ngày 23/09/2016 theo hồ sơ số 000716.TG.003. Mã vạch 752629616000014.	Ngày 23/09/2016 **Giám đốc** VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI **Hoàng Văn Dung**

22

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

7526296160000007

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 3603357615 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp; đăng ký lần đầu ngày 04/02/2016

Địa chỉ: Lô số 9, KCN Giang Điền, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

CD 582648

tài sản khác gắn liền với đất

00 Tờ bản đồ số: 3
/iễn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
0m² (bằng chữ: bảy nghìn sáu trăm tám mươi phẩy không mét vuông)
ích được cấp: 7680,0m², Không được cấp: 0,0m²
ng: Sử dụng riêng
: Đất khu công nghiệp.
Đến ngày 08/08/2058.
g: Thuê đất trả tiền hàng năm của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công
ty Cổ phần Phát triển khu công nghiệp).

g khác: -/-
ng trồng: -/-

Đồng Nai, Ngày 11 tháng 5 năm 2016
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
TUQ.CHỦ TỊCH
KT.GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG * CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM * TỈNH ĐỒNG NAI

Đặng Minh Đức

CT 29384

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

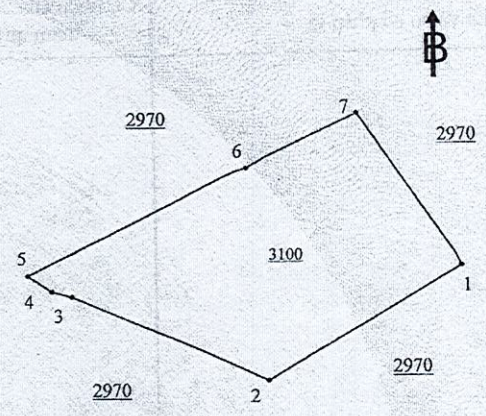

Số hiệu đỉnh thửa	Chiều dài (m)
1	81,48
2	78,22
3	7,29
4	10,67
5	85,51
6	44,90
7	67,54
1	

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Chuyển hình thức sử dụng từ Thuê đất trả tiền hàng năm của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp (Tổng Công ty Cổ phần phát triển khu công nghiệp) sang Thuê đất trả tiền một lần của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp (Tổng Công ty Cổ phần phát triển khu công nghiệp) từ ngày 23/09/2016 theo hồ sơ 000716.TG.004. Mã vạch 752629616000015	Ngày 23/09/2016 **Giám đốc** VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI **Hoàng Văn Dung**

- Chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường phải tuân thủ đúng các quy định tại Thông tư số 16/2009/TT-BTNMT ngày 07 tháng 10 năm 2009 và Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

4.4. Bên B cam kết tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước về việc bảo vệ môi trường và thực hiện theo đúng "Quy định về bảo vệ môi trường tại KCN Giang Điền" *(đính kèm)*.

ĐIỀU 5: QUYỀN HẠN CỦA BÊN B

5.1 Bên B có quyền tổ chức sản xuất kinh doanh trên Khu đất thuê theo đúng nội dung đăng ký tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Bên B.

5.2 Bên B được phép xây dựng nhà xưởng và triển khai hoạt động trên Khu đất thuê sau khi hoàn thành các nội dung sau:

- Nhận bàn giao mặt bằng từ Bên A.
- Nhận được văn bản thẩm định thiết kế các công trình;
- Thanh toán đầy đủ các khoản tiền nêu ở Khoản 3.1, 3.2, 3.3 và 3.4 tại Điều 3 của Hợp đồng thuê lại đất này;
- Ký kết với Bên A "Bản ghi nhớ tổng quát về việc xây dựng nhà máy tại KCN Giang Điền" đính kèm theo Hợp đồng thuê lại đất;
- Ký kết với Bên A "Biên bản thỏa thuận về việc sử dụng hạ tầng kỹ thuật KCN Giang Điền".

5.3 Nhà xưởng, nhà kho, văn phòng hay vật kiến trúc được xây cất hoặc tạo ra trên Khu đất thuê là tài sản của Bên B. Bên B được quyền thế chấp tại các ngân hàng ở Việt Nam giá trị tài sản trên Khu đất thuê để vay vốn cho sản xuất.

5.4 Bên B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

ĐIỀU 6: CAM KẾT CỦA BÊN A ĐỐI VỚI KHU ĐẤT CHO THUÊ

6.1 Bên A cam kết trao cho Bên B trọn quyền sử dụng Khu đất thuê để thực hiện dự án theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Bên B, ngoại trừ trường hợp qui định ở khoản 9.2 tại Điều 9 của Hợp đồng thuê lại đất.

6.2 Bên A hỗ trợ tư vấn Bên B trong việc liên kết với các nhà cung cấp dịch vụ thông tin liên lạc, cung cấp điện để nhanh chóng hoàn thành việc lắp đặt và đưa vào sử dụng hệ thống thông tin liên lạc và hệ thống cấp điện phục vụ hoạt động sản xuất của Bên B tại KCN Giang Điền.

- Viễn thông Đồng Nai là đơn vị cung cấp các dịch vụ thông tin: điện thoại, internet, fax... đến Khu đất thuê.

- Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Đồng Nai là đơn vị đầu tư xây dựng và cung cấp đường điện 15 (22) kV đến Khu đất thuê.
- Bên B, bằng chi phí của mình, tự thực hiện ký hợp đồng sử dụng các dịch vụ với các đơn vị cung cấp dịch vụ và thực hiện việc lắp đặt, đấu nối các hệ thống dịch vụ như điện, cấp nước, thoát nước, khí đốt, liên lạc viễn thông cùng những hệ thống kỹ thuật khác, và tự thanh toán cước phí sử dụng các dịch vụ này.

6.3 Bên A chịu trách nhiệm xây dựng hệ thống đường ống nước với đường kính đảm bảo cung cấp nước cho nhà máy của Bên B với công suất đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của Bên B như sau:

+ Giai đoạn 01 (từ .../.../20... đến .../.../20...): ..... **m^3/ngày**

+ Giai đoạn 02 (từ .../.../20... đến .../.../20...): ..... **m^3/ngày**

+ Giai đoạn 03 (từ .../.../20... đến hết thời hạn thuê): ..... **m^3/ngày**

- Bên B sẽ ký hợp đồng sử dụng nước với Bên A và trả mọi khoản phí từ việc sử dụng nước cho Bên A. Việc quản lý và cung cấp nước do Bên A thực hiện.

6.4 Bên A có trách nhiệm bảo trì, quản lý cơ sở hạ tầng KCN Giang Điền (không bao gồm hệ thống cấp điện và thông tin) trong suốt Thời hạn thuê lại đất của Bên B nêu tại Khoản 2.1, Điều 2 của Hợp đồng thuê lại đất.

6.5 Bên A thực hiện việc cắm mốc và bàn giao Khu đất thuê cho Bên B trong vòng **30** ***(ba mươi)*** **ngày** kể từ ngày hai Bên ký Hợp đồng thuê lại đất.

6.6 Kể từ ngày ký Hợp đồng thuê lại đất, Xí nghiệp Dịch vụ KCN Giang Điền thay mặt Bên A tiếp tục thực hiện các cam kết đã ký với Bên B theo nội dung Hợp đồng thuê lại đất này và các cam kết bằng văn bản đã ký giữa hai Bên.

ĐIỀU 7: CAM KẾT CỦA BÊN B TRONG QUÁ TRÌNH THUÊ VÀ SỬ DỤNG ĐẤT TẠI KHU CÔNG NGHIỆP GIANG ĐIỀN

7.1 Bên B sử dụng Khu đất thuê vào mục đích theo quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Bên B và tuân thủ theo đúng Luật pháp Việt Nam cũng như các điều khoản trong Hợp đồng thuê lại đất này.

7.2 Bên B cam kết xây dựng nhà máy và điều hành sản xuất, kinh doanh trên Khu đất thuê theo đúng nội dung của Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Bên B, các quy định cụ thể của KCN Giang Điền và các điều khoản của Hợp đồng thuê lại đất.

7.3 Bên B chịu mọi khoản thuế theo quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Bên B và các khoản thuế khác theo quy định của Luật pháp Việt Nam.

7.4 Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên B không được chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê lại quyền sử dụng đất đối với Khu đất thuê nếu không được sự chấp thuận của Bên A. Trong trường hợp được Bên A chấp thuận thì Bên B phải chịu mọi chi phí phát sinh khi chuyển giao Khu đất thuê. Bên được chuyển nhượng phải tuân thủ các điều khoản của Hợp đồng thuê lại đất này.

7.5 Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Bên B cho Bên thứ ba thuê lại kho/nhà xưởng trong phạm vi Khu đất thuê của mình thì việc sử dụng các kho/nhà xưởng cho thuê lại đó của Bên thứ ba cũng phải tuân theo các quy định của KCN Giang Điền. Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A và phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A trước khi tiến hành ký hợp đồng với Bên thứ ba.

7.6 Bên B có thể bán toàn bộ hay một phần tài sản thuộc quyền sở hữu của mình trên Khu đất thuê trên cơ sở tuân thủ theo đúng Luật pháp Việt Nam và các quy định cụ thể của KCN Giang Điền cũng như của Hợp đồng thuê lại đất. Người mua phải ký một Hợp đồng thuê lại đất khác với Bên A và cam kết bằng văn bản về việc chấp hành Luật pháp Việt Nam và mọi quy định của KCN Giang Điền.

7.7 Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực, nếu Bên B muốn trả lại Khu đất thuê trước Thời hạn thuê lại đất với lý do chính đáng thì phải thông báo bằng văn bản cho Bên A trước ít nhất là 06 ***(sáu)*** **tháng.**

7.8 Bên B có trách nhiệm tự đầu tư nhánh rẽ đường điện 15(22) kV bằng chi phí của mình để đấu nối vào lưới điện của KCN và đầu tư trạm biến áp để cấp điện theo nhu cầu sử dụng của nhà máy/công ty mình.

7.9 Bên B không được phép đào, khoan giếng khai thác nước ngầm trong phạm vi Khu đất thuê hoặc tại bất kỳ vị trí nào trong KCN Giang Điền khi chưa được sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam.

7.10 Bên B cần chuẩn bị một bể chứa nước hoặc tháp nước riêng bằng chi phí của mình để dự trữ nước trong trường hợp thiếu nước và để duy trì áp suất nước ổn định trong quá trình sử dụng.

7.11 Bên B có trách nhiệm cung cấp cho Bên A các hồ sơ/tài liệu về thiết kế xây dựng nhà máy trong Khu đất thuê để hai Bên thỏa thuận đấu nối hạ tầng và để Bên A kiểm tra các yêu cầu kỹ thuật xây dựng trong KCN Giang Điền trước khi Bên B nộp hồ sơ thẩm định thiết kế, xin phép xây dựng. Các hồ sơ/tài liệu gồm:

+ Bản vẽ thiết kế mặt bằng tổng thể công trình;
+ Bản vẽ kiến trúc mặt chính của nhà máy;
+ Thiết kế san nền toàn khu;
+ Hệ thống thoát nước mưa toàn khu;
+ Hệ thống thoát nước thải toàn khu;
+ Mặt bằng cấp điện toàn khu;
+ Mặt bằng cấp nước toàn khu;
+ Mặt bằng trồng cây xanh.

- Bên B sẽ nhận được văn bản phản hồi của Bên A về các hồ sơ/tài liệu nêu trên. Bên A cam kết giải quyết công việc một cách nhanh chóng, kịp thời để không làm ảnh hưởng đến công tác xây dựng của Bên B. Sau khi hoàn tất công tác xây dựng, Bên B phải cung cấp bản vẽ hoàn công của các hạng mục hạ tầng kỹ thuật nói trên cho Bên A.

7.12 Bên B cam kết triển khai việc xây dựng trong thời gian **12** ***(mười hai)*** **tháng** kể từ ngày Bên A bàn giao Khu đất thuê cho Bên B theo quy định tại Khoản 6.5 tại Điều 6 của Hợp đồng thuê lại đất.

- Nếu quá thời hạn nêu trên mà dự án của Bên B chưa triển khai thì Bên A sẽ có văn bản nhắc nhở và xem xét gia hạn với khoảng thời gian là **03** ***(ba)*** **tháng**. Khi hết thời gian gia hạn này mà dự án của Bên B vẫn chưa triển khai xây dựng thì Hợp đồng thuê lại đất sẽ tự động hết hiệu lực và mặc nhiên được thanh lý. Bên A sẽ thu hồi Khu đất thuê để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

7.13 Bên B cam kết sử dụng đất trong phạm vi ranh giới Khu đất thuê. Đồng thời, Bên B phải ký kết với Bên A "Bản ghi nhớ tổng quát về việc xây dựng nhà máy tại KCN Giang Điền" đính kèm theo Hợp đồng thuê lại đất và "Biên bản thỏa thuận về việc sử dụng hạ tầng kỹ thuật KCN Giang Điền".

7.14 Bên B chịu trách nhiệm và bồi thường đầy đủ cho Bên A trong trường hợp Bên A bị thiệt hại về cơ sở hạ tầng khu công nghiệp với bất cứ lý do nào phát sinh do việc làm cố ý hoặc không cố ý của Bên B hay nhân viên hoặc người thừa hành của Bên B gây ra trong quá trình xây dựng và hoạt động sản xuất kinh doanh trong Khu đất thuê, trong thời hạn thuê lại đất.

7.15 Bên B cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo đúng các quy định về bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam và Quy định về bảo vệ môi trường tại KCN Giang Điền của Bên A.

7.16 Bên B cam kết trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ không phát sinh khói, bụi ra bên ngoài khu đất thuê và ảnh hưởng đến các công ty hoạt động lân cận. Nếu để xảy ra tình trạng phát sinh khói, bụi làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty lân cận, Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và chịu toàn bộ chi phí bồi thường cho những tổn thất, thiệt hại của các công ty trên (nếu có).

7.17 Bên B cam kết thanh toán các khoản tiền: phí sử dụng mặt bằng công nghiệp, tiền thuê đất thô, phí quản lý và thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đầy đủ và đúng hạn được nêu tại Khoản 3.1, 3.2, 3.3 và 3.4 tại Điều 3 của Hợp đồng thuê lại đất.

7.18 Trong trường hợp bên B không thực hiện đúng các cam kết được nêu tại Điều này thì Bên A có quyền ngừng cung cấp các dịch vụ phục vụ tại KCN và không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào trong việc giải quyết các khiếu nại, yêu cầu và/hoặc bồi thường các chi phí, phí tổn phát sinh cho Bên B và/hoặc cho Bên thứ ba do việc ngừng cung cấp các dịch vụ phục vụ tại KCN.

ĐIỀU 8: CAM KẾT BẢO MẬT

Hai Bên cam kết bảo mật toàn bộ thông tin theo nội dung của Hợp đồng thuê lại đất và các văn bản khác đã được ký kết giữa hai Bên (bao gồm cả đơn giá tiền thuê đất, các điều kiện thương lượng, cam kết...). Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, nếu bên nào vi phạm cam kết bảo mật này sẽ phải chịu toàn bộ trách nhiệm và bồi thường thiệt hại gây ra bởi sự vi phạm này cho bên còn lại.

ĐIỀU 9: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng thuê lại đất chấm dứt trong các trường hợp sau:

9.1 Hết Thời hạn thuê lại đất nêu tại Điều 2 nêu trên, Hợp đồng thuê lại đất sẽ chấm dứt nếu thời hạn đầu tư của Bên B không được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận gia hạn.

- Bên B đồng ý sẽ ngừng mọi hoạt động và thu dọn, di chuyển tất cả các toà nhà, công trình, máy móc thiết bị, nguyên vật liệu ra khỏi Khu đất thuê trong vòng 90 *(chín mươi)* ngày kể từ ngày hết Thời hạn thuê lại đất và tự chịu mọi phí tổn phát sinh có liên quan. Đồng thời, Bên B cam kết giao trả lại Khu đất thuê cho Bên A trong tình trạng mặt bằng sạch, không có các công trình kiến trúc, tài sản, trang thiết bị, vật dụng... trên Khu đất thuê và chuyển trả lại Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Khu đất thuê cho Bên A.

9.2 Bên B không thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản phí sử dụng đất qui định ở Khoản 3.1, 3.2, 3.3 và 3.4 tại Điều 3 của Hợp đồng thuê lại đất quá thời hạn **06** ***(sáu)*** **tháng.**

9.3 Bên B giải thể hoặc bị phá sản trước khi hết Thời hạn thuê lại đất.

ĐIỀU 10: NGÔN NGỮ, SỬA ĐỔI VÀ BÃI MIỄN

10.1 Tiếng Việt và tiếng Anh được dùng làm ngôn ngữ để cắt nghĩa các nội dung của Hợp đồng thuê lại đất. Trong trường hợp có sự không đồng nhất hoặc có cách hiểu khác nhau giữa hai ngôn ngữ trên thì tiếng Việt được ưu tiên áp dụng dùng làm ngôn ngữ giải thích. Hợp đồng thuê lại đất do Pháp luật Việt Nam chi phối và ràng buộc các Bên.

10.2 Trừ khi được hai Bên đồng ý bằng một văn bản khác, các quyền và nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng thuê lại đất sẽ không được cải biến, sửa đổi bởi một trong hai Bên mà không được sự chấp thuận của bên kia.

10.3 Nếu một trong hai Bên không áp dụng bất cứ một điều khoản nào trong Hợp đồng thuê lại đất thì cũng không tạo nên sự bãi miễn của điều khoản đó hay các tác động, chi phối của nó đến các điều khoản khác của Hợp đồng thuê lại đất.

ĐIỀU 11: LUẬT ÁP DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

11.1 Hợp đồng này được xây dựng trên cơ sở căn cứ các quy định của luật pháp Việt Nam.

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê lại đất, khi Pháp luật Việt Nam hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có sự thay đổi hoặc điều chỉnh về các luật định, quyết định hay các quy chế, văn bản pháp lý khác có liên quan, ảnh hưởng đến việc thực hiện các điều khoản của Hợp đồng thuê lại đất này thì hai Bên phải tuân thủ và thực hiện theo.

11.2 Mọi vấn đề khác không được quy định cụ thể trong nội dung Hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ được hai Bên tuân thủ và thực hiện theo đúng quy định của Luật pháp Việt Nam.

11.3 Các tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng thuê lại đất trước hết phải được hai Bên giải quyết bằng cách thương lượng hòa giải. Trong trường hợp các tranh chấp không thể giải quyết bằng thương lượng, hòa giải thì các tranh

chấp đó sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền nơi có trụ sở chính của Bên A để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng và mang tính bắt buộc thực hiện đối với hai Bên.

ĐIỀU 12: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

Hai Bên đồng ý miễn trừ trách nhiệm cho nhau về sự mất mát, trễ nải, thiệt hại, thay đổi điều kiện Hợp đồng thuê lại đất hay bất cứ tổn thất nào xảy đến cho hai Bên do những tác động sau: sự phê duyệt quy chế hay hướng dẫn của Chính phủ Việt Nam, việc bộc phát tình trạng khẩn trương, các hoạt động thù nghịch, chiến tranh, các biến động dân sự, bạo loạn, dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn, sự thay đổi các quy định về Luật pháp của Nhà nước nơi thực hiện dự án hoặc những nguyên nhân tương tự xảy ra ngoài tầm kiểm soát của hai Bên.

ĐIỀU 13: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

13.1 Các nội dung của Hợp Đồng này thay thế cho tất cả các thỏa thuận hoặc các trao đổi cam kết bằng lời nói giữa hai Bên trước đây. Trừ khi hai Bên đồng ý bằng một văn bản khác, các quyền và nghĩa vụ quy định trong Hợp Đồng này không được sửa đổi bởi một trong hai Bên mà không được sự chấp thuận của bên kia.

13.2 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

13.3 Hợp đồng thuê lại đất gồm 13 (*mười ba*) trang và được lập thành 07 (*bảy*) bản tiếng Việt và 04 (*bốn*) bản tiếng Anh; mỗi bên giữ 02 (*hai*) bản tiếng Việt và 02 (*hai*) bản tiếng Anh, đồng gửi các cơ quan liên quan mỗi nơi 01 (*một*) bản tiếng Việt.

- Cả hai Bên đã đọc kỹ nội dung, hoàn toàn am hiểu và nhìn nhận nội dung Hợp đồng thuê lại đất này đã thể hiện đúng ý định của mình.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP	CÔNG TY TNHH GREATKINGDOM GIANG ĐIỀN
Phan Đình Thám	**Tsai Yu Ming**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 01

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT ĐỂ XÂY DỰNG NHÀ MÁY TẠI KHU CÔNG NGHIỆP GIANG ĐIỀN SỐ 15/HĐTĐ/GĐ

- Căn cứ Hợp đồng cho thuê lại đất để xây dựng nhà máy tại KCN Giang Điền số 15/HĐTĐ/GĐ ngày 04 tháng 03 năm 2016 đã ký giữa Tổng Công ty Phát triển Khu công nghiệp (nay là Tổng Công ty cổ phần Phát triển KCN) và Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền (sau đây gọi tắt là Hợp đồng cho thuê lại đất số 15/HĐTĐ/GĐ);

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9876303670 ngày 01 tháng 02 năm 2016 do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp cho Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền;

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603357615 ngày 04 tháng 02 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đồng Nai cấp cho Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền;

- Căn cứ Hợp đồng thuê đất số 26/HĐTĐ ngày 08 tháng 4 năm 2016 ký giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai và Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp;

- Căn cứ Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 26/HĐTĐ-1 ngày 20 tháng 6 năm 2016 ký giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai và Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp;

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600335363 đăng ký lần 1 ngày 01 tháng 7 năm 2010 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 01 tháng 02 năm 2016 của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp;

- Căn cứ Thông báo số 79/TB-PTKCN-QTTH ngày 05 tháng 02 năm 2016 về việc chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần của Tổng Công ty Sonadezi;

- Căn cứ Công văn số 22/XNGĐ-HCNS ngày 17 tháng 02 năm 2016 về việc thông báo thay đổi tên pháp nhân của Xí nghiệp Dịch vụ KCN Giang Điền – Chi nhánh Tổng Công ty CP Phát triển KCN;

- Căn cứ Giấy ủy quyền số 558/GUQ-SNZ-XNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2016 về việc ủy quyền cho Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ KCN Giang Điền trong công tác ký kết hợp đồng và các loại hồ sơ;

- Căn cứ Giấy ủy quyền số 01/2016/GUQ-GD ngày 20 tháng 09 năm 2016 về việc Ủy quyền cho Bà Lin Yu Chi ký kết hợp đồng và các loại hồ sơ,

Phụ lục số 01 của Hợp đồng thuê lại đất để xây dựng nhà máy tại Khu công nghiệp Giang Điền số 15/HĐTĐ/GĐ ngày 04/03/2016 được ký ngày 20 tháng 09 năm 2016 *(sau đây gọi tắt là Phụ lục Hợp đồng số 01)* giữa hai Bên gồm:

BÊN CHO THUÊ (BÊN A): TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP (TỔNG CÔNG TY SONADEZI)

- Giấy chứng nhận ĐKDN: Số 3600335363, đăng ký lần đầu ngày 01/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 01/02/2016.

- Địa chỉ : Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại : 84 – 61 – 8860 561
- Fax : 84 – 61 – 8860 573
- Số tài khoản : + Ngoại tệ : 102 020000 029 499
  + Nội tệ : 102 010000 267 942
  Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa
- Mã số thuế : 3600 335 363
- Người đại diện : **Bà NGUYỄN THỊ HẠNH**
- Chức vụ : Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ KCN Giang Điền

BÊN THUÊ (BÊN B) : **CÔNG TY TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN**

- Giấy chứng nhận ĐKĐT: Số 9876303670 ngày 01/02/2016 tại Ban quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai.
- Địa chỉ : KCN Giang Điền, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại : .....
- Fax : .....
- Số tài khoản : + Ngoại tệ : 010 237 015 186
  + Nội tệ : 010 200 015 186
  Tại ngân hàng Mega International Commercial Bank – chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
- Mã số thuế : 3603357615
- Người đại diện : **Bà LIN YU CHI**
- Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc.

Hai Bên đã thảo luận và đồng ý ký *Phụ lục Hợp đồng số 01* này với những điều khoản và điều kiện cụ thể như sau:

ĐIỀU 1: Điều chỉnh nội dung khoản 3.2 điều 3 của Hợp đồng thuê lại đất số 15/HĐTĐ/GĐ

1.1 Tiền thuê đất thô là: **11.140 đồng/m^2/năm** (tương đương 0,5 USD/m^2/năm) (*mười một nghìn một trăm bốn mươi đồng/mét vuông/năm*) *(chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng)* (tạm tính).

1.2 Tiền thuê đất thô được tính kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 08 tháng 08 năm 2058 (**41** năm **07** tháng)

Tổng giá trị tiền thuê đất thô trả một lần cho suốt Thời hạn thuê lại đất (*chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng*) (tạm tính) là:

(11.140 đồng/m^2 x 222.578 m^2 x **41** năm) + (11.140 đồng/m^2 x 222.578 m^2 x **7/12** năm) = **103.106.661.757 đồng**

(Một trăm lẻ ba tỷ, một trăm lẻ sáu triệu, sáu trăm sáu mươi mốt ngàn, bảy trăm năm mươi bảy đồng)

1.3 Phương thức thanh toán:

- Bên B thanh toán tiền thuê đất thô cho Bên A thành 02 *(hai)* đợt, cụ thể như sau:
  + *Đợt 1:* thanh toán **50%** *(Năm mươi phần trăm)* tổng giá trị tiền thuê đất thô ***chậm nhất là ngày 15/10/2016.***
  + *Đợt 2:* thanh toán **50%** *(Năm mươi phần trăm)* tổng giá trị tiền thuê đất thô ***chậm nhất là ngày 31/12/2017.***
- Đơn giá tiền thuê đất thô của mỗi đợt thanh toán sẽ được căn cứ theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) tại thời điểm Bên A lập Giấy báo thanh toán.
- Giá trị thanh toán cụ thể của từng đợt thanh toán sẽ được Bên A thông báo bằng Giấy báo thanh toán và gửi cho Bên B trước **07** ***(bảy)*** **ngày** tính từ ngày đến hạn thanh toán của mỗi đợt.

ĐIỀU 2: Thông tin thanh toán và xuất hóa đơn:

Bên B thanh toán và chuyển khoản các khoản phí với thời hạn thanh toán nêu tại Hợp đồng số 15/HĐTĐ/GĐ và *Phụ lục Hợp đồng số 01* này cho Xí nghiệp Dịch vụ KCN Giang Điền căn cứ vào Giấy báo thanh toán và Xí nghiệp Dịch vụ KCN Giang Điền xuất Hóa đơn GTGT cho Bên B theo thông tin như sau :

XÍ NGHIỆP DỊCH VỤ KHU CÔNG NGHIỆP GIANG ĐIỀN – CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP.

- Địa chỉ: KCN Giang Điền, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;
- Điện thoại: 061.8966 688
- Mã số thuế: 3600335363 - 013
- Tài khoản: 1020 1000 124 0308 tại Ngân hàng TMCP Công thương, Chi nhánh KCN Biên Hòa

Bên B có trách nhiệm chi trả các loại phí liên quan theo quy định của ngân hàng khi thực hiện chuyển khoản cho bên A.

ĐIỀU 3: Điều khoản chung

3.1 *Phụ lục Hợp đồng số 01* là một phần không thể tách rời của Hợp đồng thuê lại đất số 15/HĐTĐ/GĐ và nội dung thể hiện trong *Phụ lục Hợp đồng số 01* thay thế cho tất cả các thỏa thuận bằng lời nói hay các trao đổi, cam kết trước đây giữa Hai Bên.

3.2 Ngoài các nội dung được quy định tại *Phụ lục Hợp đồng số 01*, tất cả các điều khoản, điều kiện khác của Hợp đồng thuê lại đất số 15/HĐTĐ/GĐ và các phụ lục hợp đồng đã ký đều không thay đổi và giữ nguyên hiệu lực pháp lý.

3.3 *Phụ lục Hợp đồng số 01* có hiệu lực kể từ ngày ký.

3.4 *Phụ lục Hợp đồng số 01* gồm 04 *(bốn)* trang và được lập thành 07 *(bảy)* bản tiếng Việt và 04 *(bốn)* bản tiếng Anh có nội dung và ý nghĩa như nhau, Bên A giữ 05 *(năm)* bản tiếng Việt và 02 *(hai)* bản tiếng Anh, Bên B giữ 02 *(hai)* bản tiếng Việt và 02 *(hai)* bản tiếng Anh. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt thì bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

Cả Hai Bên đã đọc lại nội dung, hoàn toàn am hiểu và nhìn nhận nội dung Phụ *Lục số 1* thể hiện đúng ý định của mình.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
M.S.D.N: 3600335363 TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI	M.S.D.N: 3603367615 - C.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN H. TRẢNG BOM - T. ĐỒNG NAI
Nguyễn Thị Hạnh	**Lin Yu Chi**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 2
HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT ĐỂ XÂY DỰNG NHÀ MÁY TẠI KHU CÔNG NGHIỆP GIANG ĐIỀN SỐ 15/HĐTĐ/GĐ

Căn cứ Hợp đồng thuê lại đất để xây dựng nhà máy tại Khu công nghiệp Giang Điền số 15/HĐTĐ/GĐ ngày 04 tháng 03 năm 2016 ký giữa Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp và Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền (sau đây gọi tắt là "Hợp đồng thuê lại đất số 15/HĐTĐ/GĐ");

Căn cứ Phụ lục số 1 Hợp đồng thuê lại đất để xây dựng nhà máy tại Khu công nghiệp Giang Điền ngày 20 tháng 9 năm 2016 ký giữa Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp và Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền;

Căn cứ Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 016919 ngày 05 tháng 8 năm 2013 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp cho Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600335363, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 7 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 01 tháng 02 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp cho Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp;

Căn cứ Thông báo số 79/TB-PTKCN-QTTH ngày 05 tháng 02 năm 2016 về việc chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần của Tổng Công ty Sonadezi;

Căn cứ Công văn số 22/XNGĐ-HCNS ngày 17 tháng 02 năm 2016 về việc thông báo thay đổi tên pháp nhân của Xí nghiệp Dịch vụ KCN Giang Điền – Chi nhánh Tổng Công ty CP Phát triển KCN;

Căn cứ Giấy ủy quyền số 974/GUQ-SNZ-XNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc ủy quyền cho Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ KCN Giang Điền trong công tác ký kết hợp đồng và các loại hồ sơ;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9876303670, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2016, thay đổi lần thứ hai ngày 28 tháng 12 năm 2016 do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp cho Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên số 3603357615, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 02 năm 2016, thay đổi lần thứ ba ngày 12 tháng 12 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền;

Căn cứ Bản thỏa thuận giữ đất tại KCN Giang Điền số 25/BTT-GĐ ngày 09 tháng 12 năm 2016 ký giữa của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp và Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền,

Phụ lục Hợp đồng số 2 của Hợp đồng thuê lại đất để xây dựng nhà máy tại Khu công nghiệp Giang Điền số 15/HĐTĐ/GĐ ngày 04/3/2016 *(sau đây gọi tắt là "Phụ lục số 2")* được ký ngày 02 tháng 02 năm 2017 giữa Hai Bên gồm:

BÊN CHO THUÊ (BÊN A): TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP (TỔNG CÔNG TY SONADEZI)

- Giấy chứng nhận ĐKDN: Số 3600335363, đăng ký lần đầu ngày 01/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 01/02/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
- Địa chỉ : Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại : 84 – 61 – 8860 561
- Fax : 84 – 61 – 8860 573
- Số tài khoản : + Ngoại tệ :102 020000 029 499
  + Nội tệ :102 010000 267 942
  Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank), Chi nhánh KCN Biên Hòa
- Mã số thuế : 3600 335 363
- Người đại diện : **Bà NGUYỄN THỊ HẠNH**
- Chức vụ : Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ KCN Giang Điền

BÊN THUÊ (BÊN B) : CÔNG TY TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN

- Giấy chứng nhận ĐKĐT: Số 9876303670, đăng ký lần đầu ngày 01/02/2016, thay đổi lần thứ hai ngày 28/12/2016 do Ban quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai cấp.
- Giấy chứng nhận ĐKDN: Số 3603357615, đăng ký lần đầu ngày 04/02/2016, thay đổi lần thứ ba ngày 12/12/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
- Địa chỉ : Lô số 9, KCN Giang Điền, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại : 84 – 61 – 3967 801
- Fax : 84 – 61 – 3967 802
- Số tài khoản : + Ngoại tệ : 010 237 015 186
  + Nội tệ : 010 200 015 186
  Tại ngân hàng Mega International Commercial Bank – chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
- Mã số thuế : 3603357615
- Người đại diện : **Ông TSAI YU MING**
- Chức vụ : Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Hai Bên đã thảo luận và đồng ý ký Phụ lục số 2 của Hợp đồng thuê lại đất số 15/HĐTĐ/GĐ này với những điều khoản và điều kiện cụ thể như sau:

ĐIỀU 1: ĐIỀU CHỈNH VÀ BỔ SUNG CÁC NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT SỐ 15/HĐTĐ/GĐ

1.1 Điều chỉnh và bổ sung nội dung Điều 1 – Thửa đất cho thuê lại

1.1.1 Bên A đồng ý cho Bên B thuê lại khu đất có tổng diện tích khoảng **315.302 m²** *(Ba trăm mười lăm ngàn ba trăm lẻ hai mét vuông)* tại KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai *(sau đây gọi là "Khu đất thuê")* bao gồm:

- ***Thửa đất X:*** (là thửa đất đã được Hai Bên thống nhất các điều khoản có liên quan và thể hiện tại *Hợp đồng thuê lại đất số 15/HĐTĐ/GĐ*)

- Diện tích: khoảng **222.578 m²** *(Hai trăm hai mươi hai ngàn năm trăm bảy mươi tám mét vuông).*

- Các thửa số 2970 và 3100, Tờ bản đồ địa chính số 3, thuộc xã An Viễn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- ***Thửa đất Y:***

- Diện tích: khoảng **92.724 m²** *(Chín mươi hai ngàn bảy trăm hai mươi bốn mét vuông).*

- Thửa số 1106, Tờ bản đồ địa chính số 4, thuộc xã An Viễn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

1.1.2 Vị trí và diện tích Thửa đất X do Bên A cho thuê lại được xác định theo Trích lục và Biên vẽ khu đất Bản đồ địa chính số 19/TLBV, tỷ lệ 1/2000 do Công ty TNHH Khảo Sát Và Xây Dựng 6 lập ngày 20 tháng 02 năm 2016 và được Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai xác nhận ngày 23 tháng 02 năm 2016.

Vị trí và diện tích Thửa đất Y do Bên A cho thuê lại được xác định theo Trích lục và Biên vẽ khu đất Bản đồ địa chính số 231/TLBV tỷ lệ 1/2000 do Công ty TNHH Khảo Sát và Xây Dựng 6 lập ngày 12 tháng 12 năm 2016 và được Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai xác nhận ngày 16 tháng 12 năm 2016.

1.1.3 Các bản đồ xác định vị trí và diện tích của các thửa đất X và Y được đính kèm là một bộ phận pháp lý không tách rời của *Hợp đồng thuê lại đất số 15/HĐTĐ/GĐ* và *Phụ lục số 2.*

1.2 Điều chỉnh và bổ sung nội dung Điều 3 – Phí sử dụng đất và phương thức thanh toán

- ***Thửa đất X:***

Các nội dung điều khoản, điều kiện đã thỏa thuận về đơn giá và phương thức thanh toán được giữ nguyên, không thay đổi như đã thể hiện tại *Hợp đồng thuê lại đất số 15/HĐTĐ/GĐ.*

- ***Thửa đất Y:***

1.2.1 Phí sử dụng mặt bằng công nghiệp

- Bên B đồng ý đơn giá Phí sử dụng mặt bằng công nghiệp trả một lần cho suốt thời hạn thuê lại đất đối với Thửa đất Y (tạm tính tại thời điểm ký *Phụ lục số 2*) là: **1.384.090 đồng/m²** *(Một triệu ba trăm tám mươi bốn ngàn không trăm chín mươi đồng/mét vuông) (chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng).*

- Tổng giá trị phí sử dụng mặt bằng công nghiệp (tạm tính tại thời điểm ký *Phụ lục số 2*) *(chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng)* là:

1.384.090 đồng/m^2 x 92.724 m^2 = **128.338.361.160 đồng**

(Một trăm hai mươi tám tỷ, ba trăm ba mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi mốt ngàn, một trăm sáu mươi đồng)

- Phí sử dụng mặt bằng công nghiệp đối với thửa đất Y được tính kể từ ngày ký *Phụ lục số 2.*
- Bên B thanh toán Phí sử dụng mặt bằng công nghiệp đối với thửa đất Y thành **02 đợt**, cụ thể như sau:
  + ***Đợt 1:*** thanh toán **50%** *(năm mươi phần trăm)* tổng giá trị Phí sử dụng mặt bằng công nghiệp ***trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký Phụ lục số 2.***
  + ***Đợt 2:*** thanh toán **50%** *(năm mươi phần trăm)* tổng giá trị Phí sử dụng mặt bằng công nghiệp ***trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày ký Phụ lục số 2.***
- Giá trị thanh toán Phí sử dụng mặt bằng công nghiệp cụ thể của từng đợt sẽ được Bên A thông báo bằng Giấy báo thanh toán và gửi cho Bên B trước 15 *(mười lăm)* ngày tính từ ngày đến hạn thanh toán của mỗi đợt.

1.2.2 Tiền thuê đất thô

- Bên B đồng ý Tiền thuê đất thô đối với Thửa đất Y trả 01 *(một)* lần cho suốt *Thời hạn thuê* với đơn giá (tạm tính tại thời điểm ký *Phụ lục số 2*) là: **11.345 đồng/m^2/năm** *(Mười một ngàn ba trăm bốn mươi lăm đồng/mét vuông/năm) (chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng).*
- Tiền thuê đất thô đối với Thửa đất Y được tính kể từ ngày ký *Phụ lục số 2.*
- Bên B thanh toán Tiền thuê đất thô đối với thửa đất Y thành **02 đợt**, cụ thể như sau:
  + ***Đợt 1:*** thanh toán **50%** *(năm mươi phần trăm)* tổng giá trị Tiền thuê đất thô ***trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký Phụ lục số 2.***
  + ***Đợt 2:*** thanh toán **50%** *(năm mươi phần trăm)* tổng giá trị Tiền thuê đất thô ***trong vòng 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày ký Phụ lục số 2.***
- Giá trị thanh toán Tiền thuê đất thô cụ thể của từng đợt sẽ được Bên A thông báo bằng Giấy báo thanh toán và gửi cho Bên B trước 15 *(mười lăm)* ngày tính từ ngày đến hạn thanh toán của mỗi đợt.

1.2.3 Phí quản lý

- Bên B đồng ý đơn giá Phí quản lý đối với Thửa đất Y (tạm tính tại thời điểm ký *Phụ lục số 2*) là: **17.018 đồng/m^2/năm** *(Mười bảy ngàn không trăm mười tám đồng/mét vuông/năm) (chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng).*
- Bên A miễn Phí quản lý đối với Thửa đất Y cho Bên B trong vòng 02 *(hai)* năm kể từ ngày ký *Phụ lục số 2.*

- Sau thời hạn này, Phí quản lý đối với Thửa đất Y của năm 2019 sẽ được Bên A thông báo cụ thể cho Bên B. Bên B có trách nhiệm thanh toán Phí quản lý đối với Thửa đất Y của năm 2019 chậm nhất trong vòng 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được Giấy báo thanh toán của Bên A.
- Kể từ ngày 01/01/2020 đến hết Thời hạn thuê lại đất, Bên B thanh toán Phí quản lý theo Giấy báo thanh toán của Bên A đối với tổng diện tích đất thuê là **315.320 m^2** với thời hạn thanh toán ***chậm nhất vào ngày 31 tháng 03 hàng năm***.

1.2.4 Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp

- Bên B có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp hàng năm theo quy định của Nhà nước đối với tổng diện tích đất thuê là **315.320 m^2** mà Bên B đã thuê.
- Bên B đồng ý thanh toán và Bên A sẽ thu và nộp hộ cho Bên B số tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp hàng năm phải nộp theo quy định của Nhà nước. Bên B sẽ thanh toán số tiền Thuế phải nộp cho Bên A căn cứ theo Giấy báo thanh toán của Bên A với thời hạn thanh toán vào ***ngày 31 tháng 03 hàng năm***. Bên A sẽ không chịu trách nhiệm nào có liên quan nếu Bên B không thực hiện đúng về thời hạn và số tiền thuế phải nộp.
- Khi có sự thay đổi, điều chỉnh các quy định có liên quan của Nhà nước về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, Hai Bên sẽ cùng ký kết Phụ lục Hợp đồng thuê lại đất khác để điều chỉnh cho phù hợp, đồng thời làm căn cứ để Hai Bên thực hiện.

1.2.5 Căn cứ xác định phí sử dụng đất

- Giá trị thanh toán Phí sử dụng mặt bằng công nghiệp (tương đương 61 USD/m^2) cụ thể của từng đợt nêu tại Điểm 1.2.1, Khoản 1.2 của Điều này sẽ được căn cứ theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) tại thời điểm Bên A lập Giấy báo thanh toán.
- Giá trị thanh toán Tiền thuê đất thô (tương đương 0,5 USD/m^2/năm) cụ thể của từng đợt nêu tại Điểm 1.2.2, Khoản 1.2 của Điều này sẽ được căn cứ theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) tại thời điểm Bên A lập Giấy báo thanh toán.
- Đơn giá Phí quản lý (tương đương 0,75 USD/m^2/năm) sẽ được điều chỉnh hàng năm và thông báo cho Bên B theo Giấy báo thanh toán của Bên A. Mức điều chỉnh này căn cứ theo mức Phí quản lý nêu tại Điểm 1.2.3, Khoản 1.2 của Điều này và tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) tại thời điểm Bên A lập Giấy báo thanh toán.

1.2.6 Thuế Giá trị gia tăng

Bên B có trách nhiệm trả thuế Giá trị gia tăng theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam đối với các khoản phí sử dụng đất nêu ở Điểm 1.2.1, 1.2.2, 1.2.3, Khoản 1.2 của Điều này.

1.2.7 Tiền đặt cọc

Tiền đặt cọc đối với Thửa đất Y là **6.327.833.475 đồng** *(Sáu tỷ, ba trăm hai mươi bảy triệu, tám trăm ba mươi ba ngàn, bốn trăm bảy mươi lăm đồng) (không bao gồm thuế Giá trị gia tăng)*. Số tiền đặt cọc này sẽ được Bên A khấu trừ vào đợt

thanh toán cuối cùng *(Đợt 2)* khi Bên B thanh toán Phí sử dụng mặt bằng công nghiệp cho Bên A theo quy định tại Điểm 1.2.1, Khoản 1.2 của Điều này.

1.2.8 Đồng tiền thanh toán

Bên B thanh toán các loại phí nêu tại Điểm 1.2.1, 1.2.2, 1.2.3 và 1.2.4, Khoản 1.2 của Điều này cho Bên A bằng tiền Việt Nam Đồng (VNĐ).

1.2.9 Thanh toán trễ hạn

- Trong trường hợp Bên B không thanh toán đầy đủ hoặc không thanh toán đúng hạn các khoản phí sử dụng đất được nêu ở Điểm 1.2.1, 1.2.2, 1.2.3, Khoản 1.2 của Điều này thì Bên A có quyền tính thêm lãi trả chậm với lãi suất ***15%/năm*** *(mười lăm phần trăm/năm)* đối với tổng số tiền mà Bên B chậm trả kể từ ngày quá hạn thanh toán mà không phải thông báo Bên B cho đến khi Bên A nhận được các khoản tiền trả chậm bao gồm cả lãi suất chậm thanh toán hoặc cho đến ngày *Phụ lục số 2* này bị Bên A chấm dứt do việc Bên B không trả tiền đúng hạn.

- Nếu quá hạn **06** ***(sáu)*** **tháng** kể từ thời điểm thanh toán các khoản phí nói trên mà Bên B không hoàn thành việc thanh toán các khoản phải thanh toán theo hạn thì ngoài việc tính lãi suất chậm thanh toán, Bên A có quyền tạm thời ngưng cung ứng các dịch vụ hạ tầng cho đến khi Bên B hoàn tất thanh toán đầy đủ các khoản phải trả cho Bên A, kể cả việc Bên A đề nghị các cấp thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Bên B; đồng thời, Bên A có quyền chấm dứt *Phụ lục số 2* này ngay khi thông báo bằng văn bản cho Bên B mà không phải bồi hoàn cho Bên B bất kỳ khoản thanh toán nào mà Bên B đã trả cho Bên A trước đó theo *Phụ lục số 2* này và Bên A có quyền yêu cầu Bên B trả lại *Khu đất thuê* cho Bên A.

1.3 Bổ sung nội dung Điều 4 – Xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn

Các nội dung điều khoản, điều kiện đã thỏa thuận về việc xử lý nước thải, khí thải, chất thải rắn được giữ nguyên, không thay đổi như đã thể hiện tại *Hợp đồng thuê lại đất số 15/HĐTĐ/GĐ.*

1.3.1. Điều chỉnh nội dung Khoản 4.1, Điều 4: Chất thải

- Việc quản lý chất thải rắn phát sinh (bao gồm chất thải sinh hoạt, chất thải không nguy hại, chất thải nguy hại) trong quá trình hoạt động của Bên B phải đảm bảo tuân thủ theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài Nguyên – Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định khác có liên quan do các cơ quan Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền ban hành.

- Bên B, bằng chi phí của mình, cam kết ký kết hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom, lưu giữ chất thải rắn phát sinh để vận chuyển và xử lý đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam và các văn bản khác có liên quan.

1.3.2. Bổ sung nội dung Khoản 4.2, Điều 4: Nước thải

- Chi phí xử lý nước thải sẽ được điều chỉnh cho phù hợp theo danh mục ngành nghề được quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

1.3.3. Bổ sung nội dung Khoản 4.3, Điều 4: Khí thải

- Chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường phải xử lý đạt các quy chuẩn hiện hành của Pháp luật Việt Nam.
- Về nhiên liệu sử dụng trong quá trình hoạt động: chỉ được sử dụng các loại nhiên liệu gồm khí LPG, dầu DO, dầu FO hoặc các dạng nhiên liệu sạch (điện năng, khí thiên nhiên...), không sử dụng năng lượng từ than và gỗ tạp (gồm cả gỗ, củi, dăm bào, gỗ vụn...).

1.3.4. Bổ sung nội dung Khoản 4.5, Điều 4:

- Bên B cam kết thu hồi triệt để bụi gỗ, mùn cưa phát sinh trong các công đoạn của quá trình sản xuất. Công tác chuyển giao bụi gỗ, mùn cưa cho đơn vị thu mua phải được thực hiện trong không gian kín, đảm bảo không để bụi gỗ phát tán ra xung quanh.
- Hơi dung môi, bụi sơn phải được Bên B xử lý triệt để, không phát tán mùi gây khó chịu ra xung quanh. Bên B cam kết công đoạn sơn cần được thực hiện trong không gian kín nhằm hạn chế tối đa hơi dung môi và mùi phát tán ra xung quanh.
- Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Bên B cam kết sẽ không phát sinh khói, bụi, mùi, chất thải ra bên ngoài *Khu đất thuê* và làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh các công ty hoạt động lân cận. Nếu để xảy ra tình trạng này, Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và chịu toàn bộ chi phí bồi thường cho những tổn thất, thiệt hại của các công ty trên (nếu có). Đồng thời, Bên A có quyền thông tin đến các cơ quan chức năng có thẩm quyền để xử lý các vi phạm của Bên B (nếu có) theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam.
- Bên B cam kết trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, phương tiện phòng cháy và chữa cháy, đảm bảo các yêu cầu về an toàn cháy nổ theo đúng quy định của Luật phòng cháy và chữa cháy của Nhà nước Việt Nam và các văn bản khác liên quan.

1.4 Bổ sung nội dung Khoản 6.3, Điều 6 – Cam kết của Bên A đối với khu đất cho thuê

- Các nội dung đã thỏa thuận về nhu cầu sử dụng nước của Bên B đối với Thửa đất X được giữ nguyên, không thay đổi như đã thể hiện tại *Hợp đồng thuê lại đất số 15/HĐTĐ/GĐ*.
- Đối với Thửa đất Y, Bên A chịu trách nhiệm xây dựng hệ thống đường ống nước với đường kính đảm bảo cung cấp nước cho nhà máy của Bên B với đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của Bên B như sau:

  + Giai đoạn 01 (từ ngày ký *Phụ lục số 2* đến ngày 31/12/2019): **120 m^3/ngày**

  + Giai đoạn 02 (từ ngày 01/01/2020 đến hết *Thời hạn thuê*): **40 m^3/ngày**

  Bên B sẽ ký hợp đồng sử dụng nước với Bên A và trả mọi khoản phí từ việc sử dụng nước cho Bên A. Việc quản lý và cung cấp nước do Bên A thực hiện.
- Trường hợp Bên B có nhu cầu tăng lượng nước cấp nêu trên và/hoặc lượng nước cấp được thể hiện tại Khoản 6.3, Điều 6 của *Hợp đồng thuê lại đất số 15/HĐTĐ/GĐ* thì Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A trước thời điểm cần tăng lượng nước cấp ít nhất **12 *(mười hai)* tháng**, Bên A sẽ căn cứ vào năng

lực cung cấp và phản hồi bằng văn bản cho Bên B về đề nghị tăng lượng nước cấp của Bên B.

1.5 Bổ sung nội dung Khoản 11.4, Điều 11 – Luật áp dụng và giải quyết tranh chấp

Khoản 11.4, Điều 11:

Sự vô hiệu hoặc không thực thi của bất cứ điều khoản nào nêu tại *Hợp đồng thuê lại đất số 15/HĐTĐ/GĐ* và các phụ lục đã ký kết giữa Hai Bên sẽ không làm ảnh hưởng, vô hiệu hóa, tạo hoặc gây ra sự không thực thi đối với các điều khoản còn lại của *Hợp đồng thuê lại đất số 15/HĐTĐ/GĐ* và các phụ lục đã ký kết giữa Hai Bên.

ĐIỀU 2: BÀN GIAO MẶT BẰNG VÀ THỰC HIỆN CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI VỚI DIỆN TÍCH ĐẤT 92.724 m^2

2.1 Bên A thực hiện việc cắm mốc và bàn giao Thửa đất Y cho Bên B trong vòng **30 *(ba mươi)* ngày** kể từ ngày Bên A nhận được khoản Phí sử dụng mặt bằng công nghiệp đợt 1 đối với Thửa đất Y từ Bên B theo quy định tại Điểm 1.2.1, Khoản 1.2, Điều 1 của *Phụ lục số 2* này.

2.2 Bên A thực hiện việc san nền đối với các lô đất thuê trong KCN Giang Điền với cao độ san nền đã được phê duyệt và quy định tại Bản vẽ quy hoạch cao độ san nền của toàn Khu Công nghiệp. Bên A không thực hiện việc san nền đối với *Khu đất thuê* theo yêu cầu riêng của Bên B.

2.3 Bên A sẽ trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Thửa đất Y cho Bên B trong vòng **60 *(sáu mươi)* ngày làm việc** *(không bao gồm ngày thứ Bảy, Chủ nhật và ngày lễ theo quy định của Pháp luật Việt Nam)* kể từ ngày Bên A nhận được toàn bộ Phí sử dụng mặt bằng công nghiệp đối với Thửa đất Y từ Bên B theo quy định tại Điểm 1.2.1, Khoản 1.2, Điều 1 của *Phụ lục số 2* này.

ĐIỀU 3: CHẤM DỨT THỎA THUẬN

Phụ lục số 2 này chấm dứt khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Bên B không thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản phí sử dụng đất quy định ở Điểm 1.2.1, 1.2.2, 1.2.3 và 1.2.4, Khoản 1.2, Điều 1 của *Phụ lục số 2* quá thời hạn **06 *(sáu)* tháng.**
- Bên B không thực hiện đúng các nội dung cam kết nêu tại *Hợp đồng thuê lại đất số 15/HĐTĐ/GĐ* và *Phụ lục số 2.*

ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

4.1 *Phụ lục số 2* này là một phần không thể tách rời của *Hợp đồng thuê lại đất số 15/HĐTĐ/GĐ* và nội dung thể hiện trong *Phụ lục số 2* này thay thế cho tất cả các thỏa thuận bằng lời nói hay các trao đổi, cam kết trước đây giữa Hai Bên.

4.2 Ngoài các nội dung được quy định tại *Phụ lục số 2* này, tất cả các điều khoản, điều kiện khác của *Hợp đồng thuê lại đất số 15/HĐTĐ/GĐ* và các phụ lục hợp đồng đã ký đều không thay đổi và giữ nguyên hiệu lực pháp lý.

4.3 Mọi điều khoản không được quy định cụ thể tại *Phụ lục số 2* này sẽ được Hai Bên thực hiện theo Luật pháp Việt Nam.

4.4 *Phụ lục số 2* này gồm 09 *(chín)* trang và được lập thành 07 *(bảy)* bản tiếng Việt và 04 *(bốn)* bản tiếng Anh có nội dung và ý nghĩa như nhau, mỗi Bên giữ 02 *(hai)* bản tiếng Việt và 02 *(hai)* bản tiếng Anh, đồng gửi các cơ quan liên quan mỗi nơi 01 (*một*) bản tiếng Việt. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt thì bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

Cả Hai Bên đã đọc lại nội dung, hoàn toàn am hiểu và nhìn nhận là thể hiện đúng ý định của mình.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN	CÔNG TY TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN
Nguyễn Thị Hạnh	**Tsai Yu Ming**

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Số: 99 /GPXD-KCNĐN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 13 tháng 6 năm 2018.

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: **CÔNG TY TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN.**
Địa chỉ: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

2. Được phép xây dựng công trình thuộc dự án: Nhà máy sản xuất các sản phẩm gỗ.

- Do Công ty Cổ phần VNDECO lập thiết kế.
- Trên lô đất có diện tích: 315.302,00 m^2.
- Chỉ giới xây dựng: các công trình chính cách tường rào khu đất ≥ 6m, phù hợp quy hoạch chi tiết KCN.
- Mật độ xây dựng: 40,57 %.
- Tổng số công trình: 15 công trình chính và các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật.
- Theo thiết kế có ký hiệu: Bản vẽ xin cấp phép xây dựng đính kèm.

2.1. Nhà xưởng 1:
+ Diện tích xây dựng: 13.984,36 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 13.984,36 m^2;
+ Chiều cao công trình: + 13,00 m; số tầng: 01;
+ Cốt nền xây dựng: + 0,20 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

2.2. Nhà xưởng 2:
+ Diện tích xây dựng: 18.810,00 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 18.810,00 m^2;
+ Chiều cao công trình: + 13,00 m; số tầng: 01;
+ Cốt nền xây dựng: + 0,20 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

2.3. Nhà xưởng 7:
+ Diện tích xây dựng: 11.340,00 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 13.500,00 m^2;
+ Chiều cao công trình: + 13,00 m; số tầng: 02 (01 trệt + 01 lửng);
+ Cốt nền xây dựng: + 0,20 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

2.4. Nhà xưởng 8A:
+ Diện tích xây dựng: 8.064,00 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 16.128,00 m^2;
+ Chiều cao tầng 1: + 9,40 m;
+ Chiều cao công trình: + 24,87 m; số tầng: 02.
+ Cốt nền xây dựng: + 0,30 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);

+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

2.5. Nhà xưởng 8B:

+ Diện tích xây dựng: 8.064,00 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 16.128,00 m^2;
+ Chiều cao tầng 1: + 9,40 m;
+ Chiều cao công trình: + 24,87 m; số tầng: 02.
+ Cốt nền xây dựng: + 0,30 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

2.6. Nhà xưởng 8C:

+ Diện tích xây dựng: 8.064,00 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 16.128,00 m^2;
+ Chiều cao tầng 1: + 9,40 m;
+ Chiều cao công trình: + 24,87 m; số tầng: 02.
+ Cốt nền xây dựng: + 0,30 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

2.7. Kho sơn (Xưởng 8):

+ Diện tích xây dựng: 616,20 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 1.232,40 m^2;
+ Chiều cao tầng 1: + 9,40 m;
+ Chiều cao công trình: + 17,00 m; số tầng: 02.
+ Cốt nền xây dựng: + 0,30 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

2.8. Nhà xưởng 9A:

+ Diện tích xây dựng: 8.160,00 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 16.320,00 m^2;
+ Chiều cao tầng 1: + 9,40 m;
+ Chiều cao công trình: + 24,80 m; số tầng: 02;
+ Cốt nền xây dựng: + 0,30 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

2.9. Nhà xưởng 9B:

+ Diện tích xây dựng: 8.160,00 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 16.320,00 m^2;
+ Chiều cao tầng 1: + 9,40 m;
+ Chiều cao công trình: + 24,80 m; số tầng: 02;
+ Cốt nền xây dựng: + 0,30 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

2.10. Nhà xưởng 9C:

+ Diện tích xây dựng: 8.160,00 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 16.320,00 m^2;
+ Chiều cao tầng 1: + 9,40 m;
+ Chiều cao công trình: + 24,80 m; số tầng: 02;
+ Cốt nền xây dựng: + 0,30 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

2.11. Nhà xưởng 10:

+ Diện tích xây dựng: 18.720,00 m^2;

+ Tổng diện tích sàn: 18.720,00 m^2;
+ Chiều cao công trình: + 13,00 m; số tầng: 01.
+ Cốt nền xây dựng: + 0,20 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

2.12. Nhà xưởng 11:

+ Diện tích xây dựng: 5.053,09 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 5.053,09 m^2;
+ Chiều cao công trình: + 13,00 m; số tầng: 01;
+ Cốt nền xây dựng: + 0,20 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

2.13. Nhà điều hành:

+ Diện tích xây dựng: 1.826,70 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 7.193,40 m^2;
+ Chiều cao tầng 1: + 5,00 m;
+ Chiều cao công trình: + 19,96 m; số tầng: 04;
+ Cốt nền xây dựng: + 0,85 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

2.14. Nhà ăn:

+ Diện tích xây dựng: 1.754,26 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 3.508,49 m^2;
+ Chiều cao công trình: + 3,50 m;
+ Chiều cao công trình: + 19,96 m; số tầng: 04;
+ Cốt nền xây dựng: + 0,20 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

2.15. Nhà nghỉ giữa ca cán bộ:

+ Diện tích xây dựng: 1.211,64 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 4.846,56 m^2;
+ Chiều cao công trình: + 3,50 m;
+ Chiều cao công trình: + 18,10 m; số tầng: 04;
+ Cốt nền xây dựng: + 0,40 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

2.16. Các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật:

- Công trình phụ trợ Nhà xưởng 1:

+ Mái nối Nhà xưởng 1 và Nhà xưởng 2: diện tích xây dựng (DTXD): 132,00 m^2; Chiều cao: + 7,50 m.
+ Nhà vệ sinh 1: DTXD: 87,45 m^2; Chiều cao: + 3,80 m.
+ Nhà vệ sinh 2: DTXD: 91,20 m^2; Chiều cao: + 3,80 m.

- Công trình phụ trợ Nhà xưởng 2:

+ Phòng cấp điện: DTXD: 360,00 m^2; Chiều cao: + 6,60 m.
+ Phòng máy nén khí: DTXD: 280,60 m^2; Chiều cao: + 6,60 m.
+ Phòng máy phát điện: DTXD: 192,00 m^2; Chiều cao: + 6,60 m.
+ Nhà vệ sinh 1: DTXD: 91,35 m^2; Chiều cao: + 3,60 m.
+ Nhà vệ sinh 2: DTXD: 86,65 m^2; Chiều cao: + 4,30 m.
+ Nhà vệ sinh 3: DTXD: 61,92 m^2; Chiều cao: 3,70 m.

- Công trình phụ trợ Nhà xưởng 7:

Nhà vệ sinh: DTXD: 84,10 m^2; Chiều cao: + 3,80 m.

- Công trình phụ trợ Nhà xưởng 8:

+ Mái nối Nhà xưởng 8 và Nhà xưởng 9: DTXD: 141,48 m^2; Chiều cao: + 6,90 m.

+ Phòng máy nén khí: DTXD: 390,00 m^2; Chiều cao: + 5,86 m.

+ Nhà rác: DTXD: 60,50 m^2; Chiều cao: + 5,50 m.

+ Nhà cấp điện: DTXD: 391,56 m^2; Chiều cao: + 6,20 m.

+ Phòng đóng gói: DTXD: 160,76 m^2; Chiều cao: + 5,55 m.

+ Nhà vệ sinh 6 (kho sơn): DTXD: 87,45 m^2; Chiều cao: + 3,80 m.

+ Nhà vệ sinh 8 (kho sơn): DTXD: 38,90 m^2; Chiều cao: + 3,80 m.

- Công trình phụ trợ Nhà xưởng 9:

+ Nhà rác: DTXD: 110,00 m^2; Chiều cao: + 5,40 m.

+ Nhà vệ sinh 1: DTXD: 72,90 m^2; Chiều cao: + 3,80 m.

+ Nhà vệ sinh 2: DTXD: 60,48 m^2; Chiều cao: + 3,80 m.

+ Nhà vệ sinh 3: DTXD: 60,48 m^2; Chiều cao: + 3,80 m.

+ Nhà vệ sinh 4: DTXD: 72,90 m^2; Chiều cao: + 3,80 m.

+ Nhà vệ sinh 5: DTXD: 60,48 m^2; Chiều cao: + 3,80 m.

+ Nhà vệ sinh 6: DTXD: 84,89 m^2; Chiều cao: + 3,80 m.

+ Nhà vệ sinh 7: DTXD: 87,45 m^2; Chiều cao: + 3,80 m.

- Công trình phụ trợ Nhà xưởng 10:

+ Nhà vệ sinh: DTXD: 78,30 m^2; Chiều cao: + 3,80 m.

+ Nhà rác: DTXD: 150,00 m^2; Chiều cao: + 5,40 m.

- Nhà xe 02 bánh (giai đoạn 1): DTXD: 1.826,70 m^2; Tổng diện tích sàn: 5.053,09 m^2; Chiều cao: + 8,10 m.

- Nhà bảo vệ cổng 3: DTXD: 51,10 m^2; Chiều cao: + 4,70 m.

- Nhà bảo vệ cổng 1,2,3A: DTXD: 26,42 m^2; Chiều cao: + 4,30 m.

- Nhà lò hơi khu A: DTXD: 248,51 m^2; chiều cao công trình: + 5,20 m.

- Trạm điện: DTXD: 196,00 m^2; Chiều cao: + 6,20 m.

- Cổng, tường rào, sân đường nội bộ; hệ thống cấp điện, cấp nước; hệ thống thoát nước mưa, nước thải; hệ thống chống sét.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Hợp đồng thuê lại đất số 15/HĐTĐ/GĐ ngày 04/3/2016; Phụ lục số 01 ngày 20/9/2016 và Phụ lục số 02 ngày 02/02/2017 ký kết giữa Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp và Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền.

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công: chưa có.

5. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên phải đề nghị gia hạn giấy phép./.

Nơi nhận:
- Như mục 1;
- Lưu VT, QHXD (Tuan).

TRƯỞNG BAN

Cao Tiến Sỹ

CHỦ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.

4. Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày khởi công xây dựng công trình, Chủ đầu tư phải báo cáo thông tin công trình bằng văn bản theo Mẫu số 01 Phụ lục V Thông tư 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 đến Ban Quản lý các KCN Đồng Nai để kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng.

5. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

6. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp phép.

7. Thực hiện đầy đủ các nội dung tại Thông báo kết quả thẩm định thiết kế số 1551/KCNĐN-QHXD ngày 06/6/2018 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.

ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

Điều chỉnh nội dung Mục 2 của Giấy phép xây dựng số 99/GPXD-KCNĐN ngày 13/6/2018 như sau:

Mật độ xây dựng: 41,13 %.

2.14. Nhà ăn:

- Chiều cao công trình: + 9,14 m; Số tầng: 02.

2.16. Các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật:

- Công trình phụ trợ Nhà xưởng 10:

- Nhà xe 02 bánh (giai đoạn 1): DTXD: 3.622,50 m^2; DTSXD: 7.245,00 m^2; Chiều cao: + 8,10 m.

Đồng Nai, ngày 17 tháng 6 năm 2020

TRƯỞNG BAN

Cao Tiến Sỹ

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Số: 184 /GPXD-KCNĐN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 9 năm 2019.

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: **CÔNG TY TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN.**
Địa chỉ: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
2. Được phép xây dựng công trình: Nhà máy sản xuất.
- Do Công ty Cổ phần VNDECO lập thiết kế.
- Trên lô đất có diện tích: 315.302,00 m^2.
- Chỉ giới xây dựng: phù hợp quy hoạch chi tiết KCN.
- Mật độ xây dựng: 41,85 %.
- Tổng số công trình: 04.
- Theo thiết kế có ký hiệu: Bản vẽ xin cấp phép xây dựng đính kèm.

2.1. Nhà cầu nối số 1:
+ Diện tích xây dựng: 1.008,00 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 2.016,00 m^2;
+ Chiều cao công trình: + 24,57 m; số tầng: 02;
+ Cốt nền xây dựng: + 0,20 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

2.2. Nhà cầu nối số 2:
+ Diện tích xây dựng: 1.008,00 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 2.016,00 m^2;
+ Chiều cao công trình: + 24,57 m; số tầng: 02;
+ Cốt nền xây dựng: + 0,20 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

2.3. Nhà cầu nối số 3:
+ Diện tích xây dựng: 1.020,00 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 2.040,00 m^2;
+ Chiều cao công trình: + 24,60 m; số tầng: 02;
+ Cốt nền xây dựng: + 0,20 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

2.4. Nhà cầu nối số 4:
+ Diện tích xây dựng: 1.020,00 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 2.040,00 m^2;
+ Chiều cao công trình: + 24,60 m; số tầng: 02;
+ Cốt nền xây dựng: + 0,20 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CD 582647, số CD 582648 ngày 17/5/2016 và số CG 068518 ngày 17/02/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp; Tổng diện tích khu đất 315.302 m^2.

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công: Theo bản vẽ mặt bằng tổng thể.

5. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên phải đề nghị gia hạn giấy phép./.

Nơi nhận:
- Như mục 1;
- Lưu VT, QHXD (Tuan).

TRƯỞNG BAN

Cao Tiến Sỹ

CHỦ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.

4. Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày khởi công xây dựng công trình, Chủ đầu tư phải báo cáo thông tin công trình bằng văn bản theo Mẫu số 01 Phụ lục V Thông tư 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 đến Ban Quản lý các KCN Đồng Nai để kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng.

5. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

6. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp phép.

7. Thực hiện các nội dung tại Thông báo kết quả thẩm định thiết kế số 2313/KCNĐN-QHXD ngày 26/8/2019 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Số: 151 /GPXD-KCNĐN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 31 tháng 7 năm 2020.

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: **CÔNG TY TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN.**
Địa chỉ: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

2. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án: Nhà máy sản xuất (giai đoạn mở rộng).

- Tổng số công trình: 01 công trình chính, các công trình phụ trợ.
- Trên lô đất có diện tích: 92.724,00 m^2.
- Do: Công ty TNHH Thương mại Tư vấn Xây dựng Minh Pháp thiết kế.
- Chỉ giới xây dựng: Công trình chính xây dựng cách hàng rào xung quanh lô đất trên 6 m, phù hợp quy hoạch xây dựng KCN.
- Mật độ xây dựng: 47,67%.
- Theo thiết kế có ký hiệu: Bản vẽ xin phép xây dựng đính kèm.

2.1. Nhà ăn:

+ Diện tích xây dựng tầng 1: 1.261,61 m^2.
+ Tổng diện tích sàn: 1.261,61 m^2.
+ Chiều cao công trình: + 4,20 m; số tầng: 01.
+ Cốt nền công trình: + 0,20 m (so với cốt mặt đất đặt công trình).
+ Màu sắc công trình: Trắng, xám, xanh.
+ Cấp công trình: Cấp III.

2.2. Các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật (công trình cấp IV):

- Mái nối giữa nhà xưởng 1 với nhà xưởng 2: Diện tích xây dựng (DTXD): 60,00 m^2; chiều cao: + 7,20 m.
- Nhà rác 1: DTXD: 54,00 m^2; chiều cao: + 4,20 m.
- Nhà rác 2: DTXD: 54,00 m^2; chiều cao: + 4,20 m.
- Mái nối giữa nhà xưởng 1 với nhà xưởng 11: DTXD: 964,80 m^2; chiều cao: + 8,30 m.
- Nhà mạt cưa 1: DTXD: 70,25 m^2; chiều cao: + 7,75 m.
- Nhà mạt cưa 2: DTXD: 139,25 m^2; chiều cao: + 7,55 m.
- Nhà mạt cưa: DTXD: 70,25 m^2; chiều cao: + 7,75 m.
- Nhà vệ sinh 1A: DTXD: 86,66 m^2; chiều cao: + 3,80 m.
- Nhà vệ sinh 3A: DTXD: 60,85 m^2; chiều cao: + 3,80 m.
- Phòng điện công: DTXD: 216,00 m^2; chiều cao: + 6,60 m.
- Kho cơ điện: DTXD: 115,50 m^2; chiều cao: + 5,51 m.
- Phòng dầu Diesel: DTXD: 70,00 m^2; chiều cao: + 5,51 m.
- Kho nước tẩy trắng: DTXD: 90,00 m^2; chiều cao: + 5,97 m.
- Phòng tẩy trắng gỗ: DTXD: 137,80 m^2; chiều cao: + 5,97 m.

- Bể nước PCCC (500 m^3): DTXD: 175 m^2; chiều sâu: - 3,70 m.

- Bể xử lý nước thải + nhà điều hành: DTXD: 88,40 m^2; tổng diện tích sàn: 123,80 m^2; chiều cao: + 4,00 m; chiều sâu: - 4,50 m; số tầng: 02 (bán ngầm).

- Nhà bơm: DTXD: 35,00 m^2; chiều cao: + 3,80 m.

- Tháp nước: DTXD: 70,50 m^2; chiều cao: + 24,20 m.

- Chòi gác: DTXD: 9,00 m^2; chiều cao: + 10,00 m.

- Mái che lối đi bộ: DTXD: 758,10 m^2; chiều cao: + 3,30 m.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số CG 068518 ngày 17/02/2017 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai chứng nhận.

4. Ghi nhận các công trình đã khởi công: Bản vẽ mặt bằng tổng thể xin phép xây dựng đính kèm kèm.

5. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên phải đề nghị gia hạn giấy phép./.

Nơi nhận:
- Như mục 1;
- Lưu VT, QHXD (H).

TRƯỞNG BAN

Cao Tiến Sỹ

CHỦ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.

2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.

3. Phải thông báo bằng văn bản về ngày khởi công cho cơ quan cấp phép xây dựng trước khi khởi công xây dựng công trình.

4. Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày khởi công xây dựng công trình, Chủ đầu tư phải báo cáo thông tin công trình bằng văn bản theo Mẫu số 01 Phụ lục V Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 đến Ban Quản lý các KCN Đồng Nai để kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công xây dựng.

5. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.

6. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 98 Luật Xây dựng năm 2014 thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Số: 698/KCNĐN-QHXD

V/v thông báo chấp thuận kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành xây dựng công trình của Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền tại KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 13 tháng 3 năm 2020

Kính gửi: Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền
(KCN Giang Điền)

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình và bảo trì công trình xây dựng; Quyết định số 47/2019/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình và an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh;

Trên cơ sở Báo cáo hoàn thành xây dựng công trình của Chủ đầu tư số 01/BCHTCT ngày 29/11/2019 và báo cáo của các bên liên quan công trình xây dựng tại buổi kiểm tra công tác nghiệm thu ngày 30/12/2019; Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai số 501/KCNĐN-QHXD ngày 24/02/2020;

Qua xem xét nội dung Chủ đầu tư báo cáo rà soát, khắc phục tại văn bản số 01/CV-GKGD ngày 27/02/2020 và tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng tại Biên bản ngày 25/02/2020;

Ban Quản lý các KCN Đồng Nai thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu của Chủ đầu tư như sau:

1. Thông tin chung:

a) Tên các công trình được kiểm tra: Theo Giấy phép xây dựng số 99/GPXD-KCNĐN ngày 13/6/2018 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.

b) Địa điểm xây dựng: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom.

c) Quy mô, công suất:

- **Nhà xưởng 1:** Diện tích xây dựng (DTXD): 13.984,36 m^2; Tổng diện tích sàn (TDTS): 13.984,36 m^2; Chiều cao công trình: + 13,00 m. Số tầng: 01; Cốt nền công trình: + 0,20 m (so với cốt nền đường nội bộ).

- **Nhà xưởng 2:** DTXD: 18.810,00 m^2; TDTS: 18.810,00 m^2; Chiều cao công trình: + 13,00 m. Số tầng: 01; Cốt nền công trình: + 0,20 m (so với cốt nền đường nội bộ).

- **Nhà xưởng 11:** DTXD: 5.053,00 m^2; TDTS: 5.053,00 m^2; Chiều cao công trình: + 13,00 m. Số tầng: 01; Cốt nền công trình: + 0,20 m (so với cốt nền đường nội bộ).

**** Các công trình phụ trợ Nhà xưởng 1:***

+ Nhà vệ sinh 1: DTXD: 87,45 m^2; chiều cao: + 3,80m.

+ Nhà vệ sinh 2: DTXD: 91,20 m^2; chiều cao: + 3,80m.

**** Các công trình phụ trợ Nhà xưởng 2:***

+ Phòng cấp điện: DTXD: 360,00 m^2; chiều cao: + 6,60m.

+ Phòng máy nén khí: DTXD: 280,60 m^2; chiều cao: + 6,60m.

+ Phòng máy phát điện: DTXD: 192,00 m^2; chiều cao: + 6,60m.

+ Nhà vệ sinh 1: DTXD: 91,35 m^2; chiều cao: + 3,60m.

+ Nhà vệ sinh 2: DTXD: 86,65 m^2; chiều cao: + 4,30m.

+ Nhà vệ sinh 3: DTXD: 61,92 m^2; chiều cao: + 3,70m.

d) Các chủ thể tham gia xây dựng công trình:

- Nhà thầu thi công xây dựng: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Đỗ Gia.

- Nhà thầu giám sát: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Fansipan.

2. Hiện trạng chất lượng của công trình xây dựng:

- Hiện trạng thi công xây dựng các công trình được kiểm tra: Tại thời điểm kiểm tra các công trình nêu tại Mục 1 (văn bản này) đã thi công xây dựng hoàn thành.

- Tình hình chất lượng công trình xây dựng: Qua kiểm tra, các công trình, bộ phận công trình bằng trực quan chưa phát hiện biểu hiện bất thường về chất lượng (chuyển dịch, chuyển vị, lún, nứt, biến dạng kích thước hình học...); cơ bản đáp ứng yêu cầu chất lượng theo báo cáo của chủ đầu tư.

3. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật:

a) Năng lực của các chủ thể tham gia xây dựng công trình:

- Nhà thầu thi công: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Đỗ Gia đã được Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HCM-00003387 ngày 07/8/2017.

- Nhà thầu giám sát: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Fansipan đã được Cục Quản lý Hoạt động Xây dựng – Bộ Xây dựng cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số 00003910 ngày 11/9/2017.

b) Sự tuân thủ quy định về quản lý chất lượng:

- Về hồ sơ chuẩn bị xây dựng, khảo sát, thiết kế: Chủ đầu tư đã hoàn thành các thủ tục về đầu tư theo quy định (thuê đất, đăng ký đầu tư, thẩm định thiết kế, thẩm duyệt PCCC, thủ tục bảo vệ môi trường, GPXD...);

- Về quản lý chất lượng thi công: Chủ đầu tư và các đơn vị tổ chức kiểm soát quản lý chất lượng công trình trong quá trình thi công xây dựng và lập hồ sơ quản lý chất lượng thi công; công tác tổ chức nghiệm thu được Chủ đầu tư thực hiện cùng các bên liên quan theo quy định; các công trình chính nêu tại Mục 1 (văn bản này) được thi công xây dựng đúng bản vẽ được duyệt kèm theo Giấy phép xây dựng được cấp.

- Quy trình bảo trì công trình: Chủ đầu tư đã thực hiện theo quy định.

c) Sự tuân thủ các quy định khác có liên quan:

- PCCC: Các công trình xây dựng của Công ty được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Đồng Nai đồng ý nội dung nghiệm thu theo văn bản số 376/PC07-PC ngày 09/12/2019.

- Môi trường: Dự án được Ban Quản lý các KCN phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 11/QĐ-KCNĐN ngày 09/01/2018.

- Đấu nối hạ tầng: Chủ đầu tư đã hoàn thành nghiệm thu đấu nối hạ tầng kỹ thuật dự án với hệ thống hạ tầng KCN theo Biên bản nghiệm thu số 01/BBLV ngày 11/02/2020.

d) Công tác lập và lưu trữ hồ sơ: Tại thời điểm kiểm tra, Chủ đầu tư lập hồ sơ hoàn thành công trình và lưu trữ hồ sơ theo Danh mục quy định tại Phụ lục III Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng.

4. Các yêu cầu đối với Chủ đầu tư:

- Trồng cây xanh đúng theo bản vẽ cấp phép xây dựng được duyệt, đảm bảo tỷ lệ ≥ 20% trên tổng diện tích lô đất theo quy định.

- Thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn lao động, an toàn vận hành thiết bị công trình, máy móc công nghệ trước và trong quá trình hoạt động.

5. Kết luận:

Qua công tác kiểm tra, Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai thống nhất kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư đối với công trình xây dựng nêu trên; việc kiểm tra của Ban Quản lý các KCN về công trình xây dựng không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư về công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng và trách nhiệm của các nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng về chất lượng công trình xây dựng đối với phần việc do mình thực hiện theo quy định của pháp luật;

Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và sự phù hợp của các văn bản, tài liệu trong hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng; tiếp tục rà soát, hoàn thiện hồ sơ hoàn thành công trình đưa vào sử dụng theo quy định tại Phụ lục III; lập danh mục và tập hợp hồ sơ phục vụ quản lý, vận hành và bảo trì công trình theo quy định tại Phụ lục IV; lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình quy định tại Điều 12 kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng.

Trên đây là thông báo kết quả nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- VP Đại diện BQL;
- Lưu VT, QHXD (L).

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Mai Văn Nhơn

22甲要验收完之文件

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2416/ KCNĐN-QHXD

Đồng Nai, ngày 11 tháng 8 năm 2020

V/v thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành Nhà máy sản xuất các sản phẩm gỗ của Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền tại KCN Giang Điền.

Kính gửi: Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền
(KCN Giang Điền)

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

Căn cứ Thông tư số 26 /2016/TT -BXD ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

Căn cứ Quyết định số 47/2019/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định về phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình và an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Trên cơ sở Báo cáo hoàn thành xây dựng công trình số 29/BC-GKGĐ ngày 24/06/2020 của Chủ đầu tư và báo cáo của các bên liên quan công trình xây dựng tại nội dung buổi kiểm tra công tác nghiệm thu ngày 17/7/2020.

Qua xem xét nội dung Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng với các bên liên quan tại Biên bản ngày 06/8/2020; Ban Quản lý các KCN Đồng Nai thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành công trình của Chủ đầu tư như sau:

1. Thông tin chung về công trình:

- Tên công trình được kiểm tra: Các công trình theo Giấy phép xây dựng số 99/GPXD-KCNĐN ngày 13/6/2018, điều chỉnh ngày 17/6/2020 và Giấy phép xây dựng số 184/GPXD-KCNĐN ngày 12/9/2019 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

- Địa điểm xây dựng: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Quy mô, công suất:

Các công trình theo Giấy phép xây dựng số 99/GPXD-KCNĐN ngày 13/6/2018, điều chỉnh ngày 17/6/2020:

1.1. Nhà xưởng 7:

+ Diện tích xây dựng: 11.340,00 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 13.500,00 m^2;
+ Chiều cao công trình: + 13,00 m; số tầng: 02 (01 trệt + 01 lửng);
+ Cốt nền xây dựng: + 0,20 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

1.2. Nhà xưởng 8A:
+ Diện tích xây dựng: 8.064,00 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 16.128,00 m^2;
+ Chiều cao tầng 1: + 9,40 m;
+ Chiều cao công trình: + 24,87 m; số tầng: 02.
+ Cốt nền xây dựng: + 0,30 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

1.3. Nhà xưởng 8B:
+ Diện tích xây dựng: 8.064,00 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 16.128,00 m^2;
+ Chiều cao tầng 1: + 9,40 m;
+ Chiều cao công trình: + 24,87 m; số tầng: 02.
+ Cốt nền xây dựng: + 0,30 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

1.4. Nhà xưởng 8C:
+ Diện tích xây dựng: 8.064,00 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 16.128,00 m^2;
+ Chiều cao tầng 1: + 9,40 m;
+ Chiều cao công trình: + 24,87 m; số tầng: 02.
+ Cốt nền xây dựng: + 0,30 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

1.5. Kho sơn (Xưởng 8):
+ Diện tích xây dựng: 616,20 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 1.232,40 m^2;
+ Chiều cao tầng 1: + 9,40 m;
+ Chiều cao công trình: + 17,00 m; số tầng: 02.
+ Cốt nền xây dựng: + 0,30 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

1.6. Nhà xưởng 9A:
+ Diện tích xây dựng: 8.160,00 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 16.320,00 m^2;
+ Chiều cao tầng 1: + 9,40 m;
+ Chiều cao công trình: + 24,80 m; số tầng: 02;
+ Cốt nền xây dựng: + 0,30 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

1.7. Nhà xưởng 9B:
+ Diện tích xây dựng: 8.160,00 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 16.320,00 m^2;
+ Chiều cao tầng 1: + 9,40 m;
+ Chiều cao công trình: + 24,80 m; số tầng: 02;
+ Cốt nền xây dựng: + 0,30 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

1.8. Nhà xưởng 9C:
+ Diện tích xây dựng: 8.160,00 m^2;

+ Tổng diện tích sàn: 16.320,00 m^2;
+ Chiều cao tầng 1: + 9,40 m;
+ Chiều cao công trình: + 24,80 m; số tầng: 02;
+ Cốt nền xây dựng: + 0,30 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

1.9. Nhà xưởng 10:

+ Diện tích xây dựng: 18.720,00 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 18.720,00 m^2;
+ Chiều cao công trình: + 13,00 m; số tầng: 01.
+ Cốt nền xây dựng: + 0,20 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

1.10. Nhà điều hành:

+ Diện tích xây dựng: 1.826,70 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 7.193,40 m^2;
+ Chiều cao tầng 1: + 5,00 m;
+ Chiều cao công trình: + 19,96 m; số tầng: 04;
+ Cốt nền xây dựng: + 0,85 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

1.11. Nhà ăn:

+ Diện tích xây dựng: 1.754,26 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 3.508,49 m^2;
+ Chiều cao tầng 1: + 3,50 m;
+ Chiều cao công trình: + 9,14 m; số tầng: 02;
+ Cốt nền xây dựng: + 0,20 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

1.12. Nhà nghỉ giữa ca cán bộ:

+ Diện tích xây dựng: 1.211,64 m^2;
+ Tổng diện tích sàn: 4.846,56 m^2;
+ Chiều cao công trình: + 3,50 m;
+ Chiều cao công trình: + 18,10 m; số tầng: 04;
+ Cốt nền xây dựng: + 0,40 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);
+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

1.13. Các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật:

- Công trình phụ trợ Nhà xưởng 7:

+ Nhà vệ sinh: DTXD: 84,10 m^2; Chiều cao: + 3,80 m.

- Công trình phụ trợ Nhà xưởng 8:

+ Mái nối Nhà xưởng 8 và Nhà xưởng 9: DTXD: 141,48 m^2; Chiều cao: 6,90 m.
+ Phòng máy nén khí: DTXD: 390,00 m^2; Chiều cao: + 5,86 m.
+ Nhà rác: DTXD: 60,50 m^2; Chiều cao: + 5,50 m.
+ Nhà cấp điện: DTXD: 391,56 m^2; Chiều cao: + 6,20 m.
+ Phòng đóng gói: DTXD: 160,76 m^2; Chiều cao: + 5,55 m.
+ Nhà vệ sinh 6 (kho sơn): DTXD: 87,45 m^2; Chiều cao: + 3,80 m.
+ Nhà vệ sinh 8 (kho sơn): DTXD: 38,90 m^2; Chiều cao: + 3,80 m.

- Công trình phụ trợ Nhà xưởng 9:

+ Nhà rác: DTXD: 110,00 m^2; Chiều cao: + 5,40 m.

+ Nhà vệ sinh 1: DTXD: 72,90 m^2; Chiều cao: + 3,80 m.

+ Nhà vệ sinh 2: DTXD: 60,48 m^2; Chiều cao: + 3,80 m.

+ Nhà vệ sinh 3: DTXD: 60,48 m^2; Chiều cao: + 3,80 m.

+ Nhà vệ sinh 4: DTXD: 72,90 m^2; Chiều cao: + 3,80 m.

+ Nhà vệ sinh 5: DTXD: 60,48 m^2; Chiều cao: + 3,80 m.

+ Nhà vệ sinh 6: DTXD: 84,89 m^2; Chiều cao: + 3,80 m.

+ Nhà vệ sinh 7: DTXD: 87,45 m^2; Chiều cao: + 3,80 m.

- Công trình phụ trợ Nhà xưởng 10:

+ Nhà vệ sinh: DTXD: 78,30 m^2; Chiều cao: + 3,80 m.

+ Nhà rác: DTXD: 150,00 m^2; Chiều cao: + 5,40 m.

- Nhà xe 2 bánh (giai đoạn 1): DTXD: 3.622,50 m2; Tổng diện tích sàn: 7.245,00 m^2; Chiều cao: +8,10 m.

- Nhà bảo vệ cổng 3: DTXD: 51,10 m^2; Chiều cao: + 4,70 m.

- Nhà bảo vệ cổng 2, 3A: DTXD: 26,42 m^2; Chiều cao: + 4,30 m.

- Trạm điện: DTXD: 196,00 m^2; Chiều cao: + 6,20 m.

- Cổng, tường rào, sân đường nội bộ; hệ thống cấp điện, cấp nước; hệ thống thoát nước mưa, nước thải; hệ thống chống sét.

Các công trình theo Giấy phép xây dựng số 184/GPXD-KCNĐN ngày 12/9/2019:

1.14. Nhà cầu nối số 1:

+ Diện tích xây dựng: 1.008,00 m^2;

+ Tổng diện tích sàn: 2.016,00 m^2;

+ Chiều cao công trình: + 24,57 m; số tầng: 02;

+ Cốt nền xây dựng: + 0,20 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);

+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

1.15. Nhà cầu nối số 2:

+ Diện tích xây dựng: 1.008,00 m^2;

+ Tổng diện tích sàn: 2.016,00 m^2;

+ Chiều cao công trình: + 24,57 m; số tầng: 02;

+ Cốt nền xây dựng: + 0,20 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);

+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

1.16. Nhà cầu nối số 3:

+ Diện tích xây dựng: 1.020,00 m^2;

+ Tổng diện tích sàn: 2.040,00 m^2;

+ Chiều cao công trình: + 24,60 m; số tầng: 02;

+ Cốt nền xây dựng: + 0,20 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);

+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

1.17. Nhà cầu nối số 4:

+ Diện tích xây dựng: 1.020,00 m^2;

+ Tổng diện tích sàn: 2.040,00 m^2;

+ Chiều cao công trình: + 24,60 m; số tầng: 02;

+ Cốt nền xây dựng: + 0,20 m (so với cốt mặt đất đặt công trình);

+ Màu sắc công trình: Trắng, xanh, xám.

- Các chủ thể tham gia xây dựng công trình:

+ Đơn vị thi công:

Công ty Cổ phần VNDECO; Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HCM-00006680 ngày 21/12/2017 do Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh cấp, phạm vi hoạt động thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp nhẹ: Hạng II.

Công ty TNHH Nhà thép PEB; Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BRV-00019764 ngày 23/4/2020 do Sở Xây dựng tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp, phạm vi hoạt động thi công xây dựng công trình công nghiệp nhẹ: Hạng II.

+ Đơn vị giám sát: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Fansipan; Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00003910 ngày 11/9/2017 do Cục Quản lý Hoạt động Xây dựng - Bộ Xây dựng cấp, phạm vi hoạt động giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp nhẹ: Hạng I.

2. Hiện trạng chất lượng của công trình xây dựng:

- Hiện trạng thi công xây dựng các công trình được kiểm tra: Tại thời điểm kiểm tra các công trình xây dựng nêu trên (mục 1 văn bản) đã được thi công xây dựng hoàn thành; qua kiểm tra trực tiếp tại hiện trường, xem xét báo cáo của chủ đầu tư và các bên liên quan đến đầu tư xây dựng công trình, xem xét hồ sơ quản lý chất lượng cho thấy phù hợp với nội dung thẩm định thiết kế và Giấy phép xây dựng; phù hợp nội dung thẩm duyệt, nghiệm thu PCCC, bản vẽ hoàn công hiện trạng công trình.

- Tình hình chất lượng công trình xây dựng: Tại thời điểm kiểm tra, các công trình, bộ phận công trình chưa phát hiện biểu hiện bất thường về chất lượng (chuyển dịch, chuyển vị, lún, nứt, thấm, biến dạng kích thước hình học...); hệ thống đường giao thông, thoát nước, cấp điện, cấp nước, chiếu sáng bình thường; đáp ứng yêu cầu chất lượng theo báo cáo của chủ đầu tư.

3. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật:

Thông qua kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình:

- Năng lực của các chủ thể tham gia xây dựng công trình: Các đơn vị lập dự án, khảo sát, thiết kế, thi công, giám sát có chức năng hành nghề phù hợp tính chất công việc thực hiện.

- Sự tuân thủ quy định về quản lý chất lượng: Tại thời điểm kiểm tra, Chủ đầu tư và các nhà thầu lập hồ sơ hoàn thành công trình theo Danh mục hồ sơ hoàn thành công trình quy định tại Phụ lục III của Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng; nội dung các thành phần trong hồ sơ đáp ứng chất lượng theo quy định.

- Sự tuân thủ các quy định khác có liên quan (đầu tư, phòng cháy, môi trường, lao động...): Công trình xây dựng thuộc dự án của Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 9876303670, chứng nhận lần đầu ngày 01/02/2016, chứng nhận thay đổi lần thứ tư ngày 25/11/2019 do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai chứng nhận. Dự án được Phòng Cảnh sát phòng cháy & Cứu nạn cứu hộ - Công an tỉnh Đồng Nai chấp thuận nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy tại nội dung văn bản số

94/PC07-PC ngày 11/3/2020; được Ban Quản lý các KCN Đồng Nai phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án tại Quyết định số 11/QĐ-KCNĐN ngày 09/01/2018.

- Công tác lập và lưu trữ hồ sơ: Cơ bản đầy đủ.

4. Các yêu cầu đối với Chủ đầu tư:

- Yêu cầu khắc phục các tồn tại (nếu có): Tiếp tục công tác rà soát, hoàn thiện chất lượng công trình.

- Các yêu cầu khác:

+ Chủ đầu tư phải thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn lao động, thiết bị công trình, trước và trong quá trình hoạt động.

+ Chủ đầu tư thực hiện đầy đủ các kiến nghị, yêu cầu của Cảnh sát PCCC Đồng Nai theo nội dung Biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC.

5. Kết luận:

Qua công tác kiểm tra, Ban Quản lý các KCN Đồng Nai thống nhất kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư đối với công trình xây dựng nêu trên; việc kiểm tra của Ban Quản lý các KCN về công trình xây dựng không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư về công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng và trách nhiệm của các nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng về chất lượng công trình xây dựng đối với phần việc do mình thực hiện theo quy định của pháp luật;

Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và sự phù hợp của các văn bản, tài liệu trong hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng; tiếp tục rà soát, hoàn thiện hồ sơ hoàn thành công trình đưa vào sử dụng theo quy định tại Phụ lục III; lập danh mục và tập hợp hồ sơ phục vụ quản lý, vận hành và bảo trì công trình theo quy định tại Phụ lục IV; lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình quy định tại Điều 12 kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng;

Chủ đầu tư có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ và các quy định khác của pháp luật có liên quan trong việc khai thác, sử dụng công trình.

Trên đây là thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- VP Đại diện BQL các KCN;
- Lưu VT, QHXD (Th).

TRƯỞNG BAN

Cao Tiến Sỹ

UBND TỈNH ĐỒNG NAI **BAN QUẢN LÝ** **CÁC KHU CÔNG NGHIỆP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2997/KCNĐN-QHXD V/v thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng của Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền tại KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.	*Đồng Nai, ngày 01 tháng 10 năm 2020*

Kính gửi: Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền
(KCN Giang Điền)

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 47/2019/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình và an toàn lao động trong thi công xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở Báo cáo hoàn thành xây dựng công trình của Chủ đầu tư số 01/BCHTCT ngày 15/8/2020 và báo cáo của các bên liên quan công trình xây dựng tại buổi kiểm tra công tác nghiệm thu ngày 20/8/2020; Thông báo nội dung kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai số 2856/KCNĐN-QHXD ngày 18/9/2020;

Qua xem xét nội dung Chủ đầu tư báo cáo rà soát, khắc phục tại văn bản số 01/BC-GKGD ngày 03/9/2020 và tổ chức nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng tại Biên bản ngày 25/8/2020; Ban Quản lý các KCN Đồng Nai thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu của Chủ đầu tư như sau:

1. Thông tin chung:

a) Tên các công trình được kiểm tra: Theo Giấy phép xây dựng số 151/GPXD-KCNĐN ngày 31/7/2020 do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp.

b) Địa điểm xây dựng: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom.

c) Quy mô, công suất:

- **Nhà ăn:** Diện tích xây dựng tầng 1 (DTXD): 1.261,61 m^2; tổng diện tích sàn (TDTS): 1.261,61 m^2; chiều cao công trình: + 4,20 m; số tầng: 01; cốt nền công trình: + 0,20 m (so với cốt mặt đất đặt công trình); cấp công trình: Cấp III.

- Các công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật (công trình cấp IV):

+ Mái nối giữa nhà xưởng 1 với nhà xưởng 2: DTXD: 60,00 m^2; chiều cao: + 7,20 m.

+ Nhà rác 1: DTXD: 54,00 m^2; chiều cao: + 4,20 m.

+ Nhà rác 2: DTXD: 54,00 m^2; chiều cao: + 4,20 m.

+ Mái nối giữa nhà xưởng 1 với nhà xưởng 11: DTXD: 964,80 m^2; chiều cao: + 8,30 m.

+ Nhà mạt cưa 1: DTXD: 70,25 m^2; chiều cao: + 7,75 m.

+ Nhà mạt cưa 2: DTXD: 139,25 m^2; chiều cao: + 7,55 m.

+ Nhà mạt cưa: DTXD: 70,25 m^2; chiều cao: + 7,75 m.

+ Nhà vệ sinh 1A: DTXD: 86,66 m^2; chiều cao: + 3,80 m.

+ Nhà vệ sinh 3A: DTXD: 60,85 m^2; chiều cao: + 3,80 m.

+ Phòng điện công: DTXD: 216,00 m^2; chiều cao: + 6,60 m.

+ Kho cơ điện: DTXD: 115,50 m^2; chiều cao: + 5,51 m.

+ Phòng dầu Diesel: DTXD: 70,00 m^2; chiều cao: + 5,51 m.

+ Kho nước tẩy trắng: DTXD: 90,00m^2; chiều cao: + 5,97 m.

+ Phòng tẩy trắng gỗ: DTXD: 137,80 m^2; chiều cao: + 5,97 m.

+ Bể nước PCCC (500 m^3): DTXD: 175,00 m^2; chiều sâu: - 3,70 m.

+ Bể xử lý nước thải + nhà điều hành: DTXD: 88,40 m^2; TDTS: 123,80 m^2; chiều cao: + 4,00 m; chiều sâu: - 4,50 m; số tầng: 02 (bán ngầm).

+ Nhà bơm: DTXD: 35,00 m^2; chiều cao: + 3,80 m.

+ Tháp nước: DTXD: 70,50 m^2; chiều cao: + 24,20 m.

+ Chòi gác: DTXD: 9,00 m^2; chiều cao: + 10,00 m.

+ Mái che lối đi bộ: DTXD: 758,10 m^2; chiều cao: + 3,30 m.

d) Các chủ thể tham gia xây dựng công trình:

- Nhà thầu thi công: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Đỗ Gia.

- Nhà thầu giám sát: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Fansipan.

2. Hiện trạng chất lượng của công trình xây dựng:

- Hiện trạng thi công xây dựng các công trình được kiểm tra: Tại thời điểm kiểm tra các công trình nêu tại Mục 1 (văn bản này) đã thi công xây dựng hoàn thành.

- Tình hình chất lượng công trình xây dựng: Qua kiểm tra, các công trình, bộ phận công trình bằng trực quan chưa phát hiện biểu hiện bất thường về chất lượng (chuyển dịch, chuyển vị, lún, nứt, biến dạng kích thước hình học); cơ bản đáp ứng yêu cầu chất lượng theo báo cáo của chủ đầu tư.

3. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật:

a) Năng lực của các chủ thể tham gia xây dựng công trình:

- Nhà thầu thi công: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Đỗ Gia đã được Sở Xây dựng thành phố Hồ Chí Minh cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số HCM-00003387 ngày 07/8/2017; phạm vi hoạt động xây dựng: Thi công xây dựng công trình công nghiệp Hạng II.

- Nhà thầu giám sát: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Fansipan đã được Cục Quản lý Hoạt động Xây dựng - Bộ Xây dựng cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BXD-00003910 ngày 11/9/2017; phạm vi hoạt động xây dựng: Giám sát thi công xây dựng công trình công nghiệp nhẹ Hạng I.

b) Sự tuân thủ quy định về quản lý chất lượng:

- Về hồ sơ chuẩn bị xây dựng, khảo sát, thiết kế: Chủ đầu tư đã hoàn thành các thủ tục về đầu tư theo quy định (thuê đất, đăng ký đầu tư, thẩm định thiết kế, thẩm duyệt PCCC, thủ tục bảo vệ môi trường, GPXD);

- Về quản lý chất lượng thi công: Chủ đầu tư và các đơn vị tổ chức kiểm soát quản lý chất lượng công trình trong quá trình thi công xây dựng và lập hồ sơ quản lý chất lượng thi công; công tác tổ chức nghiệm thu được chủ đầu tư thực hiện cùng các bên liên quan theo quy định; các công trình chính nêu tại Mục 1 (văn bản này) được thi công xây dựng đúng theo bản vẽ được duyệt kèm theo Giấy phép xây dựng được cấp.

- Quy trình bảo trì công trình: Chủ đầu tư đã lập theo quy định.

c) Sự tuân thủ các quy định khác có liên quan:

- PCCC: Công trình Nhà ăn được Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Đồng Nai đồng ý nghiệm thu theo văn bản số 245/PCCC-NT ngày 27/8/2020.

- Môi trường: Dự án được Ban Quản lý các KCN Đồng Nai phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quyết định số 11/QĐ-KCNĐN ngày 09/01/2018.

- Đấu nối hạ tầng: Dự án thuộc giai đoạn mở rộng, sử dụng chung hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện hữu.

d) Công tác lập và lưu trữ hồ sơ: Tại thời điểm kiểm tra, Chủ đầu tư lập hồ sơ hoàn thành công trình và lưu trữ hồ sơ theo Danh mục quy định tại Phụ lục III Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng.

4. Kết luận:

Qua công tác kiểm tra, Ban Quản lý các khu công nghiệp Đồng Nai thống nhất kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư đối với công trình xây dựng nêu trên; việc kiểm tra của Ban Quản lý các KCN về công trình xây dựng không thay thế, không làm giảm trách nhiệm của chủ đầu tư về công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng và trách nhiệm của các nhà thầu tham gia hoạt động xây dựng về chất lượng công trình xây dựng đối với phần việc do mình thực hiện theo quy định của pháp luật;

Chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và sự phù hợp của các văn bản, tài liệu trong hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng; tiếp tục rà soát, hoàn thiện hồ sơ hoàn thành công trình đưa vào sử dụng theo quy định tại Phụ lục III; lập danh mục và tập hợp hồ sơ phục vụ quản lý, vận hành và bảo trì công trình theo quy định tại Phụ lục IV; lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình quy định tại Điều 12 kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng.

Trên đây là thông báo chấp thuận kết quả nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- VP Đại diện BQL;
- Lưu VT, QHXD (L).

TRƯỞNG BAN

Cao Tiến Sỹ

BỘ CÔNG AN
CS.PC&CC T. ĐỒNG NAI
Số: 226 /TD-PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc

Mẫu số PC03
Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BCA, ngày 16/12/2014

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số .....ngày14../04../2018....của: Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền.....

Người đại diện là Ông/Bà:...Tsai Yu Ming..... Chức danh:..Tổng Giám đốc.

CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY TỈNH ĐỒNG NAI

CHỨNG NHẬN:

Nhà máy sản xuất các sản phẩm bằng gỗ với quy mô 2.500.000 sản phẩm/ năm....

Địa điểm xây dựng: ..KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.....

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền.....

Đơn vị lập dự án/thiết kế: .Cty CP VNDECO; Cty TNHH DV TM Đại Hùng Cường.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

.....- Giao thông, khoảng cách PCCC;.....

.....- Diện tích khoang cháy, lối thoát nạn;.....

.....- Hệ thống cấp nước chữa cháy;.....

.....- Hệ thống báo cháy tự động;.....

.....- Hệ thống chữa cháy tự động;.....

.....- Phương tiện chữa cháy tại chỗ; Hệ thống chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn;.....

.....- Hệ thống chống sét đánh thẳng.....

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Đồng Nai, ngày 26 tháng 4 năm 2018

GIÁM ĐỐC

Đại tá Văn Quyết Thắng

Nơi nhận:
-Chủ đầu tư..;
-Cục C66-BCA (báo cáo);
-Lưu: P2.....

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy Số ……/TD-PCCC, ngày…… tháng…… Năm……)

STT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
01	Mặt bằng tổng thể Kết cấu, kiến trúc		
02	Hệ thống cấp nước chữa cháy Phương tiện chữa cháy tại chỗ Hệ thống báo cháy tự động, Hệ thống chiếu sáng sự cố,chỉ dẫn thoát nạn Hệ thống chữa cháy tự động Hệ thống chống sét đánh thẳng		

CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG CS PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số PC03
Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BCA, ngày 16/12/2014

Số: 234/TD-PCCC

TD: 003449

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số.....ngày...30../....5.../.2020của:...Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền.

Người đại diện là Ông/Bà:....Tsai Yu Ming.....Chức danh:...Tổng Giám đốc.

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ

CHỨNG NHẬN:

NHÀ ĂN KHU A

Địa điểm xây dựng:..KCN.Giang.Điền,.xã.Giang.Điền,.huyện.Trảng.Bom,.tỉnh.Đồng.Nai.

Chủ đầu tư/chủ phương tiện:...Công.ty.TNHH.Great.Kingdom.Giang.Điền.....

Đơn vị lập dự án/thiết kế:.....Công.ty.Cổ.phần.ĐTXDTM.Đỗ.Gia;.Cty.CP.Vinh.Tam.Long.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

.....- Giao thông, khoảng cách PCCC;.....

.....- Hệ thống cấp nước chữa cháy;.....

- Hệ thống báo cháy tự động;.....

- Hệ thống chống sét đánh thẳng;.....

- Hệ thống chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn;.....

- Phương tiện chữa cháy tại chỗ;.....

.....

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2

Đồng Nai, ngày 10 tháng 6 năm 2020

Nơi nhận:
-...Chủ đầu tư;;
-...Cục C07 - BCA (báo cáo);
- *Lưu:* PC07.(PC).

TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Nguyễn Văn Hải

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT
THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy Số /TD-PCCC, ngày tháng năm)

STT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
1	Mặt bằng tổng thể Giao thông, khoảng cách PCCC	KT:01/06... KT:06/06; PC-01/08.... PC-08/08	
2	Hệ thống cấp nước chữa cháy Hệ thống báo cháy tự động Hệ thống chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn Hệ thống chống sét đánh thẳng Phương tiện chữa cháy tại chỗ		

Ghi chú:

1. Quy mô công trình: Nhà ăn Khu A có diện tích 1.261,6m^2; 01 tầng; cao 4,0m.

2. Chủ đầu tư kiểm tra, giám sát thi công công trình theo đúng bản vẽ thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC và theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Phải thông báo bằng văn bản đến Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Đồng Nai để kiểm tra nghiệm thu về PCCC trước khi đưa công trình vào sử dụng./.

CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

Số: 154 /TD-PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số.....ngày 15. tháng 3. năm 2021. của: Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền

Người đại diện theo pháp luật là ông/bà: Tsai Yu Ming *Chức vụ:* Tổng Giám đốc

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ CHỨNG NHẬN:

Cải tạo kho xưởng Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền

Địa điểm xây dựng/chế tạo/hoán cải: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền

Đơn vị tư vấn thiết kế: Công ty CP TV Kỹ nghệ Trí Việt; Công ty Cổ phần Vinh Tam Long.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Giải pháp ngăn cháy; Giải pháp thoát nạn;
- Hệ thống cấp nước chữa cháy;
- Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống chữa cháy tự động;
- Phương tiện chữa cháy tại chỗ; Dụng cụ phá dỡ thông thường;
- Hệ thống chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn.

Quy mô dự án/công trình/phương tiện và danh mục các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy ghi tại trang 2./.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền;
- Cục C07 (báo cáo);
- Lưu: VT, PC.

Đồng Nai, ngày 22 tháng 3 năm 2021
TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Nguyễn Văn Hải

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT
THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

(Kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 154/TD-PCCC, ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Phòng PC07 – CA T. Đồng Nai)

STT	NỘI DUNG	GHI CHÚ
I	**QUY MÔ DỰ ÁN/CÔNG TRÌNH/PHƯƠNG TIỆN**	
	- Văn phòng trong nhà xưởng 1 khu A có diện tích 348m^2 (khu vực tầng lửng của văn phòng có diện tích 116,6m^2); - Cải tạo khu vực bên dưới tầng lửng thuộc Nhà kho 7 khu B có diện tích 3.030m^2 sử dụng làm khu để vật tư ốc vít; - Phòng cân bằng nhiệt trong nhà kho 7 Khu B có diện tích 288m^2; 01 tầng; - Khu sản xuất thô sản phẩm mẫu trong nhà kho 7 khu B có diện tích 450m^2; 01 tầng; - Văn phòng xưởng ở tầng 1 nhà xưởng 8 khu B có diện tích 137,2m^2 (khu vực tầng lửng của văn phòng có diện tích 116,6m^2); - Khu chà nhám và sơn lót ở tầng 2 nhà xưởng 8 khu B có diện tích 1.365m^2, 01 tầng; - Khu sửa sản phẩm ở tầng 1 nhà xưởng 9 khu B có diện tích 1.987,5m^2 (khu vực tầng lửng có diện tích 79,1m^2); - Hạng nguy hiểm cháy: Hạng C.	
II	**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ**	
1	Mặt bằng tổng thể Kiến trúc, kết cấu	X1-KT/01…X1-KT/06; X7-KT/01…X7-KT/09; X8-KT/01…X8-KT/05; X9-KT/01…X9-KT/06.
2	Hệ thống cấp nước chữa cháy Hệ thống chữa cháy tự động Hệ thống báo cháy tự động Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn Bình chữa cháy xách tay Dụng cụ phá dỡ thông thường	PC 01…PC15.

Lưu ý: Thông tin tại Giấy chứng nhận này chỉ xác nhận bảo đảm các yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy, không có giá trị về quyền sử dụng đất và các chỉ tiêu về quy hoạch, xây dựng./.

CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

Số: 576 /PC07-PC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Đồng Nai, ngày 09 tháng 12 năm 2019

Kính gửi: Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền.

Theo đề nghị tại văn bản về việc nghiệm thu phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền; Căn cứ kết quả kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy tại Biên bản kiểm tra do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Đồng Nai lập ngày 09/12/2019 và hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy của Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Đồng Nai đồng ý việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền đối với công trình Nhà máy sản xuất các sản phẩm bằng gỗ với quy mô 2.500.000 sản phẩm/năm (Khu A) tại KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai theo các nội dung sau:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy;
- Hệ thống chữa cháy tự động;
- Hệ thống màn nước ngăn cháy;
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chống sét đánh thẳng;
- Hệ thống chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn.

Để bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy cho công trình Nhà máy sản xuất các sản phẩm bằng gỗ với quy mô 2.500.000 sản phẩm/năm (Khu A) trong suốt quá trình sử dụng, đề nghị Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 7 - Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ;

- Thực hiện đúng quy định, quy trình về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động của các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan trong suốt quá trình hoạt động như tại thời điểm nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy./.

Nơi nhận:
- Như trên (để thực hiện);
- Cục C07 – BCA (báo cáo);
- Lưu: PC07 (TM, PC).

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Nguyễn Văn Hải

Mẫu số 03
Ban hành kèm theo Nghị định số 83/2017
ngày 18/7/2017 của Chính phủ

CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA
NGHIỆM THU VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Hồi 13 giờ 30 phút, ngày 09 tháng 12 năm 2019. Tại công trình Khu A - Nhà máy sản xuất các sản phẩm bằng gỗ với quy mô 2.500.000 sản phẩm/ năm - Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền.

Địa chỉ: KCN Giang Điền, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Chúng tôi gồm:

- Ông Nguyễn Văn Hải, Chức vụ: Trưởng phòng - Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH;
- Ông Lê Văn Duẩn, Chức vụ: Phó Trưởng Công an huyện Trảng Bom.
- Ông Nguyễn Bá Giáp, Chức vụ: Đội trưởng - Đội Công tác Phòng cháy, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH;
- Ông Đậu Viết Định, Chức vụ: Cán bộ - Đội Công tác Phòng cháy, Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH;

Đã tiến hành kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với công trình "Khu A - Nhà máy sản xuất các sản phẩm bằng gỗ với quy mô 2.500.000 sản phẩm/ năm - Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền".

Đại diện chủ đầu tư:

- Ông Tsai Yu Ming, Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Bà Hứa Lệ Mạnh, Chức vụ: Trợ lý Tổng Giám đốc.

Quá trình kiểm tra có sự phối hợp của các đơn vị liên quan gồm:

Đại diện đơn vị tư vấn giám sát: Công ty TNHH TVXD Fansipan.

- Ông Huỳnh Thanh Sang, Chức vụ: Giám đốc.
- Ông Trần Văn Tiến, Chức vụ: Chỉ huy trưởng.

Đại diện đơn vị thi công xây dựng: Công ty Cổ phần ĐTXD TM Đỗ Gia.

- Bà Tống Thị Ngọc Thêm, Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Ông Đỗ Tấn Dũng, Chức vụ: Chỉ huy trưởng.

Đại diện đơn vị thi công PCCC: Công ty Cổ phần Vinh Tam Long.

- Ông Tiêu Hoàng Anh Tuấn, Chức vụ: Tổng Giám đốc.
- Ông Quách Chánh Tín, Chức vụ: Chỉ huy trưởng.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. Hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật:

Kiểm tra nội dung và tính pháp lý của hồ sơ nghiệm thu về PCCC do chủ đầu tư chuẩn bị theo quy định tại Khoản 2, Điều 17 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ gồm:

- Bản sao giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 226/TD-PCCC, ngày 26/4/2018 của Cảnh sát PCCC và CNCH tỉnh Đồng Nai;

- Bản sao giấy chứng nhận kiểm định sơn chống cháy 5844/KĐ-PCCC-P7 ngày 03/5/2019 của Cục Cảnh sát PCCC&CNCH; Biên bản tự kiểm tra sơn chống cháy;

- Bản sao giấy chứng nhận kiểm định phương tiện PCCC số 96/KĐ-PC07-PC ngày 11/9/2019 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH;

- Các biên bản thử nghiệm, nghiệm thu từng phần và nghiệm thu tổng thể hệ thống phòng cháy và chữa cháy;

- Biên bản đo điện trở nối đất hệ thống chống sét đánh thẳng;

- Các bản vẽ hoàn công hệ thống phòng cháy và chữa cháy và các hạng mục liên quan đến phòng cháy và chữa cháy phù hợp với hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt;

- Văn bản nghiệm thu hoàn thành hệ thống, thiết bị có liên quan về phòng cháy và chữa cháy.

II. Kiểm tra thử nghiệm thực tế:

A. Về kiến trúc, kết cấu:

Công trình Khu A - Nhà máy sản xuất các sản phẩm bằng gỗ với quy mô 2.500.000 sản phẩm/ năm đã xây dựng hoàn thiện gồm các hạng mục:

+ Nhà xưởng 1 - Kho gỗ/ chuẩn bị gỗ có diện tích 13.916m^2; cao 9m; xung quanh nhà xưởng 1 bố trí 03 mái che (3x10,8)m^2, 02 nhà vệ sinh, 02 nhà mạt cưa, 02 nhà rác;

+ Nhà xưởng 2 - Kho móc treo áo mũ có diện tích 18.810m^2; cao 7,77m; xung quanh nhà xưởng bố trí phòng cấp điện, phòng máy nén khí, phòng điện công, phòng vệ sinh, kho cơ điện, phòng dầu Diesel;

+ Nhà xưởng 11 có diện tích 5.035m^2; cao 9m; xung quanh nhà xưởng có bố trí 02 mái che (3x10,8)m^2;

+ Mái nối giữa nhà xưởng 11 và nhà xưởng 1 có diện tích (24x40,23)m^2;

+ Mái nối giữa nhà xưởng 2 và nhà xưởng 1 có diện tích (6x12)m^2;

+ Hạng mục khác: bể nước ngầm, đài nước, trạm điện, nhà phế liệu, trạm gác.

Tại thời điểm kiểm tra, kiến trúc, kết cấu các hạng mục, công trình khu A đã thi công theo bản vẽ thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC. Đối với Nhà xưởng 1 – Kho gỗ/ chuẩn bị gỗ; Nhà xưởng 2 – Kho móc treo áo mũ kết cấu cột thép đã thực hiện giải pháp sơn chống cháy có giới hạn chịu lửa 120 phút.

B. Về thoát nạn: Từ bên trong các hạng mục, công trình có bố trí các lối ra thoát nạn theo bản vẽ thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC.

Cửa thoát nạn đều có hướng mở ra phía ngoài nhà, bố trí phân tán bảo đảm theo QCVN 06:2010/BXD.

C. Về đường giao thông, khoảng cách an toàn PCCC:

- *Đường giao thông phục vụ chữa cháy:* Đường giao thông phục vụ chữa cháy được thi công tiếp cận các hạng mục, công trình theo bản vẽ thiết kế đã được thẩm duyệt.

Tại thời điểm kiểm tra, đường giao thông nội bộ thông thoáng bảo đảm cho xe chữa cháy tiếp cận các hạng mục, công trình.

- *Khoảng cách an toàn PCCC:* Tại thời điểm kiểm tra tiến hành kiểm tra thực tế khoảng cách từ nhà xưởng 1 đến nhà xưởng 2 là 12m; khoảng cách từ nhà xưởng 1 đến nhà xưởng 11 là 40m theo bản vẽ thiết kế đã được thẩm duyệt.

D. Về thông gió, thoát khói: Các hạng mục, công trình sử dụng biện pháp thông gió tự nhiên thông qua lam gió, nóc gió từ mái nhà xưởng, nhà kho.

E. Về hệ thống phòng cháy chữa cháy:

1. Hệ thống cấp nước chữa cháy:

- Hệ thống ống cấp nước chữa cháy chính khu A có đường kính DN200/125mm được thi công mạng vòng.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà: Dọc theo đường giao thông qua các hạng mục, công trình có lắp đặt 14 trụ nước chữa cháy ngoài nhà, có bố trí tủ chữa cháy ngoài nhà (có lăng, vòi chữa cháy kèm theo) và 01 trụ tiếp nước chữa cháy.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy trong nhà: Bên trong các hạng mục, công trình lắp đặt tổng cộng 30 họng nước chữa cháy vách tường (có lăng, vòi chữa cháy kèm theo) bố trí bên trong nhà, gần các cửa ra vào và cửa thoát nạn, tâm họng nước cách mặt nền nhà khoảng 1,25m để phục vụ chữa cháy bên trong nhà.

- Nguồn nước dự trữ chữa cháy: Bể nước dự trữ chữa cháy có khối tích 500m^3 và tháp nước có khối tích 25m^3 (theo báo cáo của chủ đầu tư).

- Cụm bơm cấp nước chữa cháy gồm: 01 máy bơm chữa cháy động cơ điện Q=300-550m^3/h, H=70m.c.n; 01 máy bơm chữa cháy động cơ Diesel có Q=300-550m^3/h, H=70m.c.n, 01 máy bơm bù áp.

Về cơ bản hệ thống cấp nước chữa cháy được thi công bảo đảm theo bản vẽ thiết kế đã được thẩm duyệt và các tiêu chuẩn PCCC hiện hành.

Tiến hành kiểm tra thực tế tình trạng hoạt động của hệ thống cấp nước chữa cháy với 02 lăng chữa cháy D65 phun đồng thời, kết quả cho thấy cột nước của 02 lăng phun đạt trên 10m tia nước đặc.

2. Hệ thống báo cháy tự động:

Bên trong các hạng mục, công trình khu A được lắp đặt hệ thống báo cháy tự động gồm: 02 tủ trung tâm báo cháy 15 kênh, 02 tủ trung tâm báo cháy 10 kênh, 38 đầu báo cháy khói tia chiếu, 01 đầu báo cháy khói, 35 đầu báo cháy nhiệt, 24 bộ nút nhấn khẩn, chuông báo cháy.

Tiến hành kiểm tra trạng thái hoạt động của hệ thống báo cháy tự động bằng phương pháp giả định có khói từ phía dưới bay lên tại vị trí các đầu báo cháy, sau

khoảng 10 giây thì thấy tín hiệu các đầu báo cháy được truyền từ đầu báo cháy về trung tâm báo cháy kích hoạt còi báo cháy hoạt động, đồng thời kích hoạt cửa cuốn trên tường ngăn cháy giữa xưởng sản xuất và kho thành phẩm hoạt động.

3. Hệ thống chữa cháy tự động:

Bên trong các hạng mục, công trình khu A được lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động bằng nước với tổng cộng 2.440 đầu phun Sprinkler bố trí trên toàn bộ các hạng mục, công trình.

Đường ống cấp nước chữa cháy cho hệ thống chữa cháy tự động có đường kính DN125/42/32/25mm đấu nối với hệ thống đường ống cấp nước chữa cháy có đường kính D200.

Thử nghiệm xác xuất 02 đầu phun ở vị trí xa nhất, hệ thống chữa cháy tự động hoạt động bảo đảm yêu cầu.

4. Hệ thống chống sét đánh thẳng:

Hệ thống chống sét đánh thẳng cho toàn bộ công trình khu A sử dụng 01 kim có bán kính bảo vệ là R_{bv}=110m, 02 kim có bán kính bảo vệ là R_{bv}=101m.

Tại thời điểm kiểm tra, chủ đầu tư đã tiến hành đo kiểm tra điện trở tiếp địa có các kim thu sét, kết quả kiểm tra <10Ω bảo đảm theo TCVN 9385:2012.

5. Phương tiện chữa cháy tại chỗ:

Bên trong các hạng mục, công trình khu A đã trang bị 76 bình chữa cháy bột loại MFZ8, 76 bình chữa cháy khí CO_2 loại MT5, 43 bình chữa cháy tự động loại 06kg và nội quy tiêu lệnh được bố trí phân tán.

6. Hệ thống chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn:

Bên trong các hạng mục, công trình khu A được lắp đặt tổng cộng 36 đèn chỉ dẫn thoát nạn, 70 đèn chiếu sáng sự cố lắp đặt dọc theo đường, lối thoát nạn, cửa thoát nạn.

III. Kết luận và kiến nghị:

1. Kết luận: Tại thời điểm kiểm tra, các phương tiện, hệ thống PCCC được thi công, lắp đặt tại công trình theo bản vẽ đã được thẩm duyệt thiết kế. Tại thời điểm kiểm tra các phương tiện, hệ thống PCCC hoạt động bình thường.

2. Kiến nghị:

- Chủ đầu tư phải lập hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC theo Điều 3 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an.

- Trước khi đi vào hoạt động chính thức, chủ đầu tư phải xây dựng phương án chữa cháy, phương án cứu nạn, cứu hộ giả định tình huống cháy, nổ đối với các hạng mục xây dựng mới; thành lập đội PCCC tại chỗ bảo đảm quân số và tổ chức huấn luyện nghiệp vụ PCCC cho lực lượng này sử dụng thành thạo các phương tiện PCCC, xử lý các tình huống cháy, nổ xảy ra theo Thông tư số 66/2014/TT-BCA

ngày 16/12/2014 của Bộ Công an; Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 và Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ.

- Thực hiện quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc đối với các hạng mục, công trình xây dựng mới theo quy định tại Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ.

- Ban hành, niêm yết sơ đồ chỉ dẫn, biển cấm (Biển cấm lửa, biển cấm hút thuốc, biển cấm cản trở lối đi lại), biển báo các khu vực bố trí vật liệu có nguy hiểm cháy, nổ, sơ đồ chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy phù hợp tính chất hoạt động sản xuất (sơ đồ bố trí phương tiện chữa cháy, sơ đồ chỉ dẫn thoát nạn) ở những nơi dễ thấy để mọi người biết và chấp hành.

- Yêu cầu đơn vị thi công hệ thống PCCC hướng dẫn quy trình vận hành, sử dụng các hệ thống PCCC được lắp đặt tại công trình và bàn giao cho chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống PCCC đã lắp đặt đảm bảo hệ thống PCCC luôn luôn hoạt động bình thường như tại thời điểm kiểm tra nghiệm thu; niêm yết sơ đồ bố trí phương tiện chữa cháy tại chỗ, sơ đồ chỉ dẫn thoát nạn tại các khu vực dễ thấy, dễ đọc.

- Trang bị bình chữa cháy bảo đảm theo quy định tại Điều 5.1.3 TCVN 3890:2009, cụ thể đối với mức nguy hiểm cháy thấp định mức trang bị 1 bình/150m^2; mức nguy hiểm cháy trung bình định mức trang bị 1 bình/75m^2; mức nguy hiểm cháy cao định mức trang bị 1 bình/50m^2).

- Hàng năm trước mùa mưa phải kiểm tra và đo điện trở tiếp đất hệ thống chống sét đánh thẳng định kỳ theo quy định.

- Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn cho các khu vực phải bảo đảm cường độ chiếu sáng ban đầu trung bình là 10lux và cường độ chiếu sáng nhỏ nhất tại bất kỳ điểm nào dọc theo đường thoát nạn đo được không được nhỏ hơn 1lux. Đèn chỉ dẫn thoát nạn phải được nhìn thấy rõ ràng các chữ **"LỐI RA"** hoặc chữ khác thích hợp từ khoảng cách tối thiểu 30m trong điều kiện chiếu sáng bình thường (300lux) hoặc khi có sự cố (10lux).

- Việc lắp đặt máy móc, trang thiết bị dây chuyền công nghệ không được cản trở các lối ra thoát nạn và đường giao thông dành cho xe chữa cháy tại công trình theo quy định, bảo đảm giải pháp thông gió theo QCVN 06:2010/BXD.

- Việc lắp đặt các thiết bị điện phải phù hợp với cấp nguy hiểm cháy, nổ của từng gian phòng của công trình, đối với khu vực nguy hiểm cháy, nổ phải lựa chọn thiết bị điện, dây dẫn điện phù hợp với tính chất lý hóa của hàng hóa bảo quản và yêu cầu công nghệ; thiết bị đóng ngắt đặt trên mặt tường bằng vật liệu không cháy theo Điều 6.3 TCVN 4317:1986.

- Tiếp tục thi công công trình Khu B theo bản vẽ thiết kế đã thẩm duyệt kèm giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC số 226/TD-PCCC, ngày 26/4/2018 của Cảnh sát PCCC và CNCH tỉnh Đồng Nai.

- Đối với các hạng mục, công trình cải tạo, mở rộng và thay đổi tính chất sử dụng so với thiết kế ban đầu đã được thẩm duyệt về PCCC, phải thiết kế giải pháp, hệ thống PCCC theo TCVN 3890:2009 phù hợp với tính chất sử dụng và phải được Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH – Công an tỉnh Đồng Nai thẩm duyệt lại trước khi thi công, lắp đặt và nghiệm thu về PCCC trước khi đưa vào hoạt động.

- Trong suốt quá trình hoạt động phải thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn phòng cháy chữa cháy tại cơ sở theo Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ.

Biên bản lập xong hồi 16 giờ 30 phút cùng ngày, gồm 06 trang được lập thành 04 bản và đã được đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN **CHỦ ĐẦU TƯ**	**ĐẠI DIỆN** **ĐƠN VỊ LIÊN QUAN**	**ĐẠI DIỆN** **ĐOÀN KIỂM TRA** TRƯỞNG PHÒNG
CÔNG TY TNHH GREAT ENGINEERING GIA ĐIỀN	CÔNG TY CỔ PHẦN VINH TAM LONG	
TSAI YU MING	Tiêu Hoàng Anh Tuấn	Thượng tá. Nguyễn Văn Hải

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN XÂY DỰNG FANSIPAN

Huỳnh Thanh Sang

Đơn vị thi công xây dựng

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI ĐỖ GIA

Đỗ Thị Ngọc Thêm

CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

Số: 94 /PC07-PC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Đồng Nai, ngày 11 tháng 3 năm 2020

Kính gửi: Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền.

Theo đề nghị tại văn bản về việc nghiệm thu phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền; Căn cứ kết quả kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy tại Biên bản kiểm tra do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Đồng Nai lập ngày 11/3/2020 và hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy của Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Đồng Nai đồng ý việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền đối với công trình Khu B – Nhà máy sản xuất các sản phẩm bằng gỗ với quy mô 2.500.000 sản phẩm/năm tại KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai theo các nội dung sau:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy;
- Hệ thống báo cháy tự động;
- Hệ thống chữa cháy tự động;
- Hệ thống chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;
- Hệ thống chống sét đánh thẳng.

Để bảo đảm an toàn phòng cháy và chữa cháy cho công trình Khu B – Nhà máy sản xuất các sản phẩm bằng gỗ với quy mô 2.500.000 sản phẩm/năm trong suốt quá trình sử dụng, đề nghị Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 7 - Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ;
- Thực hiện đúng quy định, quy trình về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan;
- Duy trì liên tục chế độ hoạt động của các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan trong suốt quá trình hoạt động như tại thời điểm nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy./.

Nơi nhận:
- Như trên (để thực hiện);
- Cục C07 – BCA (báo cáo);
- Lưu: PC07 (TM, PC).

TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Nguyễn Văn Hải

Mẫu số PC05
Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BCA, ngày 16/12/2014

CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG CS PCCC&CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA NGHIỆM THU VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Hồi 8 giờ 00 phút, ngày 11 tháng 03 năm 2020 tại công trình: Khu B - Nhà máy sản xuất các sản phẩm bằng gỗ với quy mô 2.500.000 sản phẩm/ năm – Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền.

Địa chỉ: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Chúng tôi gồm:

- Ông Nguyễn Văn Hải, Chức vụ: Trưởng phòng, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH;
- Ông Nguyễn Bá Giáp, Chức vụ: Đội trưởng, Đội công tác Phòng cháy;
- Bà Chu Thị Hoa Lài, Chức vụ: Phó Đội trưởng, Đội công tác Phòng cháy;
- Ông Lê Văn Phong, Chức vụ: Phó Đội trưởng, Công an huyện Trảng Bom;
- Ông Trần Tiến Thành, Chức vụ: Cán bộ, Đội công tác Phòng cháy;

Đã tiến hành kiểm tra nghiệm thu về PCCC đối với dự án công trình: Khu B - Nhà máy sản xuất các sản phẩm bằng gỗ với quy mô 2.500.000 sản phẩm/ năm – Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền

Đại diện chủ đầu tư: Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền.

- Ông Tsai Yu Ming, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Quá trình kiểm tra có sự phối hợp của các đơn vị liên quan gồm:

Đại diện đơn vị xây dựng: Công ty Cổ phần VNDECO

- Ông Nguyễn Ngọc Anh, Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Đại diện đơn vị thi công PCCC: Công ty Cổ phần Tam Long

- Ông Tiêu Hoàng Anh Tuấn, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện đơn vị tư vấn giám sát: Công ty Cổ phần Vinh Tam Long

- Ông Tiêu Hoàng Anh Tuấn, Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. Hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật:

- Bản vẽ thiết kế kỹ thuật và giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC.
- Hồ sơ năng lực thi công về PCCC;
- Hồ sơ kiểm định hệ thống, phương tiện và thiết bị về PCCC;
- Hồ sơ nghiệm nội bộ giữa chủ đầu tư và các đơn vị thi công;

- Hồ sơ hoàn công về PCCC;

- Đơn đề nghị nghiệm thu về PCCC;

II. Kiểm tra thử nghiệm thực tế:

A. Về kiến trúc, kết cấu:

Công trình được xây dựng với quy mô như sau:

- Khu B:

+ Nhà kho 7 – Kho bán thành phẩm có diện tích 10.800m^2; cao 8m; 02 tầng (trong đó tầng 2 làm khu vực văn phòng có diện tích khoảng 3.000m^2); xung quanh nhà xưởng có các hạng mục phụ trợ có diện tích (9x60)m^2 gồm Khu sơn lót màu, khu chà nhám, khu chờ nguyên liệu, phòng dợi khô; được xây dựng theo kết cấu cột, dầm thép, kèo thép, mái lợp tôn, tường gạch + vách tôn, sàn BTCT, vách tôn.

+ 02 Mái nối giữa nhà kho 7 và nhà xưởng 9A có diện tích (13,4x12,55)m^2 và có diện tích (14,2x12,55)m^2; 01 Mái nối giữa nhà kho 7 và nhà xưởng 9B có diện tích (10,8x12,55)m^2; 01 Mái nối giữa nhà kho 7 và nhà xưởng 9C có diện tích (10,8x12,55)m2;

+ Nhà xưởng 8A – Xưởng sơn có diện tích 8.064m^2; cao 17,2m; 02 tầng; được xây dựng theo kết cấu cột, dầm thép được sơn chống cháy 120 phút, kèo thép, mái lợp tôn, tường gạch + vách tôn, sàn BTCT, vách tôn.

+ 02 Mái nối giữa nhà xưởng 8A và nhà xưởng 9A có diện tích (20,4x12,55)m^2 và có diện tích (10,8x12,55)m^2.

+ Nhà xưởng 8B – Xưởng sơn có diện tích 8.064m^2; cao 17,2m; 02 tầng; được xây dựng theo kết cấu cột, dầm thép được sơn chống cháy 120 phút, kèo thép, mái lợp tôn, tường gạch + vách tôn, sàn BTCT, vách tôn.

+ 02 Mái nối giữa nhà xưởng 8B và nhà xưởng 9B có diện tích (10,8x12,55)m^2.

+ Nhà xưởng 8C – Xưởng sơn có diện tích 8.1m^2; cao 17,2m; 02 tầng; được xây dựng theo kết cấu cột, dầm thép được sơn chống cháy 120 phút, kèo thép, mái lợp tôn, tường gạch + vách tôn, sàn BTCT, vách tôn.

+ 01 Mái nối giữa nhà xưởng 8C và nhà xưởng 9C có diện tích (10,8x12,55)m^2.

+ Xung quanh nhà xưởng 8A, B, C có phòng cấp điện, khu sơn, phòng nén khí, khu rác, phòng đóng gói, nhà vệ sinh

+ Nhà xưởng 9A – Kho bao bì có diện tích 8.160m^2; cao 18,5m; 02 tầng; Xung quanh nhà xưởng có phòng rác, nhà vệ sinh

+ 02 Mái nối giữa nhà xưởng 9A và nhà xưởng 10 có diện tích (10,8x12,55)m^2

+ Nhà xưởng 9B – Kho bao bì có diện tích 8.160m^2; cao 18,5m; 02 tầng; được xây dựng theo kết cấu cột, dầm thép được sơn chống cháy 120 phút, kèo thép, mái lợp tôn, tường gạch + vách tôn, sàn BTCT, vách tôn.

+ 01 Mái nối giữa nhà xưởng 9B và nhà xưởng 10 có diện tích (10,8x12,55)m^2

+ Nhà xưởng 9C – Kho bao bì có diện tích 8.160m^2; cao 18,5m; 02 tầng; được xây dựng theo kết cấu cột, dầm thép được sơn chống cháy 120 phút, kèo thép, mái lợp tôn, tường gạch + vách tôn, sàn BTCT, vách tôn.

+ 02 Mái nối giữa nhà xưởng 9C và nhà xưởng 10 có diện tích (10,8x12,55)m^2

+ Nhà xưởng 10 – Kho thành phẩm có diện tích 17.112m^2; cao 9m; được xây dựng theo kết cấu cột, dầm thép được sơn chống cháy 120 phút, kèo thép, mái lợp tôn, tường gạch + vách tôn, sàn BTCT, vách tôn.

+ Nhà điều hành có diện tích 1.868m^2; cao 19m; 04 tầng;

+ Nhà ăn và nhà bếp có diện tích 1.521,7m^2; cao 9m; 02 tầng;

+ Nhà xe có diện tích 3.626m^2; cao 6m; 02 tầng;

+ Nhà nghỉ cán bộ có diện tích 1.032m^2; cao 13,4m; 04 tầng; (tầng 1 làm hội trường)

+ Hạng mục phụ trợ khác: Bể nước ngầm, đài nước, bể xử lý nước + nhà vận hành, trạm điện, bể lọc dầu mỡ, nhà bảo vệ, trạm gác.

Về cơ bản phần kiến trúc công trình được thi công theo bản vẽ đã được thẩm duyệt thiết kế về PCCC.

B. Về thoát nạn

Nhà xưởng B có 06 lối thoát nạn.

C. Về đường giao thông cho xe chữa cháy hoạt động: Đường giao thông được thi công tiếp cận xung quanh công trình. Tại thời điểm kiểm tra, đường giao thông thông thoáng đảm bảo cho xe chữa cháy tiếp cận được công trình.

D. Về hệ thống PCCC:

1. Hệ thống cấp nước chữa cháy:

Có thiết kế 02 họng chờ tiếp nước, 26 trụ nước chữa cháy ngoài nhà. Bên trong lắp đặt tổng cộng 162 họng nước chữa cháy vách tường D50mm (gồm 01 lăng chữa cháy; 01 cuộn vòi chữa cháy kèm theo), các họng nước được bố trí trên hành lang, gần cầu thang bộ và lối thoát nạn để phục vụ chữa cháy trong nhà, tâm họng nước chữa cháy cách nền nhà khoảng 1,25m.

Đường ống cấp nước chữa cháy ngoài nhà được đấu nối mạng vòng có đường kính D219mm.

Cụm bơm cấp nước chữa cháy gồm: 01 bơm chữa cháy động cơ điện có lưu lượng Q=550m^3/h, H=70m; 01 bơm động cơ Diesel có lưu lượng Q=550m^3/h, H=70m; 01 bơm bù áp. Bể nước dự trữ chữa cháy có khối tích khoảng 500m^3.

Tiến hành kiểm tra thực tế tình trạng hoạt động của hệ thống với 02 lăng phun đồng thời, kết quả cho thấy cột nước của 02 lăng phun đạt trên 10m tia nước đặc.

2. Hệ thống báo cháy tự động:

Hệ thống báo cháy tự động gồm: 01 tủ trung tâm báo cháy lắp đặt phòng bảo vệ; 12 tủ trung tâm báo cháy lắp đặt tại các nhà xưởng; 1818 đầu báo cháy khói, 360 đầu báo cháy nhiệt, 33 cặp đầu báo cháy khói tia chiếu (đầu beam), 165 bộ chuông báo cháy và nút nhấn khẩn.

Tiến hành kiểm tra thử nghiệm thực tế, hệ thống hoạt động bình thường theo nguyên lý: Khi có sản phẩm cháy (khói+nhiệt) tác động vào đầu báo cháy, sau khoảng 10 giây thì trung tâm báo cháy hoạt động. Khi sử dụng tấm Film tác động vào đầu báo cháy, sau khoảng 10 giây thì trung tâm báo cháy hoạt động đồng thời kích hoạt hệ thống hoạt động bình thường.

3. Hệ thống chữa cháy tự động:

Nhà xưởng được lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động bằng nước theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt với tổng cộng 9.315 đầu phun Sprinkler. Đường ống cấp nước chữa cháy cho hệ thống Sprinkler có đường kính D34/27mm đấu nối chung với đường ống cấp nước chữa cháy chính D141mm & D219 cấp cho hệ thống chữa cháy trong, ngoài nhà. Thử nghiệm xác xuất 02 đầu phun cho thấy hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler hoạt động đảm bảo yêu cầu.

5. Hệ thống chống sét đánh thẳng:

Hệ thống chống sét đánh thẳng cho công trình sử dụng 07 kim thu sét chủ động có bán kính bảo vệ là R=110m. Tại thời điểm kiểm tra, chủ đầu tư đã tiến hành đo kiểm tra điện trở tiếp địa có các kim thu sét, kết quả kiểm tra < 10Ω đảm bảo theo TCVN 9385:2012.

6. Phương tiện chữa cháy tại chỗ: Tại thời điểm kiểm tra đã được trang bị 562 bình CO2 và 562 bình bột chữa cháy xách tay các loại bố trí phân tán tại các khu vực nhà máy.

7. Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn: Tại thời điểm kiểm tra, một số vị trí cửa thoát nạn được lắp đặt đèn chiều sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn.

III. Kết luận và kiến nghị:

1. Kết luận:

Tại thời điểm kiểm tra hệ thống, phương tiện PCCC lắp đặt tại công trình đảm bảo theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt và hoạt động bình thường

2. Kiến nghị:

- Trong quá trình hoạt động, công ty phải thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn phòng cháy chữa cháy tại cơ sở theo Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ.

- Đề nghị Công ty tiếp tục nâng bậc chịu lửa các kết cấu chịu lực chính (cột thép) của Nhà kho 7 đảm bảo theo QCVN 06:2010/BXD.

- Yêu cầu đơn vị thi công hệ thống PCCC hướng dẫn quy trình vận hành, sử dụng các hệ thống PCCC được lắp đặt tại công trình và bàn giao cho chủ đầu tư. Chủ đầu tư

có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống PCCC đã lắp đặt đảm bảo hệ thống PCCC luôn luôn hoạt động bình thường như tại thời điểm kiểm tra nghiệm thu.

- Yêu cầu chủ đầu tư lập hồ sơ quản lý về PCCC đối với công trình theo Điều 3 của Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an.

- Yêu cầu chủ đầu tư trang bị phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho lực lượng PCCC cơ sở theo quy định Thông tư số 56/2014/TT-BCA ngày 12/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an.

Biên bản lập xong hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày, gồm 05 trang được lập thành 04 bản và đã được đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	**ĐẠI DIỆN CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN**	**ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA**
CÔNG TY TNHH GREATWORLD GIA ĐỊNH	CÔNG TY CỔ PHẦN VINH TAM LONG	
TSAI YU MING	Triệu Hoàng Anh Tuấn	
	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN XÂY DỰNG FANSIPAN	
	Huỳnh Thanh Sang	
	CÔNG TY CỔ PHẦN VNDECO	
	PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	
	Nguyễn Ngọc Anh	

9甲乡行清防验收(非常重要) 6

CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

Số: 245 /PCCC-NT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Đồng Nai, ngày 27 tháng 8 năm 2020.

Kính gửi: Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền.

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung, một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về Phòng cháy và chữa cháy số 234/TD-PCCC do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Đồng Nai cấp ngày 19/6/2020;

Xét hồ sơ và đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền về việc kiểm tra nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với công trình Nhà ăn khu A.

Căn cứ Biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Đồng Nai lập ngày 25/8/2020;

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Đồng Nai chấp thuận kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy công trình: Nhà ăn khu A với nội dung sau:

I. Thông tin chung về công trình:

1. Tên công trình: Nhà ăn khu A.
2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền.
3. Địa điểm xây dựng: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai.
4. Quy mô công trình:

- Nhà ăn khu A có diện tích 1.261,6m^2, cao 01 tầng.

5. Các đơn vị thi công:

- Đại diện đơn vị thi công xây dựng: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại Đỗ Gia.
- Đại diện đơn vị thi công hệ thống PCCC: Công ty cổ phần Vinh Tam Long.

II. Các nội dung nghiệm thu về PCCC của chủ đầu tư:

1. Diện tích khoang cháy; Lối và đường thoát nạn;

2. Khoảng cách an toàn PCCC; Đường giao thông phục vụ chữa cháy;

3. Hệ thống cấp nước chữa cháy;

4. Hệ thống báo cháy tự động;

5. Hệ thống chống sét đánh thẳng;

6. Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn; Phương tiện chữa cháy tại chỗ.

III. Một số yêu cầu kèm theo:

Để bảo đảm an toàn PCCC cho công trình trong suốt quá trình sử dụng, đề nghị chủ đầu tư và các đơn vị có liên quan thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ;

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị PCCC và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan đã lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng./.

Nơi nhận:
- Như trên (để thực hiện);
- Cục C07 – BCA (báo cáo);
- Lưu: PC07 (TM, PC).

TRƯỞNG PHÒNG

Thượng tá Nguyễn Văn Hải

Mẫu số PC05
Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2014/TT-BCA, ngày 16/12/2014

9

CÔNG AN TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA NGHIỆM THU PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Hồi 09 giờ 00 phút, ngày 25 tháng 08 năm 2020.

Tại Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền.

Địa chỉ: KCN Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Chúng tôi gồm:

1. Ông Nguyễn Bá Giáp, Chức vụ: Đội trưởng – Đội công tác về phòng cháy;
2. Ông Đoàn Đức Trọng, Chức vụ: Cán bộ – Đội công tác về phòng cháy;
3. Ông Lê Văn Phong, Chức vụ: Phó Đội trưởng – Công an huyện Trảng Bom.

Đã tiến hành kiểm tra nghiệm thu về PCCC đối với công trình: "Nhà ăn khu A".

Đại diện chủ đầu tư: Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền.

1. Ông Tsai Yu Ming, Chức vụ: Tổng Giám đốc;

Quá trình kiểm tra có sự phối hợp của đơn vị liên quan:

Đại diện đơn vị thi tư vấn giám sát: Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Fansipan.

1. Ông Huỳnh Thanh Sang, Chức vụ: Giám đốc;

Đại diện đơn vị thi công xây dựng: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại Đỗ Gia.

1. Bà Tống Thị Ngọc Thêm, Chức vụ: Giám đốc;

Đại diện đơn vị thi công PCCC: Công ty cổ phần Vinh Tam Long

1. Ông Nguyễn Xuân Anh, Chức vụ: Giám đốc;

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

I. Hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật:

- Đơn xin nghiệm thu về PCCC;
- Bản sao GCN TD TK về PCCC số 96/TD-PCCC, ngày 25/03/2019 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Đồng Nai;
- Bản sao GCN kiểm định phương tiện phòng cháy và chữa cháy của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an tỉnh Đồng Nai về phương tiện PCCC lắp đặt tại công trình;
- Bản sao Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PCCC của Công ty cổ phần Vinh Tam Long.
- Các biên bản thử nghiệm, nghiệm thu từng phần, nghiệm thu tổng thể các hạng mục phòng cháy và chữa cháy;
- Tài liệu, quy trình hướng dẫn vận hành, bảo dưỡng các thiết bị, hệ thống phòng cháy và chữa cháy;
- Văn bản nghiệm thu hoàn thành hệ thống, thiết bị có liên quan về phòng cháy và chữa cháy;

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật đã được thẩm duyệt thiết kế về PCCC;
- Bản vẽ hoàn công hệ thống PCCC.

II. Kiểm tra thử nghiệm thực tế:

A. Về kiến trúc, kết cấu:

Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra nghiệm thu về PCCC tại Nhà ăn Khu A - Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền. Tại thời điểm kiểm tra, Công trình "Nhà ăn Khu A", cụ thể:

- Nhà ăn Khu A diện tích 1.261,6m^2, 01 tầng được xây dựng theo kết cấu cột, kèo thép, mái lợp tôn, cao 01 tầng. Qua kiểm tra, Nhà ăn Khu A có bố trí 03 cửa thoát nạn.

Về cơ bản phần kiến trúc, kết cấu thi công theo thiết kế đã được thẩm duyệt thiết kế về PCCC.

B. Về đường giao thông cho xe chữa cháy hoạt động: Tại thời điểm kiểm tra, đường giao thông thông thoáng đảm bảo cho xe chữa cháy chạy tiếp cận công trình.

C. Về hệ thống PCCC:

1. Hệ thống cấp nước chữa cháy:

- Nhà ăn khu A lắp đặt 04 họng cấp nước chữa cháy *(Mỗi họng cấp nước chữa cháy kèm theo 01 lăng chữa cháy D50/13mm, 01 cuộn vòi D50mm)*. Qua kiểm tra, tâm họng nước chữa cháy vách tường cách nền nhà khoảng 1,25m và được đấu nối với đường ống cấp nước chữa cháy hiện hữu.

Tiến hành kiểm tra thực tế tình trạng hoạt động của hệ thống với 02 lăng phun đồng thời, kết quả cho thấy cột nước của 02 lăng phun đạt trên 10m tia nước đặc.

2. Hệ thống báo cháy tự động:

- Nhà ăn Khu A lắp đặt lắp đặt 36 đầu báo cháy nhiệt, 04 bộ nút nhấn khẩn, chuông báo cháy kết nối với 01 trung tâm báo cháy hiện hữu tại nhà bảo vệ.

Tiến hành kiểm tra trạng thái hoạt động của hệ thống báo cháy tự động bằng phương pháp giả định dùng dùng ngọn lửa trần tác động vào đầu báo cháy nhiệt, sau khoảng 10 giây thì thấy tín hiệu báo cháy được truyền từ đầu báo cháy về trung tâm báo cháy và còi báo cháy hoạt động.

3. Hệ thống chống sét đánh thẳng:

- Hệ thống chống sét đánh thẳng lắp đặt cho Nhà ăn khu A 01 kim thu sét có bán kính bảo vệ là R=54m. Tại thời điểm kiểm tra, chủ đầu tư đã tiến hành đo kiểm tra điện trở tiếp địa có các kim thu sét, kết quả kiểm tra <10Ω đảm bảo theo TCVN 9385:2012.

4. Phương tiện chữa cháy tại chỗ:

Tại thời điểm kiểm tra, công trình đã trang bị 08 bình chữa cháy xách tay bằng bột loại 8kg; 08 bình chữa cháy xách tay bằng khí loại 5kg và các bộ nội

quy, tiêu lệnh PCCC. Qua kiểm tra, các bình chữa cháy xách tay được bố trí phân tán.

5. Hệ thống chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn:

Công trình lắp đặt 03 đèn chiếu sáng sự cố, 03 đèn chỉ dẫn thoát nạn. Qua kiểm tra đèn được bố trí ở các lối thoát nạn và hoạt động bình thường.

III. Kết luận và kiến nghị:

1. Kết luận: Tại thời điểm kiểm tra hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chống sét đánh thẳng, hệ thống chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn được lắp đặt tại công trình lắp đặt theo đúng thiết kế đã được thẩm duyệt về PCCC và hoạt động bình thường.

2. Kiến nghị:

- Đơn vị thi công hệ thống PCCC phải có trách nhiệm hướng dẫn quy trình vận hành, sử dụng các hệ thống PCCC được lắp đặt tại công trình cho chủ đầu tư.

- Chủ đầu tư phải lập hồ sơ quản lý công tác PCCC, chỉnh lý phương án chữa cháy tại cơ sở theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ, Thông tư 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an.

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 7 – Nghị định 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ;

- Thực hiện đúng quy định, quy trình về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan;

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động của các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan trong suốt quá trình hoạt động như tại thời điểm kiểm tra nghiệm thu.

Biên bản lập xong hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày, gồm 03 trang được lập thành 04 bản mỗi giữ một bản và đã đọc cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ LIÊN QUAN	ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA
TSAI-YU-MING	Nguyễn Xuân Anh	
	Tống Thị Ngọc Thêm	
	Huỳnh Thanh Sang	

CÔNG TY TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: .08./QĐ-UPSC	*Đồng Nai, ngày 16 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

V/v Thành lập Đội ứng phó sự cố chất thải và sự cố môi trường

Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.

Căn cứ vào điều 108 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy đinh chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Căn cứ Quyết định số 1251/QĐ – TTg ngày 26/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình tăng cường năng lực phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường cấp Quốc gia đến năm 2030.

Căn cứ vào Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính Phủ ngày 23/2/2023 Ban hành kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố chất thải giai đoạn 2023-2030.

Căn cứ Quyết định số 11/2025/QĐ – TTg ngày 23/04/2025 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành quy chế ứng phó sự cố chất thải.

Căn cứ yêu cầu thực hiện quy trình về Ứng phó sự cố chất thải và sự cố môi trường đối với hoạt động của Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền;

Căn cứ chức năng, quyền hạn của doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Phòng Hành chính doanh nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Đội ứng phó sự cố chất thải (SCCT) và sự cố môi trường (SCMT) của Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền:

Danh sách Đội ứng phó sự cố chất thải và sự cố môi trường của Công ty:

STT	Họ và tên	Chức danh trong cơ sở	Chức danh trong Ban	Nhiệm vụ	Số điện thoại
1	Nguyễn Như Chung	Giám đốc hành chính nhân sự	Trưởng ban chỉ huy	Chỉ đạo	0968354242

2	Hứa Lệ Mạnh	TB HSSE	Phó Trưởng ban	Kiểm tra, giám sát	0918509257
3	Võ Văn Hưng	Cán Bộ HSE	Tổng phụ trách	Kiểm tra, giám sát	0918422245
4	Phạm Thanh An	Cán Bộ HSE	Ủy viên thường trực	Kiểm tra, giám sát	0347733944

Điều 2. Đội ứng phó sự cố chất thải (SCCT) và sự cố môi trường (SCMT) của Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền có nhiệm vụ:

- Thực hiện ứng cứu khi có sự cố chất thải hoặc sự cố môi trường xảy ra trong Nhà máy.

- Tham gia diễn tập, thực tập các phương án phòng chống, ứng phó sự cố chất thải, sự cố môi trường.

- Thường xuyên kiểm tra, phát hiện sớm các nguy cơ có thể xảy ra sự cố chất thải, sự cố môi trường.

- Tham gia cứu nạn, khắc phụ hậu quả, xử lý sự cố chất thải và sự cố môi trường.

- Chấp hành nghiêm lệnh của người chỉ huy khi làm nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông (Bà) trong Ban Giám đốc công ty, Trưởng ban nghiệp vụ liên quan và các Ông (Bà) có tên trong điều 1 có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Lưu: VT

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN

TSAI YU MING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v: Thu gom, vận chuyển, và chuyển giao rác thải sinh hoạt thông thường)

Số/No: 05.2025/HĐCT/VX-KD

Căn cứ:

- Bộ luật Dân sự (sửa đổi) và Luật Thương mại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thông qua ngày 14/06/2005 tại kỳ họp thứ 7 – Quốc Hội khóa XI;
- Luật bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23 tháng 06 năm 2014
- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính Phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu
- Khả năng và nhu cầu của các bên

Hôm nay, ngày 02 tháng 05 năm 2025, chúng tôi gồm:

BÊN A	:	**CÔNG TY TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN**
Địa chỉ	:	Lô số 9, KCN Giang Điền, Xã An Viễn, Huyện Trảng Bom , Tỉnh Đồng Nai
MST	:	3603357615
Đại diện	:	**Ông: TSAI YU MING** Chức vụ : **TỔNG GIÁM ĐỐC**
BÊN B	:	**CÔNG TY TNHH TMDV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH VŨNG TÀU**
Địa chỉ	:	18A Tổ 19, Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu
MST	:	3502499564
Tài khoản	:	1038127132 -Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) - CN Thủ Đức
Đại diện	:	**Bà: MAI THỊ HOA** Chức vụ: **Giám đốc**

Hai Bên đã thảo luận và nhất trí ký Hợp đồng cung ứng dịch vụ về việc thu gom, vận chuyển, và chuyển giao rác thải sinh hoạt thông thường, không nguy hại (sau đây được gọi là "Hợp đồng") với các điều khoản và điều kiện như sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1. Bên A sẽ giao rác thải cho bên B tại bãi thu gom của Bên A (Địa chỉ: Lô số 9, KCN Giang Điền, Xã An Viễn, Huyện Trảng Bom , Tỉnh Đồng Nai) và Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải này theo đúng quy định của Pháp luật.

1.2. Thời gian thực hiện thu gom: Theo khối lượng thực tế chất thải phát sinh. Bên A thông báo cho Bên B thời gian thu gom trước ít nhất 01 ngày làm việc.

1.3. Thời hạn hiệu lực của Hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực 01 (một) năm, kể từ ngày ký.

ĐIỀU 2. GIÁ CẢ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá của dịch vụ thu gom, vận chuyển, chuyển giao rác thải được quy định tại Phụ lục Hợp đồng đính kèm với Hợp đồng này

2.2. Đơn giá đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển, chuyển giao

2.3. Đơn giá trên sẽ thay đổi khi có quy định mới liên quan của các cơ quan chính quyền hoặc có sự thoả thuận bằng văn bản trên cơ sở pháp lý giữa hai Bên.

2.4 Hàng tháng, Bên A thanh toán cho Bên B bằng phương thức chuyển khoản trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bộ chứng từ thanh toán hợp lệ.
Bộ chứng từ thanh toán hợp lệ bao gồm:
- Giấy đề nghị thanh toán
- Hoá đơn tài chính hợp lệ

2.5. Nếu quá thời hạn trên mà Bên A không thanh toán cho Bên B thì:
- Bên A phải chịu phạt với mức lãi suất theo mức lãi suất tín dụng quá hạn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán đối với phần giá trị chưa thanh toán.
- Bên B ngừng thu gom rác thải cho Bên A.

ĐIỀU 3. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Trách nhiệm của Bên A:

- Bên A phải bố trí điểm lấy rác thải ở vị trí xe ra vào thuận tiện.
- Mỗi khi xe của Bên B đến lấy, Bên A cử người hướng dẫn và cùng đại diện Bên B giám sát quá trình thu gom để đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường.
- Bên A sẽ hỗ trợ bên B trong việc thu gom tại địa điểm Bên A. Sau khi vận chuyển hết số rác thải theo yêu cầu của Bên A, đại diện các Bên phải cùng ký vào Biên bản xác nhận khối lượng rác thải sinh hoạt thông thường không độc hại để làm cơ sở thanh toán và thanh lý hợp đồng sau này.
- Chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên A đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.

3.2. Trách nhiệm của Bên B:

- Bên B tự chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải.
- Trong quá trình thực hiện việc thu gom, vận chuyển, Bên B phải tuyệt đối tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành của Pháp luật.
- Cán bộ, nhân viên của Bên B khi ra vào làm việc tại khu vực của Bên A phải chấp hành nội quy nơi làm việc, thực hiện theo đúng hệ thống quản lý an toàn và bảo vệ môi trường của Bên A để đảm bảo trật tự an toàn cho nơi làm việc của Bên A; nhân viên của Bên B phải tuyệt đối chấp hành mọi chỉ dẫn của người đại diện Bên A về việc đi lại, vị trí thu gom rác thải
- Có trách nhiệm ký vào Biên bản xác nhận khối lượng rác thải sinh hoạt thông thường không độc hại để làm cơ sở thanh toán và thanh lý hợp đồng sau này.

ĐIỀU 4. BẤT KHẢ KHÁNG

4.1. Bất khả kháng là bất kỳ sự kiện hay hoàn cảnh nào hoặc tập hợp của các sự kiện, hoàn cảnh nào vượt ra ngoài sự kiểm soát của các Bên làm cho Bên đó không thể thực hiện một phần hay toàn bộ trách nhiệm của mình theo hợp đồng bao gồm nhưng không hạn chế ở: thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, sự thay đổi của luật pháp, thay đổi chính sách và các quy định khác có tính chất tương tự của Nhà nước liên quan trực tiếp đến việc thực hiện Hợp đồng. Những khó khăn về sản xuất như không có giấy phép, mất điện, thiếu nguyên liệu, thiếu lao động, bãi công... không được xem là Bất khả kháng và không giải phóng các Bên khỏi trách nhiệm thực hiện hợp đồng hay là lý do chính đáng để các Bên trì hoãn hoặc kéo dài việc thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng.

4.2. Bên gặp phải Bất khả kháng phải thông báo cho Bên kia biết trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày. Nếu quá thời hạn trên mà không có thông báo thì sẽ không được chấp nhận là Bất khả kháng và bên bị ảnh hưởng của Bất khả kháng sẽ mất quyền miễn trách về Bất khả kháng. Nếu Bên nào bị ảnh hưởng của Bất khả kháng thì nghĩa vụ thực hiện hợp đồng của Bên đó sẽ được tạm dừng trong thời gian xảy ra Bất khả kháng cộng với thời gian hợp lý để khắc phục hậu quả Bất khả kháng. Bên bị ảnh hưởng của Bất khả kháng có trách nhiệm sử dụng những nỗ lực hợp lý để khắc phục ảnh hưởng của Bất khả kháng hoặc làm giảm nhẹ hậu quả của ảnh hưởng đó trong thời gian sớm nhất có thể.

4.3. Xác nhận của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là bằng chứng pháp lý xác nhận sự kiện và khoảng thời gian kéo dài của sự kiện Bất khả kháng.

ĐIỀU 5. BẢO MẬT THÔNG TIN

5.1. Tất cả các thông tin, bí quyết kỹ thuật và bất cứ tài liệu kỹ thuật bảo mật nào khác xuất phát từ bản hợp đồng này sẽ là tài sản của cả hai Bên và trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không được phép tiết lộ cho Bên thứ ba nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản của cả Bên A và Bên B

5.2. Trong trường hợp không có thoả thuận khác, Bên nào vi phạm sẽ phải đền bù cho Bên bị vi phạm toàn bộ những thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp do những vi phạm đó gây ra

5.3. Trách nhiệm giữ bảo mật của hai Bên trong điều khoản này sẽ không được áp dụng cho việc trình, báo cáo Công ty, Tổng công ty và các Công ty thành viên, Kiểm toán của cả hai Bên hoặc khi các cơ quan đại diện pháp luật yêu cầu

ĐIỀU 6. THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

6.1. Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản như đã thỏa thuận trong hợp đồng, không được đơn phương thay đổi hay hủy bỏ hợp đồng (trừ trường hợp pháp luật quy định). Bên nào vi phạm các điều khoản trên đây, không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng, sẽ bị phạt với mức phạt cụ thể dựa trên khung phạt Nhà nước quy định trong các văn bản pháp luật về hợp đồng

6.2. Mọi tranh chấp xảy ra nếu không cùng nhau thương lượng giải quyết được sẽ được đưa ra Tòa án cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật phân xử, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án là quyết định cuối cùng để hai Bên cùng tuân thủ. Các chi phí về kiểm tra, xác minh và lệ phí toà án do bên có lỗi chịu.

ĐIỀU 7. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

7.1. Hai Bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp gặp khó khăn trở ngại, hai Bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác, bình đẳng và cùng có lợi để đi tới thống nhất bằng văn bản và văn bản này được coi là một điều khoản của hợp đồng. Mọi sửa đổi hoặc bổ sung hợp đồng chỉ có giá trị khi được lập bằng văn bản và có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của hai Bên

7.2. Các Bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn. Trong trường hợp một trong hai Bên muốn chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản trước ít nhất 30 (ba mươi) ngày, trong đó nêu rõ lý do

7.3. Khi hiệu lực của Hợp đồng kết thúc và khi các Bên đã thực hiện đầy đủ các cam kết như đã thoả thuận thì Hợp đồng coi như đã được thanh lý

7.4. Những gì không được quy định trong hợp đồng này, hai Bên sẽ tuân thủ theo pháp luật hiện hành của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

7.5. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản và có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản để làm cơ sở thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
TSAI YU MING	**MAI THỊ HOA**
Tổng Giám đốc	**Giám đốc**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

(Vv: Thu gom, vận chuyển, và chuyển giao rác thải sinh hoạt thông thường)

Đính kèm Hợp đồng Số: 05.2025/HĐCT/VX-KD

Căn cứ Hợp đồng kinh tế về việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải số 05.2025/HĐCT/VX-KD ngày 02/05/2025 đã ký giữa Công ty TNHH GREAT KINGDOM Giang Điền và Công ty TNHH TM DV Môi trường Việt Xanh Vũng Tàu

ĐIỀU 1: CHỦNG LOẠI VÀ ĐƠN GIÁ

Stt	Loại chất thải	Đơn vị tính (ĐVT)	Đơn giá xử lý (VNĐ/ĐVT)	Ghi chú
1	Rác thải sinh hoạt (không chứa hoặc nhiễm thành phần nguy hại)	Tháng	20.000.000	

Ghi chú:

- *Đơn giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT), Bên A thực hiện thanh toán thuế VAT theo quy định hiện hành của nhà nước.*
- *Đơn giá đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý*

ĐIỀU 2: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Tất cả những nội dung không nêu trong bản Phụ lục hợp đồng này đều được thực hiện theo như Hợp đồng số *05.2025/HĐCT/VX-KD ngày 02/05/2025*
- Phụ lục này là một phần pháp lý không thể tách rời của Hợp đồng số *05.2025/HĐCT/VX-KD ngày 02/05/2025*
- Phụ lục này có hiệu lực từ ngày ký và được lập thành 04 (bốn) bản mỗi Bên giữ 02 (hai) bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
TSAI YU MING	**MAI THỊ HOA**
Tổng Giám đốc	**Giám đốc**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v: Thu gom, vận chuyển, và chuyển giao rác thải công nghiệp thông thường)

Số/No: 05.2025/HĐCT/VX-KD

Căn cứ:

- Bộ luật Dân sự (sửa đổi) và Luật Thương mại của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được thông qua ngày 14/06/2005 tại kỳ họp thứ 7 – Quốc Hội khóa XI;
- Luật bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 23 tháng 06 năm 2014
- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính Phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu
- Khả năng và nhu cầu của các bên

Hôm nay, ngày 02 tháng 05 năm 2025, chúng tôi gồm:

BÊN A	:	**CÔNG TY TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN**
Địa chỉ	:	Lô số 9, KCN Giang Điền, Xã An Viễn, Huyện Trảng Bom , Tỉnh Đồng Nai
Mã số thuế	:	3603357615
Đại diện	:	**Ông: TSAI YU MING** Chức vụ : **TỔNG GIÁM ĐỐC**
BÊN B	:	**CÔNG TY TNHH TM DV MÔI TRƯỜNG VIỆT XANH VŨNG TÀU**
Địa chỉ	:	18A Tổ 19, Khu phố Trảng Cát, Phường Hắc Dịch, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu
MST	:	3 5 0 2 4 9 9 5 6 4
Tài khoản	:	1038127132 -Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) - CN Thủ Đức
Đại diện	:	**Bà: MAI THỊ HOA** Chức vụ: **Giám đốc**

Hai Bên đã thảo luận và nhất trí ký Hợp đồng cung ứng dịch vụ về việc thu gom, vận chuyển, và chuyển giao rác thải công nghiệp thông thường, không nguy hại (sau đây được gọi là "Hợp đồng") với các điều khoản và điều kiện như sau:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1. Bên A sẽ giao rác thải cho bên B tại bãi thu gom của Bên A (Địa chỉ: Lô số 9, KCN Giang Điền, Xã An Viễn, Huyện Trảng Bom , Tỉnh Đồng Nai) và Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải này theo đúng quy định của Pháp luật.

1.2. Thời gian thực hiện thu gom: Theo khối lượng thực tế chất thải phát sinh. Bên A thông báo cho Bên B thời gian thu gom trước ít nhất 01 ngày làm việc.

1.3. Thời hạn hiệu lực của Hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực 01 (một) năm, kể từ ngày ký.

ĐIỀU 2. GIÁ CẢ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1. Đơn giá của dịch vụ thu gom, vận chuyển, và chuyển giao rác thải được quy định tại Phụ lục Hợp đồng đính kèm với Hợp đồng này

2.2. Đơn giá đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển, và chuyển giao

2.3. Đơn giá trên sẽ thay đổi khi có quy định mới liên quan của các cơ quan chính quyền hoặc có sự thoả thuận bằng văn bản trên cơ sở pháp lý giữa hai Bên.

2.4 Hàng tháng, Bên A thanh toán cho Bến B bằng phương thức chuyển khoản trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bộ chứng từ thanh toán hợp lệ.

15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bộ chứng từ thanh toán hợp lệ.
Bộ chứng từ thanh toán hợp lệ bao gồm:
- Giấy đề nghị thanh toán
- Hoá đơn tài chính hợp lệ

2.5. Nếu quá thời hạn trên mà Bên A không thanh toán cho Bên B thì:
- Bên A phải chịu phạt với mức lãi suất theo mức lãi suất tín dụng quá hạn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán đối với phần giá trị chưa thanh toán.
- Bên B ngừng thu gom rác thải cho Bên A.

ĐIỀU 3. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

3.1. Trách nhiệm của Bên A:

- Bên A phải bố trí điểm lấy rác thải ở vị trí xe ra vào thuận tiện.
- Mỗi khi xe của Bên B đến lấy, Bên A cử người hướng dẫn và cùng đại diện Bên B giám sát quá trình thu gom để đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường.
- Bên A sẽ hỗ trợ bên B trong việc thu gom tại địa điểm Bên A. Sau khi vận chuyển hết số rác thải theo yêu cầu của Bên A, đại diện các Bên phải cùng ký vào Biên bản xác nhận khối lượng rác thải sinh hoạt thông thường không độc hại để làm cơ sở thanh toán và thanh lý hợp đồng sau này.
- Chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên A đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này.

3.2. Trách nhiệm của Bên B:

- Bên B tự chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hoạt động dịch vụ thu gom, vận chuyển, và chuyển giao rác thải.
- Trong quá trình thực hiện việc thu gom, vận chuyển, Bên B phải tuyệt đối tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành của Pháp luật.
- Cán bộ, nhân viên của Bên B khi ra vào làm việc tại khu vực của Bên A phải chấp hành nội quy nơi làm việc, thực hiện theo đúng hệ thống quản lý an toàn và bảo vệ môi trường của Bên A để đảm bảo trật tự an toàn cho nơi làm việc của Bên A; nhân viên của Bên B phải tuyệt đối chấp hành mọi chỉ dẫn của người đại diện Bên A về việc đi lại, vị trí thu gom rác thải
- Có trách nhiệm ký vào Biên bản xác nhận khối lượng rác thải sinh hoạt thông thường không độc hại để làm cơ sở thanh toán và thanh lý hợp đồng sau này.

ĐIỀU 4. BẤT KHẢ KHÁNG

4.1. Bất khả kháng là bất kỳ sự kiện hay hoàn cảnh nào hoặc tập hợp của các sự kiện, hoàn cảnh nào vượt ra ngoài sự kiểm soát của các Bên làm cho Bên đó không thể thực hiện một phần hay toàn bộ trách nhiệm của mình theo hợp đồng bao gồm nhưng không hạn chế ở: thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, sự thay đổi của luật pháp, thay đổi chính sách và các quy định khác có tính chất tương tự của Nhà nước liên quan trực tiếp đến việc thực hiện Hợp đồng. Những khó khăn về sản xuất như không có giấy phép, mất điện, thiếu nguyên liệu, thiếu lao động, bãi công... không được xem là Bất khả kháng và không giải phóng các Bên khỏi trách nhiệm thực hiện hợp đồng hay là lý do chính đáng để các Bên trì hoãn hoặc kéo dài việc thực hiện nghĩa vụ của mình theo hợp đồng.

4.2. Bên gặp phải Bất khả kháng phải thông báo cho Bên kia biết trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày. Nếu quá thời hạn trên mà không có thông báo thì sẽ không được chấp nhận là Bất khả kháng và bên bị ảnh hưởng của Bất khả kháng sẽ mất quyền miễn trách về Bất khả kháng. Nếu Bên nào bị ảnh hưởng của Bất khả kháng thì nghĩa vụ thực hiện hợp đồng của Bên đó sẽ được tạm dừng trong thời gian xảy ra Bất khả kháng cộng với thời gian hợp lý để khắc phục hậu quả Bất khả kháng. Bên bị ảnh hưởng của Bất khả kháng có trách nhiệm sử dụng những nỗ lực hợp lý để khắc phục ảnh hưởng của Bất khả kháng hoặc làm giảm nhẹ hậu quả của ảnh hưởng đó trong thời gian sớm nhất có thể.

4.3. Xác nhận của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là bằng chứng pháp lý xác nhận sự kiện và khoảng thời gian kéo dài của sự kiện Bất khả kháng.

ĐIỀU 5. BẢO MẬT THÔNG TIN

5.1. Tất cả các thông tin, bí quyết kỹ thuật và bất cứ tài liệu kỹ thuật bảo mật nào khác xuất phát từ bản hợp đồng này sẽ là tài sản của cả hai Bên và trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng không được phép tiết lộ cho Bên thứ ba nếu không có sự chấp thuận bằng văn bản của cả Bên A và Bên B

5.2. Trong trường hợp không có thoả thuận khác, Bên nào vi phạm sẽ phải đền bù cho Bên bị vi phạm toàn bộ những thiệt hại trực tiếp hoặc gián tiếp do những vi phạm đó gây ra

5.3. Trách nhiệm giữ bảo mật của hai Bên trong điều khoản này sẽ không được áp dụng cho việc trình, báo cáo Công ty, Tổng công ty và các Công ty thành viên, Kiểm toán của cả hai Bên hoặc khi các cơ quan đại diện pháp luật yêu cầu

ĐIỀU 6. THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

6.1. Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản như đã thỏa thuận trong hợp đồng, không được đơn phương thay đổi hay hủy bỏ hợp đồng (trừ trường hợp pháp luật quy định). Bên nào vi phạm các điều khoản trên đây, không thực hiện hoặc đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng mà không có lý do chính đáng, sẽ bị phạt với mức phạt cụ thể dựa trên khung phạt Nhà nước quy định trong các văn bản pháp luật về hợp đồng

6.2. Mọi tranh chấp xảy ra nếu không cùng nhau thương lượng giải quyết được sẽ được đưa ra Tòa án cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật phân xử, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án là quyết định cuối cùng để hai Bên cùng tuân thủ. Các chi phí về kiểm tra, xác minh và lệ phí toà án do bên có lỗi chịu.

ĐIỀU 7. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

7.1. Hai Bên cần chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp gặp khó khăn trở ngại, hai Bên sẽ cùng nhau bàn bạc giải quyết trên tinh thần hợp tác, bình đẳng và cùng có lợi để đi tới thống nhất bằng văn bản và văn bản này được coi là một điều khoản của hợp đồng. Mọi sửa đổi hoặc bổ sung hợp đồng chỉ có giá trị khi được lập bằng văn bản và có chữ ký của đại diện có thẩm quyền của hai Bên

7.2. Các Bên có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn. Trong trường hợp một trong hai Bên muốn chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn thì phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản trước ít nhất 30 (ba mươi) ngày, trong đó nêu rõ lý do

7.3. Khi hiệu lực của Hợp đồng kết thúc và khi các Bên đã thực hiện đầy đủ các cam kết như đã thoả thuận thì Hợp đồng coi như đã được thanh lý

7.4. Những gì không được quy định trong hợp đồng này, hai Bên sẽ tuân thủ theo pháp luật hiện hành của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam

7.5. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản và có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản để làm cơ sở thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
TSAI YU MING	**MAI THỊ HOA**
Tổng Giám đốc	**Giám đốc**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

(Vv: Thu gom, vận chuyển, và chuyển giao rác thải công nghiệp thông thường)

Đính kèm Hợp đồng Số: 05.2025/HĐCT/VX-KD

Căn cứ Hợp đồng kinh tế về việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải số 05.2025/HĐCT/VX-KD ngày 02/05/2025 đã ký giữa Công ty TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN và Công ty TNHH TM DV Môi trường Việt Xanh Vũng Tàu.

ĐIỀU 1: CHỦNG LOẠI VÀ ĐƠN GIÁ

Stt	Loại chất thải	Đơn vị tính (ĐVT)	Đơn giá xử lý (VNĐ/ĐVT)	Ghi chú
1	Rác thải công nghiệp (không chứa hoặc nhiễm thành phần nguy hại)	Kg	2.000	

Ghi chú:

- *Đơn giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT), Bên A thực hiện thanh toán thuế VAT theo quy định hiện hành của nhà nước.*
- *Đơn giá đã bao gồm chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý*

ĐIỀU 2: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Tất cả những nội dung không nêu trong bản Phụ lục hợp đồng này đều được thực hiện theo như Hợp đồng số *05.2025/HĐCT/VX-KD ngày 02/05/2025*
- Phụ lục này là một phần pháp lý không thể tách rời của Hợp đồng số *05.2025/HĐCT/VX-KD ngày 02/05/2025*
- Phụ lục này có hiệu lực từ ngày ký và được lập thành 04 (bốn) bản mỗi Bên giữ 02 (hai) bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
TSAI YU MING	**MAI THỊ HOA**
Tổng Giám đốc	**Giám đốc**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẠI KHU CÔNG NGHIỆP GIANG ĐIỀN

Số: 40/HĐNT/GĐ

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ngày 26/06/2014 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/08/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Thông tư 35/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 về bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao;

Căn cứ Quyết định số 1054/QĐ-BTNMT ngày 21 tháng 5 năm 2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật KCN Giang Điền";

Căn cứ Quyết định số 187/QĐ-SZG-KT ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền về việc ban hành Quy định về bảo vệ môi trường tại KCN Giang Điền;

Căn cứ Giấy Chứng Nhận Đầu Tư số 6154618383 chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 08 năm 2008, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 07 tháng 12 năm 2017 do Ban Quản Lý các Khu Công Nghiệp Đồng Nai chứng nhận Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền là nhà đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu Công Nghiệp Giang Điền;

Căn cứ Hợp đồng thuê lại đất số 15/HĐTĐ/GĐ ngày 04/3/2016 ký giữa Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp và Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền và Phụ lục số 03 ngày 21 tháng 7 năm 2017 ký giữa Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền và Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền;

Căn cứ Hợp đồng cung cấp và sử dụng nước trong KCN Giang Điền số 215/2019/HĐN-SZG ngày 26/12/2019 ký giữa Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền và Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền,

Bản Hợp đồng xử lý nước thải tại Khu công nghiệp Giang Điền này (sau đây được gọi tắt là "***Hợp đồng***" hay ***"Hợp đồng xử lý nước thải"***) được ký ngày 31 tháng 3 năm 2020 giữa các Bên gồm:

BÊN THUÊ XỬ LÝ (BÊN A): CÔNG TY TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN

- Giấy chứng nhận ĐKĐT: Số 9876303670 chứng nhận lần đầu ngày 01 tháng 02 năm 2016, thay đổi lần thứ tư ngày 25 tháng 11 năm 2019 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp.
- Giấy chứng nhận ĐKDN: Số 3603357615 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 02 năm 2016, thay đổi lần thứ sáu ngày 17 tháng 01 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
- Địa chỉ : Lô số 9, KCN Giang Điền, Xã Giang Điền, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại : 0251.3931311
- Fax : 0251.3836842
- Số tài khoản : + Ngoại tệ : 010237015186
  + Nội tệ : 010200015186
  Tại Ngân hàng Mega International Commercial Bank – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh
- Mã số thuế : 3603357615
- Người đại diện : **Ông TSAI YU MING**
- Chức vụ : Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

BÊN NHẬN XỬ LÝ (BÊN B):

Bên cung cấp dịch vụ xử lý nước thải (Bên nhận xử lý) gồm có: (1) Chủ đầu tư hạ tầng Khu Công nghiệp và (2) Đơn vị vận hành nhà máy xử lý nước thải của KCN Giang Điền với thông tin chi tiết như sau:

Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật của Khu Công nghiệp:

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN
(CÔNG TY SONADEZI GIANG ĐIỀN)

- Giấy chứng nhận ĐKDN: Số 3603474037, đăng ký lần đầu ngày 01/7/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
- Địa chỉ : Tầng 1, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại : 84-251-3833388
- Fax : 84-251-3833399
- Số tài khoản thứ 1 : 111 002 630 704 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa

- Số tài khoản thứ 2 : 700 008 676 029 tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa
- Mã số thuế : 3603474037
- Người đại diện : **Bà NGUYỄN THỊ HẠNH**
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

Đơn vị vận hành nhà máy xử lý nước thải:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI (Dịch vụ Sonadezi)

- Giấy chứng nhận ĐKDN: Số 3600890938 thay đổi lần thứ 12 ngày 26/06/2019, do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
- Địa chỉ : Tầng 8, Tòa nhà Sonadezi, Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại : 84-251-8890 888
- Fax : 84-251-8890 199
- Số tài khoản : 0481000043367 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), Chi nhánh Biên Hòa
- Mã số thuế : 3600890938
- Người đại diện : Ông **TRẦN ANH DŨNG**
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

Các Bên đã cùng thảo luận và đồng ý ký Hợp đồng xử lý nước thải tại Khu công nghiệp Giang Điền với các điều kiện và điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA

Ngoại trừ trường hợp có ý nghĩa khác tùy theo ngữ cảnh, những từ và cụm từ dưới đây được định nghĩa như sau:

(i)	Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật của Khu công nghiệp/ Chủ đầu tư:	Là Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền
(ii)	Đơn vị vận hành nhà máy xử lý nước thải của KCN Giang Điền/ Đơn vị vận hành:	Là Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi
(iii)	Hai Bên:	Là Bên A và Bên B

(iv)	Các Bên:	Là Bên A, Bên B gồm Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật của Khu công nghiệp và Đơn vị vận hành nhà máy xử lý nước thải của KCN Giang Điền
(v)	Hợp đồng thuê lại đất	Là Hợp đồng cho thuê lại đất số 15/HĐTĐ/GĐ ký ngày 04/3/2016 giữa Bên A và Công ty CP Sonadezi Giang Điền
(vi)	Thời hạn của Hợp đồng thuê lại đất:	Là thời hạn được ghi trên Hợp đồng cho thuê lại đất số 15/HĐTĐ/GĐ
(vii)	Biên bản thỏa thuận về việc sử dụng hạ tầng KCN Giang Điền:	Là Biên bản số 01/BB-SZG-KTh ngày 20 / 12 /2017 ký giữa Bên A và Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật của Khu công nghiệp (Công ty Sonadezi Giang Điền) về việc sử dụng hạ tầng của KCN Giang Điền
(viii)	Hợp đồng xử lý nước thải/ Hợp đồng:	Là Hợp đồng xử lý nước thải tại KCN Giang Điền số 40/HĐNT/GĐ ngày 31/3/2020 ký giữa Bên A và Bên B.
(ix)	Ngày bàn giao:	Là ngày mà Bên A chính thức ký Biên bản bàn giao và nhận bàn giao Khu đất/Nhà xưởng thuê từ Công ty Sonadezi Giang Điền.
(x)	Việt Nam Đồng (VNĐ):	Là đơn vị tiền tệ của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam được dùng để thanh toán các khoản ghi trong *Hợp đồng* này.
(xi)	Thuế Giá trị gia tăng:	Là khoản thuế do Bên B chi trả phù hợp theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam. Thuế Giá trị gia tăng sẽ được điều chỉnh theo tỷ lệ do Nhà nước Việt Nam công bố tùy vào từng thời điểm.

ĐIỀU 2: NỘI DUNG CÔNG VIỆC VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

2.1. Bên A đồng ý thuê Bên B xử lý nước thải phát sinh từ nhà máy của Bên A tại đường số 5 và số 11 được thể hiện tại sơ đồ vị trí nhà máy/ hệ thống thoát nước thải hay sơ đồ mặt bằng bố trí hệ thống/ điểm đấu nối đính kèm.

2.2. Bên B đồng ý tiếp nhận và xử lý nước thải của Bên A đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn cho phép theo quy định tại cột A của quy chuẩn nước thải công nghiệp (QCVN 40:2011/BTNMT) và theo các quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam về bảo vệ môi trường và tài nguyên nước.

2.3. Thời hạn của *Hợp đồng* này được áp dụng theo *Thời hạn của Hợp đồng thuê lại đất*.

ĐIỀU 3: ĐIỀU KIỆN TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI

3.1. Thành phần và tính chất nước thải của Bên A chảy vào hệ thống thu gom nước thải của Khu Công nghiệp phải đảm bảo các điều kiện sau:

3.1.1. Thành phần và nồng độ nước thải của Bên A khi chảy vào hệ thống thu gom nước thải của Khu Công nghiệp không vượt quá trị số giới hạn quy định theo Phụ lục 1 kèm theo *Hợp đồng* này (sau đây gọi tắt là Phụ lục 1).

3.1.2. Khi Nhà nước điều chỉnh các tiêu chuẩn, quy chuẩn về nước thải so với quy định hiện hành, Bên B sẽ điều chỉnh giới hạn tiếp nhận của nhà máy xử lý nước thải quy định tại phụ lục 1 và Bên A phải nâng cấp hoặc xây dựng công trình xử lý nước thải cục bộ đảm bảo công suất xử lý, đạt giới hạn tiếp nhận điều chỉnh. Bên B chỉ chịu trách nhiệm xử lý nước thải sau khi Bên A xử lý cục bộ đạt giới hạn tiếp nhận điều chỉnh.

3.1.3. Trong trường hợp Bên A vi phạm các điểm nêu ở Điểm 3.1.1. và 3.1.2. trên đây mà gây thiệt hại cho Bên B thì Bên A phải bồi thường hoặc chi trả thêm cho Bên B chi phí phát sinh do những thiệt hại đó. Chi phí này sẽ do Bên B xác định.

3.2. Lưu lượng nước thải tiếp nhận:

3.2.1. Lượng nước thải tiếp nhận tối đa của Bên A là 272 m^3/ngày đêm *(bằng chữ:Hai trăm bảy mươi hai mét khối trên ngày đêm)*

3.2.2. Trường hợp, Bên A muốn tăng lưu lượng nước thải, Bên A phải thông báo cho Bên B bằng văn bản trước 06 tháng và phải được sự chấp nhận của Bên B. Hai bên sẽ điều chỉnh Điểm 3.2.1. này bằng biên bản thỏa thuận hoặc Phụ lục hợp đồng.

3.3. Vị trí và điều kiện kỹ thuật khác

3.3.1. Nước thải của Bên A được Bên B tiếp nhận khi hệ thống thoát nước thải từ nhà máy của Bên A được đấu nối đúng vị trí quy định với hệ thống thu gom nước thải của KCN và đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật tại *Biên bản thỏa thuận về việc sử dụng hạ tầng KCN Giang Điền.*

3.3.2. Tại vị trí đấu nối có thể sẽ lắp đặt van khống chế (tùy theo tính chất nước thải đấu nối của Bên A và việc tuân thủ các điều khoản của *Hợp đồng* này). Việc lắp đặt này sẽ được *Hai bên* thống nhất bằng biên bản thỏa thuận hoặc Phụ lục *Hợp đồng.*

ĐIỀU 4: PHÍ XỬ LÝ, KHỐI LƯỢNG TÍNH PHÍ, PHƯƠNG THỨC VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN

4.1. Phí xử lý nước thải:

4.1.1. Phí xử lý nước thải sẽ được tính theo đơn vị tiền Việt Nam Đồng (VNĐ).

4.1.1.1. Phí xử lý nước thải áp dụng cho năm 2020 là: **7.394 VNĐ/m^3** *(bằng chữ: Bảy ngàn ba trăm chín mươi tư đồng trên một mét khối)* nước thải *(đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT).*

+ Đơn giá này được áp dụng trong trường hợp thành phần và nồng độ nước thải của Bên A đạt yêu cầu theo quy định tại Phụ lục 1.

+ Bên A trả phí xử lý nước thải cho Bên B kể từ ngày lập Biên bản xác nhận đấu nối nước thải.

4.1.1.2. Phí xử lý nước thải sẽ được Bên B điều chỉnh hàng năm. Định kỳ vào tháng 12 hàng năm, Bên B sẽ thông báo phí xử lý nước thải của năm kế tiếp bằng văn bản cho Bên A.

4.1.2. Trong trường hợp Bên A xả nước thải có thành phần và nồng độ chất ô nhiễm vượt quá giới hạn quy định tại Phụ lục 1, Bên A phải trả thêm chi phí để bên B khắc phục sự cố do việc xả nước thải vượt quá giới hạn nói trên. Chi phí trả thêm này do Bên B xác định.

4.1.3. Trong trường hợp Bên A có yêu cầu xử lý nước thải có thành phần và nồng độ không đáp ứng giới hạn quy định tại Phụ lục 1 thì Bên A phải báo cho Bên B biết để có những thỏa thuận khác trước khi thực hiện. Bên B có quyền chấp thuận hoặc từ chối thực hiện.

4.2. Lượng nước thải tính phí:

Lượng nước thải tính phí được xác định bằng 80% lượng nước sạch ghi trên hóa đơn cấp nước cho nhà máy của Bên A.

4.3. Phương thức và thời hạn thanh toán:

4.3.1. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt.

4.3.2. Thời hạn thanh toán: hàng tháng, *Chủ đầu tư* sẽ gửi giấy báo thu phí xử lý nước thải cho Bên A và Bên A có trách nhiệm thanh toán cho *Chủ đầu tư* trong thời hạn 10 *(mười)* ngày kể từ ngày nhận được thông báo của *Chủ đầu tư.*

ĐIỀU 5: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

5.1. Trách nhiệm của Bên A:

5.1.1. Thực hiện đầy đủ các cam kết ghi trong *Hợp đồng* này.

5.1.2. Thanh toán đủ phí xử lý nước thải theo quy định tại Điều 4 của *Hợp đồng* này. Thanh toán phí giao dịch ngân hàng (nếu có).

5.1.3. Thông báo cho Bên B bằng văn bản trước 10 *(mười)* ngày làm việc trong trường hợp Bên A thay đổi thông tin xuất hóa đơn.

5.1.4. Bồi thường hoặc chi trả thêm cho Bên B chi phí phát sinh trong trường hợp Bên A vi phạm các điểm nêu ở Điểm 3.1.1; 3.1.2. và 4.1.2 của *Hợp đồng* này. Chi phí này sẽ do Bên B xác định.

5.1.5. Không sử dụng các nguồn nước khác (nước ngầm, nước mặt, nước mưa…) ngoài nguồn nước sạch được cấp từ Nhà máy cấp nước của KCN Giang Điền và được đo lường khối lượng nước cấp qua hệ thống đồng hồ đo do *Chủ đầu tư* chấp nhận. Trường hợp Bên A được phép sử dụng các nguồn nước khác, Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B biết để thỏa thuận trước khi sử dụng. Bên A sẽ phải trả đầy đủ mọi thiệt hại cho Bên B khi sử dụng các nguồn nước khác mà không được sự chấp thuận của Bên B. Giá trị thiệt hại này do Bên B xác định.

5.1.6. Bên A có trách nhiệm tách riêng biệt và triệt để hệ thống thoát nước mưa và nước thải cục bộ của mình và có trách nhiệm kiểm tra và kiểm soát thường xuyên để đảm bảo tách riêng biệt giữa hệ thống thoát nước mưa và nước thải cục bộ. Bên A phải thực hiện ngay biện pháp khắc phục khi không đảm bảo việc tách riêng triệt để hệ thống thoát nước mưa, nước thải cục bộ và chịu hoàn toàn mọi trách nhiệm pháp lý có liên quan. Đồng thời, Bên A phải bồi thường thiệt hại cho Bên B và các thiệt hại khác (nếu có) liên quan đến việc không đảm bảo hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải cục bộ được tách riêng biệt và hoàn toàn. Giá trị bồi thường này do Bên B xác định.

5.2. Trách nhiệm của Bên B:

5.2.1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

5.2.1.1. Tiếp nhận và xử lý nước thải tiếp nhận từ nhà máy của Bên A đạt yêu cầu theo Quy chuẩn quy định tại Phụ lục 1.

5.2.1.2. Kiểm tra định kỳ và đột xuất nhà máy xử lý nước thải để đảm bảo nhà máy xử lý nước thải luôn vận hành ổn định và xử lý nước thải đầu ra đạt yêu cầu theo quy định của Nhà nước Việt Nam.

5.2.1.3. Chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý môi trường về việc xử lý nước thải cho Bên A trong phạm vi quy định của *Hợp đồng* này.

5.2.1.4. Thông báo cho cơ quan chức năng có thẩm quyền trong trường hợp Bên A vi phạm mục 3.1, 5.1.5 và 5.1.6 của *Hợp đồng* này.

5.2.2. Trách nhiệm của Đơn vị vận hành xử lý:

5.2.2.1. Thực hiện việc xử lý như quy định tại Điểm 2.2.

5.2.2.2. Định kỳ thực hiện công tác duy tu bảo dưỡng máy móc, thiết bị nhằm đảm bảo tính ổn định và hiệu quả của nhà máy xử lý nước thải.

5.2.2.3. Định kỳ kiểm tra tính chất nước thải tại vị trí đấu nối của Bên A.

5.2.2.4. Nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp đầy đủ và đúng hạn.

5.2.2.5. Chịu trách nhiệm chính trong việc vận hành và xử lý nước thải đạt quy chuẩn xả thải cho phép theo quy định hiện hành.

5.3. Phối hợp xử lý giữa các bên khi xảy ra sự cố (nếu có):

5.3.1. Trường hợp nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Giang Điền xảy ra sự cố gây ảnh hưởng đến khả năng tiếp nhận nước thải hoặc khả năng xử lý nước thải đạt quy chuẩn xả thải cho phép theo quy định, *Đơn vị vận hành* có trách nhiệm thông báo kịp thời bằng điện thoại hoặc bằng văn bản đến *Chủ đầu tư* và Bên A. Đồng thời, triển khai các biện pháp ứng phó sự cố cần thiết, không xả thải nước thải chưa đạt quy chuẩn xả thải cho phép ra môi trường.

5.3.2. Trường hợp chất lượng nước thải đấu nối của Bên A vượt giới hạn tiếp nhận hoặc công trình xử lý nước thải cục bộ của Bên A (nếu có) xảy ra sự cố gây quá tải về lưu lượng nước thải đấu nối hoặc chất lượng nước thải đấu nối vượt giới hạn tiếp nhận, Bên A phải thông báo bằng điện thoại hoặc bằng văn bản cho *Chủ đầu tư* và *Đơn vị vận hành* ngay khi sự cố xảy ra để cùng phối hợp xử lý. Bên A phải đảm bảo việc lưu giữ nước thải chưa đạt giới hạn tiếp nhận khi xảy ra sự cố và chỉ được phép xả nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của Khu Công nghiệp khi đạt giới hạn tiếp nhận.

5.3.3. Ngay sau khi nhận được thông báo về sự cố, các Bên có trách nhiệm phối hợp xử lý sự cố tùy theo phạm vi trách nhiệm và chức năng hoạt động của mình. Việc xử lý sự cố sẽ được các Bên thỏa thuận thực hiện tùy từng sự cố.

ĐIỀU 6: TẠM NGƯNG TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI, CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

6.1. Bên B có quyền tạm ngưng tiếp nhận nước thải của Bên A trong các trường hợp sau:

6.1.1. Trong trường hợp phát hiện nước thải của Bên A không đảm bảo các yêu cầu quy định tại Điều 3.

6.1.2. Trong trường hợp phát hiện hệ thống thoát nước thải của Bên A có nước mưa chảy vào và ngược lại hệ thống thoát nước mưa có nước, nước thải chảy vào.

6.1.3. Bên A không thanh toán phí xử lý nước thải theo Điều 4 sau 2 kỳ *Chủ đầu tư* đã gửi giấy báo liên tiếp.

6.1.4. Việc ngưng tiếp nhận nước thải của Bên A do vi phạm mục 6.1.1 và 6.1.2 sẽ được Bên B áp dụng các biện pháp thực hiện tương ứng theo từng trường hợp cụ thể sau:

6.1.4.1. Bên B sẽ thông báo hoặc lập Biên bản và yêu cầu Bên A khắc phục ngay. Nếu Bên A không khắc phục sau 15 *(mười lăm)* ngày làm việc, Bên B được quyền ngưng tiếp nhận nước thải.

6.1.4.2. Trong trường hợp có nguy cơ gây ảnh hưởng đến khả năng tiếp nhận, khả năng xử lý nước thải của nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN hoặc gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, Bên B được quyền ngưng tiếp nhận ngay lập tức tại thời điểm phát hiện.

6.1.4.3. Trong các trường hợp cần thiết, Bên B sẽ xem xét tạm ngưng cung cấp nước sạch và các dịch vụ hạ tầng của Bên A theo các điều khoản nêu trên.

6.1.5. Trong thời gian Bên B tạm ngưng thực hiện dịch vụ xử lý nước thải, Bên B sẽ miễn trừ và không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc xả thải của Bên A.

6.1.6. Bên B chỉ tiếp nhận lại nước thải của Bên A sau khi Bên A khắc phục các vi phạm nêu trên.

6.2. *Hợp đồng* này sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

6.2.1. Hết thời hạn theo quy định tại Khoản 2.3, Điều 2 của *Hợp đồng* này.

6.2.2. Bên A không thực hiện đủ các trách nhiệm quy định tại Khoản 5.1 của *Hợp đồng* này.

6.2.3. Hai bên đồng ý chấm dứt *Hợp đồng* trước thời hạn. Một trong các Bên muốn kết thúc *Hợp đồng* trước thời hạn, phải thông báo cho Bên còn lại bằng văn bản trước thời điểm kết thúc *Hợp đồng* ít nhất 01 *(một)* tháng.

6.2.4. Hai bên không thống nhất được phí xử lý nước thải quy định tại Khoản 4.1, Điều 4 của *Hợp đồng* này.

6.2.5. Khi chấm dứt *Hợp đồng*, Bên A vẫn phải trả đủ cho Bên B các khoản phí xử lý chưa thanh toán và chịu trách nhiệm trước các cơ quan quản lý nhà nước về các vấn đề liên quan đến lượng nước thải phát sinh do hoạt động của mình tại Khu Công nghiệp.

ĐIỀU 7: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG VÀ XỬ LÝ TRANH CHẤP

7.1. Hai Bên đồng ý miễn trừ trách nhiệm về sự mất mát, tổn thương, trễ nải, thiệt hại hay bất cứ tổn thất nào xảy đến cho Bên kia do những sự phê duyệt quy chế hay hướng dẫn của Chính phủ, do việc bộc phát tình trạng khẩn trương, các hoạt động thù nghịch, chiến tranh, các biến động dân sự, bạo loạn, bệnh dịch, thiên tai, hỏa hoạn, động đất hay những nguyên nhân tương tự xảy ra ngoài tầm kiểm soát của Các Bên.

7.2. Các tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng trước hết phải được hai bên giải quyết qua con đường thương lượng hòa giải. Trong trường hợp thương lượng hòa giải không giải quyết được tranh chấp thì hai bên sẽ đồng ý đưa vụ tranh

chấp đó ra Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa để phân xử và hai bên chịu sự phán quyết theo quyết định của tòa án trên.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

8.1. *Hợp đồng* này được xây dựng trên cơ sở căn cứ các quy định của Luật pháp Việt Nam. Trong quá trình thực hiện *Hợp đồng*, khi Pháp luật Việt Nam hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền có sự thay đổi hoặc điều chỉnh về các Luật định, quyết định hay các quy chế, văn bản pháp lý khác có liên quan, ảnh hưởng đến việc thực hiện các điều khoản của *Hợp đồng* này thì Hai bên phải tuân thủ và thực hiện theo.

8.2. Sự vô hiệu hoặc không thực thi của bất kỳ điều khoản nào nêu tại *Hợp đồng* này sẽ không làm ảnh hưởng, vô hiệu hóa, tạo hoặc gây ra sự không thực thi đối với các điều khoản còn lại của *Hợp đồng* này.

8.3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

8.4. Trường hợp hiệu chỉnh và/hoặc bổ sung nội dung của *Hợp đồng* này sẽ được quy định cụ thể thông qua Phụ lục *Hợp đồng* và được ký kết bởi Hai Bên.

8.5. *Hợp đồng* này gồm 10 *(mười)* trang, được lập thành 06 (sáu) bản Tiếng Việt, Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 04 (bốn) bản. Các bên đã đọc nội dung, hoàn toàn am hiểu và nhìn nhận là thể hiện đúng ý định của mình.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**	
Tổng Giám Đốc	**Tổng Giám Đốc**	**Tổng Giám Đốc**
TSAI YU MING	**Nguyễn Thị Hạnh**	**Trần Anh Dũng**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN GHI NHỚ
Về việc thông báo phí xử lý nước thải

– Căn cứ Hợp đồng xử lý nước thải số 40/HĐNT/GĐ ngày 31 tháng 3 năm 2020 giữa Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền, Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi và Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền

Hôm nay, ngày 31 tháng 3 năm 2020, chúng tôi gồm có:

BÊN THUÊ XỬ LÝ (BÊN A): CÔNG TY TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN

- Địa chỉ : Lô số 9, KCN Giang Điền, Xã Giang Điền, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại : 0251.3931311
- Fax : 0251.3836842
- Người đại diện : **Ông TSAI YU MING**
- Chức vụ : Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

BÊN NHẬN XỬ LÝ (BÊN B):

Chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật của Khu Công nghiệp:

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN

- Địa chỉ : Tầng 1, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại : 84-251-3833388
- Fax : 84-251-3833399
- Người đại diện : **Bà NGUYỄN THỊ HẠNH**
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

Đơn vị vận hành nhà máy xử lý nước thải:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SONADEZI

- Địa chỉ : Tầng 8, Tòa nhà Sonadezi, Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại : 84-251-8890 888
- Fax : 84-251-8890 199
- Người đại diện : Ông **TRẦN ANH DŨNG**

- Chức vụ : Tổng Giám đốc

Hai Bên đã thảo luận và đồng ý ký Biên bản ghi nhớ về cách xác định thời điểm và phương pháp tính phí xử lý nước thải của Hợp đồng xử lý nước thải số 40/HĐNT/GĐ ngày 31 tháng 3 năm 2020 với nội dung như sau:

1. Đơn giá xử lý nước thải được tính theo đơn vị tiền Việt Nam Đồng (VNĐ). Cách tính dựa trên đơn giá xử lý nước thải tại KCN Giang Điền là 0,32 USD/m^3 nước thải nhân với tỷ giá mua vào chuyển khoản do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam niêm yết vào ngày giao dịch đầu tiên của tháng 12.
2. Đơn giá được áp dụng trong trường hợp thành phần và nồng độ nước thải của Bên A đạt yêu cầu theo quy định tại Phụ lục 1 của Hợp đồng xử lý nước số 40/HĐNT/GĐ ngày 31 tháng 3 năm 2020 đã ký giữa hai Bên.
3. Đơn giá này sẽ được xem xét điều chỉnh trong trường hợp có biến động lớn về giá (gồm các loại giá chủ yếu như điện, nước, hóa chất, công lao động hoặc có sự thay đổi về chính sách của Nhà nước và quy định của Khu công nghiệp).
4. Hàng năm, định kỳ vào tháng 12 Bên B sẽ thông báo phí xử lý nước thải của năm kế tiếp cho Bên A.
5. Hai Bên cùng thống nhất với các nội dung trên. Biên bản làm việc này được lập thành 06 (sáu) bản Tiếng Việt, Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 04 (bốn) bản. Các bên đã đọc nội dung, hoàn toàn am hiểu và nhìn nhận là thể hiện đúng ý định của mình.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**	
Tổng Giám Đốc	**Tổng Giám Đốc**	**Tổng Giám Đốc**
TSAI YU MING	**Nguyễn Thị Hạnh**	**Trần Anh Dũng**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1 – HỢP ĐỒNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SỐ 40/HĐNT/GĐ

1. Giới hạn tiếp nhận vào nhà máy XLNT

Thứ tự No.	Thông số Parameters and substances	Đơn vị Unit	Trị số giới hạn Influent Limits
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Nhiệt độ	^oC	35
2	Màu sắc	Pt/Co (pH=7)	50
3	pH	-	5-9
4	BOD_5 (20^oC)	mg/l	300
5	COD	mg/l	500
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	300
7	Asenic	mg/l	0,0405
8	Thuỷ ngân	mg/l	0,00405
9	Chì	mg/l	0,081
10	Cadimi	mg/l	0,0405
11	Crom (VI)	mg/l	0,0405
12	Crom (III)	mg/l	0,162
13	Đồng	mg/l	1,62
14	Kẽm	mg/l	2,43
15	Niken	mg/l	0,162
16	Mangan	mg/l	1
17	Sắt	mg/l	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,0567
19	Tổng phenol	mg/l	0,081
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
21	Sunfua	mg/l	1
22	Florua	mg/l	15
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	15
24	Tổng nitơ	mg/l	60
25	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	8
26	Clorua	mg/l	450
27	Clo dư	mg/l	5
28	Tổng hoá chất BVTV clo hữu cơ	mg/l	0,0405
29	Tổng hoá chất BVTV phốt pho hữu cơ	mg/l	0,243
30	Tổng PCB	mg/l	0,00243
31	Coliform	MPN/100ml	Không giới hạn
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0

Thứ tự No.	Thông số Parameters and substances	Đơn vị Unit	Trị số giới hạn Influent Limits
(1)	(2)	(3)	(4)
34	Rác, đất, cát		Không có
35	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	5
36	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500
37	Dầu, mỡ động thực vật	mg/l	20

2. Chất lượng nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải

Chất lượng nước thải xả ra nguồn tiếp nhận của nhà máy xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp được áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp hiện hành.

Khi Nhà nước Việt Nam ban hành quy định mới thì bên B sẽ xem xét điều chỉnh giới hạn tiếp nhận cho phù hợp.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B	
Tổng Giám Đốc	Tổng Giám Đốc	Tổng Giám Đốc
TSAI YU MING	Nguyễn Thị Hạnh	Trần Anh Dũng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 03

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT ĐỂ XÂY DỰNG NHÀ MÁY TẠI KHU CÔNG NGHIỆP GIANG ĐIỀN SỐ 15/HĐTĐ/GĐ

Căn cứ Hợp đồng thuê đất tại KCN Giang Điền số 15/HĐTĐ/GĐ ngày 04 tháng 3 năm 2016 ký giữa Tổng Công ty Sonadezi và Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền (sau đây gọi tắt là Hợp đồng cho thuê lại đất số 15/HĐTĐ/GĐ);

Căn cứ Phụ lục số 01 Hợp đồng thuê đất tại KCN Giang Điền số 15/HĐTĐ/GĐ ngày 20 tháng 9 năm 2016 ký giữa Tổng Công ty Sonadezi và Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền;

Căn cứ Phụ lục số 02 Hợp đồng thuê đất tại KCN Giang Điền số 15/HĐTĐ/GĐ ngày 02 tháng 02 năm 2017 ký giữa Tổng Công ty Sonadezi và Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3603474037 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 7 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền;

Căn cứ Văn bản số 11392/UBND-KT ngày 24/11/2016 của Ủy Ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thành lập Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền.

Căn cứ Biên bản bàn giao ngày 07/07/2017 giữa Tổng Công ty Cổ phần Phát triển KCN và Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền về việc bàn giao các dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển KCN;

Căn cứ Thông báo số 550/TB-SNZ ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp về việc giới thiệu tên pháp nhân mới và mẫu dấu của Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (ĐKDN) số 3603357615, đăng ký lần đầu ngày 04/02/2016, thay đổi lần thứ ba ngày 12/12/2016 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (ĐKĐT) số 9876303670, đăng ký lần đầu ngày 01/02/2016, thay đổi lần thứ hai ngày 28/12/2016 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền;

Xét vì Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp chuyển giao dự án KCN Giang Điền cho Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền kể từ ngày 01/07/2017, theo đó Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền thay thế Tổng Công ty Sonadezi chịu trách nhiệm thực hiện toàn bộ các quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty TNHH Great Kingdom Giang Điền và của Tổng Công ty Sonadezi trên cơ sở tôn trọng và đảm bảo các cam kết được nêu tại Hợp đồng số 15/HĐTĐ/GĐ,

Phụ lục Hợp đồng số 03 của Hợp đồng thuê đất để xây dựng nhà máy tại Khu Công nghiệp Giang Điền số 15/HĐTĐ/GĐ ngày 04/03/2016 được lập ngày 21 tháng 7. năm 2017 *(sau đây gọi tắt là Phụ lục Hợp đồng số 03)* giữa các Bên gồm:

BÊN CHO THUÊ (BÊN A): CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN (SONADEZI GIANG ĐIỀN)

- Giấy chứng nhận ĐKDN: Số 3603474037, đăng ký lần đầu ngày 01/7/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
- Địa chỉ : Tầng 1, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại : 84-251-3833388
- Fax : 84-251-3833399
- Số tài khoản thứ 1 : 111 002 630 704 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa
- Số tài khoản thứ 2 : 700 008 676 029 tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa
- Mã số thuế : 3603474037
- Người đại diện : **Bà NGUYỄN THỊ HẠNH**
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

BÊN THUÊ (BÊN B): CÔNG TY TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN

- Giấy chứng nhận ĐKĐT: Số 9876303670, đăng ký lần đầu ngày 01/02/2016, thay đổi lần thứ hai ngày 28/12/2016 do Ban Quản lý các KCN tỉnh Đồng Nai cấp.
- Giấy chứng nhận ĐKDN: Số 3603357615, đăng ký lần đầu ngày 04/02/2016, thay đổi lần thứ ba ngày 12/12/2016 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
- Địa chỉ : Lô số 9, KCN Giang Điền, Xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại : 84 – 251 – 3967 801
- Fax : 84 – 251 – 3967 802
- Số tài khoản :+ Ngoại tệ : 010 237 015 186
  + Nội tệ : 010 200 015 186
  Tại Ngân hàng Mega International Commercial Bank – chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
- Mã số Thuế : 3603357615
- Người đại diện : **Ông TSAI YU MING**
- Chức vụ : Chủ Tịch kiêm Tổng Giám Đốc

Hai Bên đã thảo luận và đồng ý ký *Phụ lục Hợp đồng số 03* của Hợp đồng thuê lại đất số 15/HĐTĐ/GĐ này với những điều khoản và điều kiện cụ thể như sau:

ĐIỀU 1: THAY ĐỔI TÊN VÀ THÔNG TIN PHÁP NHÂN CỦA BÊN A ĐỐI VỚI HỢP ĐỒNG SỐ 15/HĐTĐ/GĐ, PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 01 CỦA HỢP ĐỒNG SỐ 15/HĐTĐ/GĐ.

1.1. Bên A và Bên B đồng ý và thống nhất thay đổi tên và thông tin pháp nhân của Bên A đối với Hợp đồng số 15/HĐTĐ/GĐ, Phụ lục Hợp đồng số 01 và Phụ lục Hợp đồng số 02 của Hợp đồng số 15/HĐTĐ/GĐ.

1.2. Tên và thông tin pháp nhân của Bên A như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN
(SONADEZI GIANG ĐIỀN)

- Giấy chứng nhận ĐKDN: Số 3603474037, đăng ký lần đầu ngày 01/7/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.
- Địa chỉ : Tầng 1, số 1, đường 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- Điện thoại : 84-251-3833388
- Fax : 84-251-3833399
- Số tài khoản thứ 1 : 111 002 630 704 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa
- Số tài khoản thứ 2 : 700 008 676 029 tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa
- Mã số thuế : 3603474037
- Người đại diện : **Bà NGUYỄN THỊ HẠNH**
- Chức vụ : Tổng Giám đốc

ĐIỀU 2: HỦY BỎ ĐIỀU 2 CỦA PHỤ LỤC SỐ 01 HỢP ĐỒNG SỐ 15/HĐTĐ/GĐ

Hủy bỏ Điều 2 của Phụ lục số 01 của Hợp đồng số 15/HĐTĐ/GĐ:

Bên B thanh toán và chuyển khoản các khoản phí với thời hạn thanh toán nêu tại Hợp đồng thuê lại đất số 15/HĐTĐ/GĐ và Phụ lục Hợp đồng số 01 này cho Xí nghiệp Dịch vụ KCN Giang Điền căn cứ vào Giấy báo thanh toán và Xí nghiệp Dịch vụ KCN Giang Điền xuất Hóa đơn GTGT cho Bên B theo thông tin như sau:

XÍ NGHIỆP DỊCH VỤ KHU CÔNG NGHIỆP GIANG ĐIỀN –
CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP

- Địa chỉ : KCN Giang Điền, xã Giang Điền, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;
- Điện thoại : 061.8966.688
- Mã số thuế : 3600335363 - 013
- Số tài khoản : 1020 1000 124 0308 tại Ngân hàng TMCP Công thương, chi nhánh KCN Biên Hòa

ĐIỀU 3: ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

3.1 *Phụ lục Hợp đồng số 03 này* là một phần không thể tách rời của Hợp đồng thuê đất số 15/HĐTĐ/GĐ ngày 04/03/2016 và các Phụ lục Hợp đồng có liên quan (nếu có) và nội dung thể hiện trong *Phụ lục Hợp đồng số 03 này* thay thế cho tất cả các thỏa thuận bằng lời nói hay các trao đổi, cam kết trước đây giữa Hai Bên.

3.2 Ngoài các nội dung được sửa đổi theo *Phụ lục số 03 này*, tất cả các điều khoản, điều kiện khác của Hợp đồng thuê đất số 15/HĐTĐ/GĐ và các Phụ lục Hợp đồng có liên quan (nếu có) đều không thay đổi và giữ nguyên hiệu lực pháp lý.

3.3 Mọi điều khoản không được quy định cụ thể tại *Phụ lục số 03* này sẽ được Hai Bên thực hiện theo Luật pháp Việt Nam.

3.4 *Phụ lục Hợp đồng số 03* này có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2017.

3.5 Phụ lục Hợp đồng số 03 này gồm 04 *(bốn)* trang và được lập thành 04 *(bốn)* bản tiếng Việt và 04 *(bốn)* bản tiếng Anh có nội dung và ý nghĩa như nhau, mỗi Bên giữ 02 *(hai)* bản tiếng Việt và 02 *(hai)* bản tiếng Anh. Trong trường hợp có sự mâu thuẫn giữa bản tiếng Anh và bản tiếng Việt thì bản tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

Cả Hai Bên đã đọc lại nội dung, hoàn toàn am hiểu và nhìn nhận là thể hiện đúng ý định của mình.

ĐẠI DIỆN BÊN A	**ĐẠI DIỆN BÊN B**
CÔNG TY CỔ PHẦN SONADEZI GIANG ĐIỀN	CÔNG TY TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN
Nguyễn Thị Hạnh	**Tsai Yu Ming**

Ký bởi: CÔNG TY TNHH GREAT KINGDOM GIANG ĐIỀN